

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT

TẬP I

Sách này chỉ kính biếu, không bán!

Quý bạn đọc có thể thỉnh sách tại TU
VIỆN CHƠN NHƯ. Ấn bản điện tử được đăng tải
tại trang web:

<https://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC

**ĐƯỜNG VỀ
XỨ PHẬT**

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

BẠC A LA HÁN



*Bạc A La Hán xuất hiện làm chấn động,
đảo lộn tư tưởng triết học, thần học, thiên học v.v..
Đựng lại nền đạo đức nhân bản - nhân quả, giúp loài
người xây dựng cuộc sống thế gian thành cuộc sống
Thiên đàng, Cực Lạc.*

Thư ngỏ

Chơn Như, ngày 24 tháng 8 năm 2003.

Kính gửi: Các bậc Tôn Túc, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại-Đức, Tăng, Ni và quý vị Phật tử nam nữ cư sĩ bốn phương.

Kính thưa quý vị! Bộ sách Văn Hóa Phật Giáo Đường Về Xứ Phật và bộ sách Văn Hóa Phật Giáo Giới-Đức Làm Người đến nay đã được Nhà Nước cho phép in ấn và phát hành.

Hai bộ sách trên đây là một trong những bộ sách Văn Hóa Phật Giáo Mười Giới-Đức Thánh Sa Di, Giới-Đức Thánh Tăng và Thánh Ni, Đạo-Đức Nhân Bản - Nhân Quả. Những bộ sách Văn Hóa Phật Giáo nguyên gốc mà tác giả ghi lại bằng những kinh nghiệm công sức tu tập của mình theo đường lối giáo lý Nguyên Thủy “GIỚI, ĐỊNH, TUỆ” của-Đức Phật. Nó mang lại một kết quả rất thực tế và cụ thể cho một đời sống an lạc, thanh thoi và hạnh phúc của kiếp làm người. “Sống không làm khổ mình, khổ người” và “làm chủ sanh, già, bệnh, chết”.

Nếu ai muốn đem những bộ sách này ra bình luận đúng sai thì hãy tu tập như tác giả, có nghĩa là phải tu tập làm chủ sanh, già, bệnh,

chết, nếu chưa làm chủ được bốn sự đau khổ này, mà bình luận bộ sách này thì quý vị tự biết khả năng của mình chưa đủ sức bình luận nó.

Nếu vì một lý do gì về sự sống của quý vị mà bình luận nó thì quý vị quá nông cạn, đã tự dối mình, dối người để che đậy những điều không phải của Phật giáo. Đó là quý vị quên đi bốn phận và trách nhiệm của người đệ tử Phật là phải dẹp bỏ những tà kiến ngoại đạo đang ẩn nấp trong ngôi nhà chánh pháp.

Trong sách này dạy rằng “không có thể giới siêu hình”, nếu quý vị bảo rằng: “có thể giới siêu hình thì quý vị hãy tu tập có trí tuệ tam minh, rồi quan sát vũ trụ tìm xem linh hồn người chết, Thần, Thánh, quỷ ma ở đâu, có hay không

có? Chẳng đó mới bình luận sách này đang sai.

Còn bảo rằng sách này dạy không đúng lời của Phật, thì quý vị hãy lấy tạng kinh Nikaya ra so sánh và phải sống cho đúng đời sống Phạm hạnh của bậc Thánh Tăng, Thánh Ni, thiền định phải nhập cho được bốn Thánh Định, làm chủ đời sống, tâm không còn tham sân si, mạn, nghi; làm chủ bệnh tật, không còn đi bệnh viện bác sĩ mà phải tự khắc phục các bệnh khổ, nó không còn tác động đến thân tâm và phải làm chủ sự sống chết. Khi làm chủ được như vậy thì quý vị mới bình luận bộ sách này đang sai với giáo lý Phật Giáo. Còn quý vị chưa thực hiện được thì xin quý vị đừng bàn đến mà hãy lo tu tập để cứu mình. Vì quý vị chưa làm chủ được sự

sống chết mà dựa vào những kiến giải của những nhà học giả xưa và nay thì cũng giống như những người mà sờ voi thì quý vị sẽ làm trò cười cho những người hiểu biết. Tại sao vậy?

Vì lời nói của quý vị không minh chứng được với việc tu hành. Lời nói không đi đôi với hành động sống và làm chủ thân tâm, thành ra quý vị chỉ lý luận suông mà thôi.

Kính thưa quý vị! Phật Giáo là một tôn giáo có nền đạo đức nhân bản - nhân quả của loài người, nền đạo đức ấy sẽ giúp cho con người xây dựng cho mình một cuộc sống Thiên Đường, Cực Lạc tại thế gian này. Vì thế, chúng ta không có quyền dìm mất nó đi một lần nữa, nó mất đi loài người trên hành tinh này chịu một

sự thiệt thòi rất lớn và nhất là Phật giáo chỉ còn là một tôn giáo mê tín mà thôi. Xin quý vị lưu ý.

Sau cùng chúng tôi xin thành tâm kính chúc quý vị thân tâm dồi dào sức khỏe.

Kính ghi

Thích Thông Lạc

Thầy bói tu

Hôm nay là buổi học đầu tiên về pháp hành, đường lối tu tập của đạo Phật, xin quý Thầy và quý Phật tử nên chấp tay lên niệm hồng danh đức Phật:

“Nam Mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni” (3 lần).

Đây là những bài học đạo đức nhân bản - nhân quả làm người, nó được mọi người có đủ duyên rèn luyện tu tập từ

khi có đạo Phật xuất hiện trên hành tinh này. Đấng Giáo Chủ đạo Phật được người đời sau tôn xưng là Đức Thích Ca Mâu Ni. Người đã tự tu, tự chứng và đã giác ngộ đạo lý nhiệm mầu, chứng thật sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Đó là một sự giải thoát ra khỏi kiếp sống của con người đầy dẫy đau khổ và luôn luôn nối tiếp mãi trong kiếp luân hồi sanh tử không bao giờ dứt.

Đạo Phật đã có mặt trên trái đất này từ 2541 năm cho đến nay, nhưng nếu chúng ta chịu khó nghiên cứu kỹ về kinh sách và lịch sử của đạo Phật theo kinh tạng Nguyên Thủy thì chúng ta sẽ thấy:

Khi đức Phật còn tại thế, thì chúng Tỳ kheo tu tập đúng chánh pháp. Còn khi ông A Nan mất và về sau này chúng

Tỳ kheo đều tu sai pháp của đạo Phật (Ông A Nan là người đệ tử sau cùng của đức Phật nhập diệt). Vì thế, không còn người tu chứng lái con thuyền Phật giáo vững vàng, nên các Tổ Bà La Môn tự tung, tự tác kết tập và biên soạn kinh sách theo kiến giải, tưởng giải của mình, không có một chút kinh nghiệm tu chứng, nên kinh sách phát triển Đại Thừa biên soạn theo kiểu thế tục hóa mê tín dân gian. Cho nên, khi các Tổ tu chưa chứng mà đi truyền đạo đến các nước khác thì bị các tôn giáo khác đồng hóa. Vì thế, kinh sách phát triển Đại Thừa là một loại kinh sách tưởng mà không có gốc.

Tuy vậy, một trăm năm đầu ấy, ngay từ khi đức Phật còn tại thế, chúng Tỳ kheo còn có nhiều người sống không đúng Phạm hạnh, không ly dục ly ác

pháp, nên đức Phật buộc lòng phải chế giới bốn Patimokha để ngăn cấm, nhưng từ khi có giới bốn ra đời chúng Tỳ kheo lại càng vi phạm nhiều hơn (Đoạn kinh này do lý giải của các Tổ trong các kinh Đại Thừa). Riêng chúng tôi nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy thì không phải vậy. Vì bộ kinh giới Sa Môn Quả, đức Phật đã dạy đầy đủ giới luật, không có thiếu một giới nào cả: “giới cấm, giới đức, giới hạnh và giới hành” trong kinh Trường Bộ tập 1 thuộc tạng kinh Nikaya – Pali. Chỉ có giới cấm sau này các Tổ biên soạn ra và gán cho Phật chế ra. Trong bộ giới cấm của các Tổ, chúng ta thấy có nhiều chỗ sai lầm rất lớn như: đức Phật là một người tu chúng đầy đủ trí tuệ, thế mà chế giới ra, giới luật lại được sửa đi, sửa lại năm lần bảy lượt.

Các bạn thấy như vậy có đúng không? Còn trong kinh Sa Môn Quả, đức Phật chỉ thuyết giảng Thánh Hạnh quả của người tu sĩ Phật giáo cho vua A Xà Thế nghe có một lần, chứ không bao giờ sửa đi sửa lại. Do điều này, mà chúng ta biết bộ giới cấm là do các Tổ biên soạn viết ra.

Đến khi đức Phật thị tịch, các vị đại đệ tử của Người, không đủ uy đức điều khiển với một số chư Tăng quá đông đảo (1250) vị Tỳ kheo. Vì thế, sau khi trà tỳ đức Phật xong, các vị đại đệ tử của đức Phật, nhất là ông Ca Diếp đã trực tiếp nghe một số chúng Tỳ kheo vui mừng khi hay tin đức Phật nhập diệt.

Sau khi đám tang xong, ông vội vàng mở cuộc họp, thiết lập cuộc kết tập kinh luật lần đầu tiên, để lấy đó làm

giềng mối cho đạo Phật ở ngày mai.

Từ khi đức Phật nhập diệt, kinh luật đã được thiết lập theo các Tổ, nhưng mầm mống chia rẽ và phá giới, phạm giới đã có từ lúc đức Phật còn tại thế. Cho nên, ít ai còn giữ gìn và sống đúng giới hạnh. Đến khi ông A Nan tịch thì không còn ai có đủ quyền lãnh đạo, nên lần lượt chư Tăng chia thành nhiều bộ phái (20 bộ phái) và mỗi bộ phái tự kiến giải kinh luật riêng của bộ phái mình. Do đó, kinh sách phát triển của đạo Phật, càng ngày càng tăng lên rất nhiều.

Chính những kinh sách này, dẫn đến lìa xa đạo Phật (mất gốc). Người tu sĩ đạo Phật, sống không còn đúng Phạm hạnh, tâm không ly dục ly ác pháp được, nên Thiên định tu hành chẳng có

kết quả, nhập định chẳng được, phần đông rơi vào tà định. Vì thế, thời nay ít ai tu đúng "Chánh niệm" và nhập đúng "Chánh định". Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định chỉ còn là lý thuyết suông.

Những học giả, những giảng sư và những hành giả tu chưa đến nơi, đến chốn, đem tướng giải và kiến giải ra giảng những kinh Tứ Diệu Đế, Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Định, Thập Thiện, Đạo Đức Nhân Quả của đạo Phật v.v... Họ không thể triển khai nổi, chỉ thuyết giảng loanh quanh, lập lại những kiến giải, tướng giải của những người xưa, rồi thêm vào những kiến giải vay mượn của các tôn giáo khác, của cả khoa học hiện đại ngày nay.

Đọc lại những quyển kinh luận của

các nhà học giả, sư, thầy viết ra, lý chánh pháp mù mờ không rõ, đời - đạo viên dung lẫn lộn, đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo, mượn râu ông nọ cắm cằm bà kia, giống như chiếc áo chắp vá chỗ này, chắp vá chỗ khác, hành pháp thì không thông, nên tưởng tượng ra các hành, dựa theo khoa học, võ học, dưỡng sinh, khí công, các pháp hành của Yoga v.v... , tu tập ức chế thân tâm một cách quá đáng, tạo ra biết bao nhiêu bệnh tật cho những hành giả ngu si tự đem mình vào chỗ chết, chỗ khổ mà không biết.

Kinh sách phát triển của đạo Phật quá nhiều, nhưng chẳng biết tìm đâu ra một cuốn kinh nào để tu đến nơi đến chốn, đọc vào chỉ toàn là luận lý thuyết suông, thực hành thì vay mượn những pháp môn của ngoại đạo. Chính những

người đã viết ra những bộ kinh sách đang bày bán, họ cũng chẳng tu đến đâu, vì họ đang sống chạy theo dục lạc thế gian như những người khác, vì thế biết rõ họ chưa giải thoát.

Sau mười năm trong thất, sống giữ gìn giới luật đúng Phạm hạnh và tu tập Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Định, chúng tôi đã thấy được kết quả của những pháp môn này, làm chủ sự sống chết và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Ra thất, chúng tôi thành lập tu viện Chơn Như, quyết tâm chấn hưng lại Phật Pháp. Mười bảy năm trôi qua, biết bao nhiêu người theo tu với chúng tôi, chỉ có ăn, ngủ, đọc cơ mà không ai tu nổi, thì làm sao tu định vô lậu, ly dục ly ác pháp, không ly được dục ly ác pháp thì làm sao nhập Tứ Thánh Hiện

Tại An Lạc Trú Định được.

Hiện Tại An Lạc Trú Tứ Thành Định, không nhập được thì không bao giờ làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi.

Tu viện của chúng tôi, chỉ còn lại một vài người sống đúng Phạm hạnh, ly dục ly ác pháp, hiện giờ họ đang thực hiện khá sâu vào Tứ Niệm Xứ để thực hiện Thiền định (Tứ Thành Định), họ sẽ là những người thấp sáng lại đạo Phật sau này, nếu chúng sanh có đủ duyên, còn nếu không đủ duyên tức là thiếu phước thì những tu sĩ này sẽ không đủ nghị lực và bền chí chiến đấu lại những nghiệp lực cuối cùng của đời họ, thì Phật giáo chấn chỉnh rất mờ mịt và khó khăn vô cùng. Vì giới luật, là cửa ngõ để bước vào được nhà Thiền định mà

giới luật thì quá khắc nghiệt. Cho nên, sống đúng giới luật thì quá khó khăn vô cùng.

Con đường tu hành theo đạo Phật rất thực tế và cụ thể cho tất cả mọi người, đều có thể giải thoát khỏi cảnh khổ của thế gian bằng một cuộc sống "Đạo" ly dục ly ác pháp.

Sống có ly dục ly ác pháp thì sự tu hành theo đạo Phật mới có kết quả, bằng ngược lại tu hành vô ích, không lợi mình lợi người còn mang nợ đàn na thí chủ.

Vì sống đạo thì phải ly dục ly ác pháp, nên ít có người theo sống được, hầu hết đều bỏ cuộc tu hành hoặc tu có hình thức hoặc biến thái đạo Phật qua một hình thức khác (Bồ tát hạnh) để dễ bề hành dục lạc.

Suy đi nghĩ lại, chúng tôi đắn đo nhiều lần. Có nên triển khai giáo án đường lối tu tập của đạo Phật cho hậu thế ngày mai không? Nếu đường lối tu hành của đạo Phật không được phổ biến ở đời này, nhất là "đạo đức nhân bản - nhân quả giải thoát không làm khổ mình, khổ người" thì loài người sẽ đi về đâu? Và sẽ khổ đau biết dường nào?

Sự mê mờ vô minh của con người từ ngàn xưa đến nay đã làm chấp và cho các pháp thế gian là thật có sẽ đem lại hạnh phúc cho họ, khi họ được đầy đủ. Vì sự lầm chấp này, họ ôm giữ khúc khúc không chịu buông bỏ ra. Do thế, ác pháp càng tăng trưởng, thiện pháp càng suy giảm, con người khổ đau lại càng khổ đau hơn.

Lòng thương xót loài người, họ đã

theo đạo Phật từ xa xưa, hiện giờ và mai sau, bao thế hệ này nối tiếp bao thế hệ kia, giải thoát đâu không thấy chỉ thấy toàn ưu bi, sầu khổ, bệnh, chết, lại càng khổ đau hơn. Tu mãi chỉ có an ủi tinh thần một cách trừu tượng, mơ hồ chẳng có thực tế chút nào cả, chẳng có lối thoát ra, loanh quanh lẫn lẩn trong mê hồn trận của Đại Thừa và Tối Thượng Thừa Thiền Tông.

Những gương Thầy Tổ của chúng ta trước khi chết họ phải chịu khổ đau quá ư cay đắng, khiến cho chúng ta băng khuâng và lo nghĩ rất nhiều về số phận của mình và các đệ tử sau này.

Đạo Phật nói riêng và các tôn giáo khác nói chung, có giải quyết được sự khổ đau của con người hay chẳng? Nhất là bốn nỗi khổ của kiếp làm người:

sinh, già, bệnh, chết. Không lẽ tôn giáo ra đời chỉ là những điều an ủi tinh thần suông của thế hệ này, đến thế hệ khác sao? Cho nên, chúng ta tự hỏi: “mục đích của các tôn giáo đến với loài người để làm gì?”. Đến với loài người, để xây dựng nền đạo đức nhân bản – nhân quả, giúp cho con người tự không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh, hay là tôn giáo đến để ru ngủ con người vào một giấc mơ đẹp Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn hay chúng Thiên, chúng đạo hoặc kiến tánh thành Phật, thành Tiên, thành Thánh v. v...

Do những sự tư duy trên đây, bắt buộc chúng ta phải xác định rõ ràng về tôn giáo: Nếu giáo lý của tôn giáo nào chúng nghiệm được như khoa học thì giáo

lý ấy là đạo đức nhân bản – nhân quả của loài người; còn giáo lý nào chúng nghiệm khoa học không được thì giáo lý ấy là giáo lý mơ hồ, trừu tượng, giáo lý mê tín, giáo lý ru ngủ con người giống như liều thuốc an thần.

Sau những ngày nghiên cứu các tôn giáo, Chúng tôi chọn Phật Giáo, vì Phật giáo rất gần gũi với khoa học. Chọn xong và đem hết cuộc đời mình, quyết hy sinh làm một cuộc thí nghiệm trên giáo pháp của tôn giáo ấy. Nhờ sự quyết tâm đó, chúng tôi đã loại bỏ ra rất nhiều pháp môn của ngoại đạo đang pha trộn trong giáo pháp của Phật Giáo. Cuối cùng, chúng tôi chứng nghiệm sự giải thoát của đạo Phật rất cụ thể và rõ ràng. Khi sống trong trạng thái giải thoát, chúng tôi không đành lòng nhìn

con người dần dần đi xuống hố thẳm khổ đau, mà cứ tưởng mình vượt ra đau khổ bằng khối óc, đôi tay, bằng những kỹ thuật, khoa học, công nghệ hiện đại v.v... Họ tin rằng, khoa học và công nghệ hiện đại sẽ làm ra vật chất đầy dẫy, thì loài người sẽ đầy đủ hạnh phúc an vui, không còn khổ đau nữa. Sự nghĩ tưởng như vậy, họ đã làm. Nếu con người không có đạo đức, thì đừng lấy vật chất mà giải quyết sự khổ đau của con người được. Vật chất càng nhiều, sự khổ đau của con người càng lớn, do lòng ham muốn vật chất nên tạo ra nhiều ác pháp và thế gian này sẽ là địa ngục. Nếu không có đạo đức, mà vì vật chất thì con người sẽ trở thành ác thú hay là quỷ dữ v.v... Biết mình tu hành chưa đủ uy đức như Phật, chưa đủ tài trí làm

*công việc lớn này, nhưng không thể làm
ngơ trước sự đau khổ của muôn người,
trước sự tồn vong của đạo Phật, nhất là
nền đạo đức nhân bản – nhân quả.*

*Một tôn giáo có hàng triệu triệu
người theo tu hành, lại tu không đúng
chánh pháp. Vì thế, chúng tôi chẳng
ngại nói lên sự thật, để xây dựng lại
đường lối tu tập của đạo Phật đúng
đắn, để làm sáng tỏ lại giáo pháp và
nền đạo đức của đức Phật, và để cứu
giúp biết bao nhiêu người, đang lầm
đường lạc lối, tu sai pháp (tu ức chế
tâm).*

*Nếu trên thế gian này, còn có những
bậc chân tu của Phật giáo thì hãy vì tiền
đồ của Phật giáo, vì tất cả chúng sanh,
vì nhân loại... Hãy cùng với chúng tôi,
vui lòng góp sức chỉ những chỗ sai sót,*

*để chúng tôi kịp thời chấn chỉnh cho đúng
đường lối tu hành, và đạo đức nhân bản
- nhân quả của đạo Phật. Xin chân
thành tri ân quý vị.*

Kính ghi

Trưởng lão Thích Thông Lạc

(Ngày 06 - 10 - 1997)

Lời bạt

Biên soạn và trả lời những câu hỏi của các Phật tử bốn phương về đường lối tu tập của đạo Phật, chúng tôi dựa theo bốn bộ kinh A Hàm thuộc Hán tạng và năm bộ kinh Nikaya thuộc tạng Kinh Pali cộng với kinh nghiệm tu hành của chúng tôi.

Việc biên soạn những câu trả lời này, chúng tôi tự hiểu lời dạy của đức Phật qua

kính nghiệm tu hành, không dựa vào điển giải của các nhà học giả xưa và nay, không theo lối mòn đã giảng dạy của các Ngài, không chịu ảnh hưởng danh từ dịch thuật và các tôn giáo khác.

Chúng tôi biên soạn những câu trả lời này qua những lời Phật dạy trong các bộ kinh Nguyên Thủy mà chúng tôi tu tập đã có kết quả thiết thực, cụ thể, làm chủ sự sống chết và chấm dứt tái sanh luân hồi bằng sức ý thức định lực tâm linh của mình.

Có những kính nghiệm của chúng tôi đúng với những pháp hành trong kinh điển của đạo Phật. Phần đông, các nhà học giả, các vị giảng sư, xưa và nay không triển khai nổi. Nên chúng tôi phải dùng những câu kính để chứng minh Phật đã dạy thực

hành như vậy, chứ không phải tự chúng tôi kiến giải theo tâm thức phạm phu.

Khi mình chứng những lời dạy này, chúng tôi đóng ngoặc và ghi lời dạy đó ở bộ kinh luận nào, trang mấy, bài kinh số mấy để quý vị tiện nghiên cứu lại. Còn chỗ nào để hiểu và không nghi ngờ, thì chúng tôi thuyết giảng luôn và không minh chứng, được xem đó là dòng tư tưởng lưu xuất của chúng tôi đang hòa nhịp với những lời Phật dạy trong kinh tạng Pali. Vì thế, chúng tôi không cần nêu ra, vì có nêu ra làm mất thời giờ vô ích.

Bộ sách Văn Hoá Phật giáo Đường Về Xứ Phật này, được giảng dạy đi thẳng vào cuộc sống Phạm hạnh (Giới luật), lý đạo, lý pháp song song với hành pháp, để tiện việc cho người tu hành, biết cách sống

đúng Thánh hạnh của đạo Phật. Và những gì cần thông suốt thì phải thông suốt, thực hành dứt bỏ những gì cần dứt bỏ, tu tập những gì cần tu tập, trau dồi thân tâm những gì cần trau dồi.

Người muốn tu theo đạo Phật, phải chấp nhận đường lối tu tập này, là một pháp môn tuyệt vời đưa mình ra khỏi cảnh trầm luân của thế gian, trong 24 tiếng đồng hồ một ngày đêm, không còn có thời giờ rảnh rỗi, liên tục tu tập, dù là giờ đi nghỉ, giờ thọ thực vẫn có pháp để thực hành.

Người tu theo đạo Phật, thực hành đúng như lời dạy trong đường lối tu tập này, thì trong hiện tại ngay đây liền sẽ có một cuộc sống giải thoát hoàn toàn, hạnh phúc an lạc, không phải chờ đợi một ngày, hai

ngày, ba bốn năm ngày mà ngay khi quyết tâm bắt tay vào sự tu hành. Kết quả thấy liền, không làm khổ mình, không làm khổ người, sống một đời thanh cao, an lạc.

Chỉ có những người không nhiệt tâm, chấp hành tu tập không đúng lời dạy trong sách này, thường dễ thất niệm nên không có kết quả giải thoát, dù tu suốt đời cũng vậy. Họ là những người tu theo đạo Phật mà tâm đời không muốn rời bỏ, nên kết quả chẳng ra gì. Họ là những người tu chơi làm mất thời giờ vô ích.

Việc biên soạn những câu trả lời này, mục đích dựng lại những tinh hoa cốt tủy của đạo Phật, ngõ hầu giúp cho mọi người thấu hiểu đạo Phật rõ ràng và khái quát hơn.

Một tôn giáo có cuộc sống an lạc hạnh

phúc, gần nhất của loài người, thực tế và cụ thể như khoa học hiện đại, một tôn giáo không có tính cách mê tín, trừu tượng, huyền bí, thần kỳ, chỉ là một sức tự lực thoát ra lòng ham muốn của chính mình, để vượt khỏi sóng gió ba đào của kiếp người, bằng một nghị lực kiên cường, gan dạ, nhẫn nại, bền chí ...

Việc biên soạn những câu trả lời này, là mục tiêu quét sạch những tà kiến ngoại đạo đang giả danh, giả nghĩa đạo Phật, làm mê mờ và lừa gạt hàng vạn triệu tín đồ Phật giáo trên khắp năm châu.

Việc biên soạn những câu trả lời này là mục đích chỉ thẳng cho tín đồ Phật giáo nhận biết những vị Tỳ kheo nào là đệ tử của đức Phật và những vị Tỳ kheo nào là đệ tử

của Bà La Môn Giáo và Tiên Giáo...

Lời thật mất lòng, chúng tôi biết, ngoài chúng tôi ra chẳng còn ai dám nói thẳng. Từ xưa đến giờ, có nhiều người đã biết cái không đúng trong đạo Phật và giáo lý ngoại lai đã biến Phật giáo thành Thần giáo mà vẫn cứ chịu làm thính, vì không dám nói ra, nói ra các vị thầy lớn và các bậc tôn túc răn đe đủ cách khiến cho các thầy nhỏ chẳng dám hé răng. Họ bưng bít mọi điều để che đậy các hành động sai quấy của mình. Cũng vì thế, Phật giáo chỉ còn có bề mặt bên ngoài, còn bên trong thì mỗi một đã đục nát tan.

Những bậc chân tu nhìn thấy hoàn cảnh tu sĩ của Phật giáo hiện giờ, phạm giới, phá giới, sống như người thế tục, vật

chất đầy đủ, xe cộ không thiếu, nhà cao cửa rộng, sống như những hàng vua chúa, ai mà không đau lòng, đó là một sự sa đọa của tu sĩ Phật giáo, một sự phá hoại Phật giáo tận cùng.

Hoàn thành một bộ sách Văn Hoá Phật giáo Đường Về Xứ Phật, để xác định rõ đường lối tu tập của đạo Phật là một việc làm rất khó trong giai đoạn này. Và lại, việc in thành sách nếu không có Phật tử góp công, góp sức và ủng hộ thì khó viên thành. Nhưng, chúng tôi là những tu sĩ đạo Phật, thấy biết rất rõ các pháp trong thế gian đều do duyên. Duyên chưa đủ, chúng ta có muốn cũng khó thành. Nếu phước chúng sanh đủ, duyên kia sẽ thành, lo gì bộ sách này không đến tay quý vị.

*Chúng tôi sẽ đem hết sức mình làm việc,
để bộ sách này, được đến tay quý vị, sớm
chừng nào tốt chừng nấy, để không phụ lòng
mong đợi của quý vị.*

Kính ghi

Trưởng lão Thích Thông Lạc

(Ngày 08 tháng 10 năm 1997)

CHƯƠNG I

NGƯỜI CƯ SĨ ĐẾN VỚI ĐẠO PHẬT TRƯỚC TIÊN CẦN THÔNG HIỂU

DUYÊN PHẬT PHÁP

Một người có đủ duyên được đọc kinh

sách của đạo Phật, thấy được chân lý của Đạo rất thực tế và cụ thể, hướng dẫn con người cách thức sống có đạo đức, tu tập và trau dồi thân tâm để thoát khỏi kiếp sống đọa đày trầm luân đau khổ của kiếp người, bằng sức tự lực của chính mình nhất là điều khiến được sự sống chết như ý muốn và còn chấm dứt được sự tái sanh luân hồi.

Vì thế, khi bắt đầu đến với đạo Phật để trở thành người đệ tử chân chánh, thì quý vị cần phải thông hiểu những gì chân thật và những gì không chân thật của đạo Phật. Quý vị cần phải sáng suốt chấp nhận những gì đúng và phải biết gạt bỏ những gì không đúng của Phật giáo. Và cuối cùng, quý vị cần phải biết kính trọng và không kính trọng những gì phải và những gì không phải của đạo Phật.

Phần đông, Phật tử hiện giờ không cung kính và tôn trọng chánh pháp của đạo Phật, họ thường tôn kính giáo pháp phát triển Đại Thừa của Bà La Môn và luôn luôn tu hành theo giáo pháp trừu tượng mê tín đó, mặc dù kết

quả tu hành chẳng ra gì. Nếu có ai mạnh dạn nói rằng, giáo pháp phát triển của Đại Thừa không phải là của Phật thuyết, đó là giáo pháp mê tín của ngoại đạo Bà La Môn, thì họ căm tức và tìm mọi cách chống lại. Đôi khi, còn dùng những lời lẽ xỉ vả, mạt sát, một cách hung tợn và bảo thủ.

Khi một người chưa biết Phật Pháp, chưa hiểu đạo Phật, một hôm có đủ duyên được đọc một cuốn kinh Phật như trường hợp chúng tôi đã nghe quý Phật tử thuật lại: *“Con từ hồi nào tới giờ chưa biết Phật Pháp, một hôm được người bạn trao cho cuốn kinh Thủ Lăng Nghiêm. Nhờ đọc kinh này, con thấu lý của đạo Phật quá tuyệt vời, quá hay. Nên từ đó, con hướng tâm đến đạo Phật, thường đi nghe thuyết giảng trong các chùa và mua thêm những loại kinh sách Phật để tham cứu đường lối và cách thức tu tập của đạo Phật, càng đọc kinh sách Phật con lại càng có ý muốn đi tu hơn!!!”*.

Đó là, những người hữu duyên may mắn được đọc các bộ kinh như: *“Thủ Lăng Nghiêm, Kim Cang Kinh, Pháp Hoa Kinh, Phật Học Phổ Thông và toàn bộ giáo lý A Hàm hoặc kinh Nikaya”*. Ngược lại, những người chưa đủ

duyên, chưa được đọc kinh sách Phật, chưa hiểu đạo Phật ra sao, nên nhìn đạo Phật như một tôn giáo mê tín, ông Phật như ông Thần chuyên phò hộ và ban phước lành cho nhân gian.

Hầu hết hiện giờ, mọi người hiểu đạo Phật qua bốn hệ phái khác nhau:

1. Tịnh Độ Tông, biến Phật giáo thành tôn giáo mê tín, cúng bái, cầu khẩn, niệm Phật cầu vãng sanh như Đạo Bà La Môn.

2. Thiền Tông, biến Phật giáo thành Tiên Giáo.

3. Duy Thức Tông, biến Phật giáo thành khoa tâm lý học.

4. Mật Tông, biến Phật giáo thành tôn giáo huyền bí, linh thiêng.

Thật ra, Phật giáo không phải tâm lý học, không phải cảnh giới siêu hình (Cực Lạc) không phải bản thể của vạn hữu, cũng không phải linh thiêng siêu phàm nhập thánh mà chính là cuộc sống bình thường như mọi người đang sống, nhưng họ đã lìa xa lòng ham muốn và các ác pháp.

Người nào hiểu đúng và biết cách sống đúng **“ly dục ly ác pháp”** sẽ có tâm hồn

thanh thản, an lạc và vô sự. Đó chính là, người có hữu duyên với chánh pháp của đạo Phật, bằng ngược lại thì đó là vô duyên hoặc gặp tà pháp, hoặc có duyên với tà pháp như người Phật tử đã nói ở trên.

Vô duyên không gặp chánh Phật Pháp, còn hơn là những người hữu duyên mà gặp lại tà pháp của ngoại đạo. Gặp tà pháp của ngoại đạo thì lại sanh ra kiến chấp, kiến chấp rất là khó bỏ. Con người vốn vô minh nên khi gặp pháp nào cũng đều tin. Tin một cách mù quáng nên dễ dính mắc tà pháp, nhưng dù biết đó không đúng pháp của đạo Phật, nhưng rất khó bỏ. Vì thế, trên thế gian này có rất nhiều tôn giáo, nhưng tôn giáo nào cũng có người theo, nhất là những tôn giáo có thần thông lại dễ cám dỗ người theo hơn. Do đó, giáo pháp nào có thần thông thì người theo càng ngày càng đông, như kiến bu trên cục đường. Nghe thần thông ai lại không mê, nhưng thần thông chỉ là một loại tưởng lực, ảo giác, lừa đảo con người.



NGƯỜI TÍN ĐỒ CHÂN CHÁNH CỦA PHẬT GIÁO

Do sự hiểu biết không thâm sâu về đạo Phật, hiểu biết một cách nông cạn. Vì thế, tín đồ Phật giáo có thể chia làm năm loại:

1. Người tín đồ đến chùa cúng bái, cầu an, cầu siêu, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu, cúng sao, giải hạn v.v.. (Phật tử mê tín).

2. Người tín đồ đến chùa cúng dường chư Tăng, nghe thuyết pháp giảng kinh để tìm hiểu đạo Phật, những người này có học thức nhưng lại thiếu cân nhắc, nghe giảng pháp nào tin ngay pháp nấy. Không biết pháp có đúng hay sai của đạo Phật, cứ nghe giảng có lý là cứ tu tập. Do thế, sanh ra kiến chấp, tranh luận hơn thua... (Phật tử nông nổi).

3. Người tín đồ đến chùa ít cúng dường chư Tăng, ít lễ Phật, ít cúng bái, chỉ chuyên nghe thuyết giảng kinh điển, học thuộc lòng nghĩa lý và thỉnh nhiều loại kinh sách của các nhà học giả nghiên cứu sưu tầm soạn ra, lấy đó làm tiêu chuẩn, rồi cũng tự kiến giải nghĩa lý ấy, theo quan điểm riêng tư của mình, tìm các

bậc tu hành tranh luận hơn thua để hạ nhục họ và tự cho mình như một bậc Thầy thông suốt lý đạo. Đôi khi, còn tỏ ra như mình đã tu chứng (Phật tử kiêu căng).

4. Người tín đồ đến chùa không cúng bái Phật, không cúng dường chư Tăng, không nghe thuyết giảng kinh, chỉ móc nối làm ăn (Phật tử mượn danh làm ăn).

5. Người tín đồ đến chùa cúng bái Phật, cúng dường chư Tăng, nghe thuyết giảng kinh điển để tìm hiểu và cân nhắc pháp môn nào đúng, pháp môn nào sai, để chọn lấy pháp môn chân chánh của đạo Phật rồi mới tu tập (Phật tử chân chánh).

Trong năm loại Phật tử, chỉ có loại Phật tử thứ năm, mới chính là tín đồ Phật giáo thuần thành, chấp hành nghiêm túc theo đúng lời dạy của đức Phật, còn bốn loại Phật tử kia, là tín đồ không hiểu đạo Phật chịu ảnh hưởng tà giáo ngoại đạo khiến Phật giáo suy vong, cũng chính do bốn hạng Phật tử trên, nhất là hạng Phật tử mê tín.

Nếu không là đệ tử của đức Phật thì thôi, mà đã là đệ tử của đức Phật, thì phải có sự sáng suốt, ngăn ngừa bảo vệ không cho tà giáo ngoại đạo xâm chiếm vào Phật giáo mới đúng,

đàng này thì khác, đệ tử của đức Phật mà lại nổi giáo cho ngoại đạo để diệt Phật giáo mới thật là đau lòng.

Kính thưa quý vị! Không phải quý vị hiện giờ đang thực hành và ca ngợi giáo pháp của ngoại đạo sao?

Những điều quý vị đến chùa cúng bái, cầu siêu, cầu an, cúng sao giải hạn, xem ngày giờ tốt xấu v.v.. và như vậy, quý vị có làm đúng như lời Phật dạy không?

Quý vị hằng ngày ngồi Thiền, niệm Phật đã được những kết quả giải thoát gì? Tâm có hết tham, sân, si chưa? Hay chỉ ngồi kiết già ba bốn tiếng đồng hồ, quý vị cho đó là kết quả ư!

Ở những giáo pháp này, đã biến quý vị trở thành những con chiên ngoan đạo, quý vị có biết không?

Những giáo pháp này, đã biến Phật giáo thành tà giáo ngoại đạo, mê tín, lạc hậu, thiếu khoa học, không logic. Các vị có tin lời nói của chúng tôi không? Đó là, một sự thật hiển nhiên, xin các vị suy ngẫm lại.



VỊ MINH SƯ PHẬT GIÁO

 người vô duyên không được gặp Phật

Pháp, cuộc đời trôi theo dòng nước đục lặc uest trước thế gian, bảy nổi ba chìm, khổ đau vô tận, từ kiếp này chuyển sang kiếp khác không bao giờ dứt, như con kiến đi quanh vòng miệng lu.

Người vô duyên không gặp Phật Pháp, lại gặp tà pháp, càng tu tự ngã càng cao, thường gạt người để mua danh cầu lợi, làm nhiều điều tội ác, thật là uổng phí cho một đời tu của một kiếp người.

Người hữu duyên gặp được Phật Pháp nhưng không gặp được minh sư, không thấu rõ lý chánh pháp của đạo Phật, tu tập theo kiến giải của các nhà học giả, giống như loài vật gặm xương, bỏ đi thì uổng, nhai lại thì chẳng có gì.

Người hữu duyên và có tâm quyết tu theo đạo Phật, để mong cầu thoát ra cảnh khổ trần lao thế tục, mà lại gặp những kinh sách phát triển Đại Thừa hiện hành của các nhà học giả biên soạn ra xưa và nay thì tu hành dở sống dở chết chẳng ra gì. Đời chẳng ra đời, đạo

chẳng ra đạo.

Để làm sáng tỏ trong giới tu sĩ Phật giáo hiện giờ, chúng ta có thể chia làm sáu loại tu sĩ như sau:

1/ Tỳ kheo chuyên cúng bái, tán tụng, kê ngâm (ứng phú đạo tràng). Tỳ kheo này ít học giáo lý, chùa là nơi sinh sống như một gia đình, có vợ, có con, tự làm ăn mọi nghề nghiệp như một gia đình thế tục: làm ruộng, làm rẫy, làm vườn, chăn nuôi heo, gà, dê, bò v.v.. Có ai thỉnh đi cúng bái, tụng niệm cầu siêu, cầu an v.v..., đều cất giá tiền công hăn hời.

2/ Tỳ kheo chuyên cúng bái tụng niệm, cầu siêu, cầu an, tổ chức lễ lộc, tổ chức hành hương, tổ chức từ thiện v.v.. Các vị Tỳ kheo này không có vợ con, có trình độ giáo lý và có học thức, đi đám tụng niệm không lấy tiền công, chỉ nhận tiền cúng dường trai tăng tứ sự v.v.. Chùa là nơi sinh hoạt của những Phật tử mê tín suốt ngày.

3/ Tỳ kheo chuyên học tập giáo lý, làm việc Giáo Hội, giảng sư dịch thuật, soạn kinh viết sách, các vị Tỳ kheo này có trình độ văn hóa cao, có kiến thức Phật giáo sâu rộng nhưng không có tu hành, họ thuộc về cấp lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo.

4/ Tỳ kheo vừa tu vừa thuyết giảng kinh điển Thiên, Mật và Tịnh cho tín đồ tu tập theo kiến giải của mình, những Tỳ kheo này tu theo Bồ Tát Đạo, hành Bồ Tát Hạnh. Bốn hạng Tỳ kheo trên đây thuộc về Bắc Tông Đại Thừa Giáo.

5/ Tỳ kheo chuyên ăn thịt chúng sanh, đó là những Sư Nam Tông, tu theo kinh sách Nguyên Thủy, nhưng bị kiến giải của các nhà học giả có học thức cao trên đại học thường phá giới, sống phi Phạm hạnh nên hiểu sai lời dạy của đức Phật đã trở thành những ác tri thức, mất chủng tử từ bi, xa lìa hạt giống chánh pháp, thường lý luận để ăn thịt chúng sanh: “*Ăn không thấy, không nghe, không nghĩ*”.

6/ Tỳ kheo cất thất, am, cốc riêng để tu một mình, đó là những tu sĩ tiêu cực, yếm thế, chỉ tìm sự an vui cho cá nhân. Họ tưởng tu như vậy là giải thoát, nhưng nào ngờ là trốn đời chạy theo tâm ham muốn sống cảnh yên tịnh.

Trên đây là sáu hạng Tỳ kheo:

a/ Nếu quý vị chọn loại một làm thầy thì quý vị tu theo Phật Giáo Đại Thừa Ứng Phú Đạo Tràn mê tín, chịu nhiều ảnh hưởng phong tục tập quán dân gian, những Tỳ kheo

này phần đông phá giới, phạm giới, sống không bao giờ đúng giới hạnh, những tu sĩ này được xem là những cư sĩ trọc đầu.

b/ Nếu quý vị chọn loại hai làm thầy, thì quý vị tu theo Phật Giáo Đại Thừa thuộc Bà La Môn Giáo, tu phước hữu lậu.

c/ Nếu quý vị chọn loại ba làm thầy, thì quý vị tu theo Phật Giáo Đại Thừa danh lợi.

d/ Nếu quý vị chọn loại bốn làm thầy, thì quý vị tu theo Phật giáo Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông. Những pháp môn tu này giống như người nhai viên sắt, nuốt chẳng vô, nhả chẳng ra.

e/ Nếu quý vị chọn loại năm làm thầy, thì quý vị tu theo Phật giáo Nam Tông, trở thành ác tri thức, mất tâm từ bi, xa lìa đạo giải thoát.

f/ Nếu quý vị chọn loại sáu làm thầy, thì quý vị tu theo Phật giáo yếm thế trốn đời, tiêu cực. Cuộc đời tu hành chẳng tu tới đâu, chỉ có công mà chẳng lợi ích gì.

Trong đạo Phật có sáu loại tu sĩ như vậy, nếu quý vị không chấp nhận họ làm thầy của mình, thì quý vị chấp nhận ai làm thầy của mình?

Chúng tôi xin giới thiệu một vị minh sư của đạo Phật, để quý vị khỏi tìm kiếm đâu xa và khỏi bị tà sư ngoại đạo lường gạt. Vị minh sư ấy là ***“Giáo Pháp và Giới Luật của đức Phật”***. Xưa, đức Phật cũng nhờ nương vào giáo pháp và giới luật này, mà Ngài tu chứng đạo. Cho nên, khi thành đạo Ngài đã quỳ xuống đánh lễ giáo pháp này và tôn xưng nó là Thầy của mình. Đến khi nhập diệt vào Niết Bàn, Ngài di chúc lại: ***“Sau khi Ta nhập Niết Bàn, các Thầy Tỳ kheo hãy lấy Giáo Pháp và Giới Luật của Ta làm Thầy, làm chỗ nương tựa vững chắc tu hành...”***

Chúng tôi cũng xin giới thiệu, kinh sách của chính đạo Phật để quý vị khỏi lầm kinh giả.

1. Bốn bộ kinh A Hàm.

2. Năm bộ kinh Nikaya.

Tuy rằng, bốn bộ kinh A Hàm và năm bộ kinh Nikaya là kinh gốc của đạo Phật, nhưng trong ấy các Tổ đã có sự thêm bớt rất nhiều, nhất là kinh A Hàm, các Tổ đã dịch làm lệch ý của Phật và còn soạn viết những bài kinh gach nối giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa. Vậy, quý Phật tử khi nghiên cứu đừng tin trọn những

kinh sách này, mà hãy nhớ lời đức Phật đã dạy:

“Này các Kàlà mà!

- 1- Chớ có tin vì nghe truyền thuyết,***
- 2- Chớ có tin vì nghe truyền thống,***
- 3- Chớ có tin vì nghe người ta nói đồn,***
- 4- Chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng,***
- 5- Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình,***
- 6- Chớ có tin vì đúng theo một lập trường,***
- 7- Chớ có tin vì đánh giá hơi hợt những dự kiện,***
- 8- Chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình,***
- 9- Chớ có tin nơi phát xuất có uy quyền,***
- 10- Chớ có tin vì bậc Sa Môn là Đạo Sư của mình, v.v..***

Nhưng này các Kàlà mà! Khi nào, tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này bất

thiện, các pháp này là có tội lỗi, các pháp này bị người có trí hiểu biết chỉ trích, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau”. Thời này, Kàlāmà hãy từ bỏ chúng không nên tin theo”.

Những lời dạy trên đây của đức Phật, là những lời nhắc nhở và cảnh cáo đệ tử của mình, đừng quá vội tin mà bị lừa đảo những pháp môn ngoại đạo giả mạo của Phật giáo.

Rút ra từ những lời dạy này, khi bước chân vào các tôn giáo thì chúng ta cần phải dè dặt cẩn thận nhiều hơn, không nên tin mù quáng mà phải chọn đúng chánh pháp dạy đạo đức làm Người, làm Thánh. Vì chính đạo đức làm Người, làm Thánh là sẽ không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả những loài chúng sanh.



ĐẠO PHẬT LÀ MỘT TÔN GIÁO TỰ LỰC

Người muốn đi theo con đường tu hành chân chánh của đạo Phật, thì phải thấu rõ đời sống của con người từ khi sinh ra cho

đến khi chết, toàn là một cuộc sống khổ, khổ như thật, khổ vì thân tâm của mình mang đầy ắp phiền não tham, sân, si, khổ vì mọi người sống chung quanh mình tư tưởng không đồng nhau, khổ vì hoàn cảnh trái ngang lúc thuận lúc nghịch, khổ vì cơm ăn áo mặc phải vất vả gian nan. Khi chúng ta thấy đúng, biết đúng khổ như vậy, thì mới dám chọn con đường tu hành của đạo Phật. Nếu không thấy đời sống khổ như thật, còn thấy nó có hạnh phúc, có an lạc, sung sướng thì đừng nên chọn con đường tu hành của đạo Phật.

Tại sao vậy?

Tại vì, con đường tu hành của đạo Phật là con đường đi ngược lại với cuộc sống của đời người. Vả lại, con đường tu hành theo đạo Phật là một con đường phải tự lực dùng sức lực của mình, luôn luôn phải trau dồi thân tâm và rèn luyện tu tập cố sức xả bỏ những tâm niệm đầy tham muốn và các ác pháp đang vây quanh. Khi muốn xả bỏ như vậy, thì chúng ta cần phải gan dạ, lắm lý, kiên trì, chịu đựng, kham nhẫn v.v.. Và còn phải đầy đủ nghị lực để mạnh dạn dứt bỏ những thói hư, tật xấu, chứ không phải vào điện Phật cúng bái, cầu khẩn, van xin, nhờ tha lực chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ, trợ lực cứu

khổ cứu nạn, giải thoát các khổ đau, tai ương, bệnh tật v.v., hay phóng hào quang tiếp độ những vong hồn người chết về cõi Cực Lạc Tây Phương.

Và cũng không phải tu hành bằng cách tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, ngồi Thiền, luyện bùa, luyện chú để có thần thông, pháp thuật v.v.. hoặc để cầu được sinh về Cực lạc, Niết Bàn bằng những tha lực, oai lực của chư Phật, chư Bồ tát.

Muốn tu theo đạo Phật để thoát cảnh khổ đau của kiếp làm người, thì phải dùng sức tự lực của chính mình, chứ không phải bằng tha lực của người khác, như trong các kinh sách phát triển Đại Thừa dạy.

Đọc kinh sách Nguyên Thủy, chúng ta thấy đức Phật dạy tu hành bằng những pháp môn tự lực, hầu hết không có một bài pháp nào dạy tu tập cầu tha lực. Chỉ có kinh sách phát triển Đại Thừa mới có dạy tu tha lực mà thôi (niệm Phật cầu vãng sanh).

Khi nghe giảng đến đây, có người lại hỏi chúng tôi: Vậy, kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: **“Tứ Bất Hoại Tịnh”**, không phải pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới sao?

Kính thưa quý Phật tử! Đức Phật dạy niệm Phật là sống như Phật, chứ không phải niệm danh hiệu Phật; niệm Pháp là sống đúng như pháp, tu tập đúng như pháp, chứ không phải tụng kinh; niệm Tăng là sống hòa hợp như chúng Tăng, không chống trái nhau, chứ không phải trai tăng cúng dàng lạy lễ các vị Tăng để cầu phước báu; niệm Giới là sống đúng Phạm hạnh, không hề vi phạm giới luật và không phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, chứ không phải hằng tháng vào ngày 30 và ngày rằm cùng nhau tụng giới. Nghe dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới thì các nhà học giả kiến giải theo chữ nghĩa mà giải thích ra, niệm là đọc lầm thầm trong ý như câu; *“Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni hay Nam Mô Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn”*. Niệm như vậy là niệm theo kiểu Đại Thừa không có nghĩa gì cả, không có sự giải thoát gì cả. Ở đây, đức Phật dạy niệm tức là sự tư duy Phật, Pháp, Tăng và Giới để chúng ta thấu triệt Phật, Pháp, Tăng và Giới hàm nghĩa giải thoát như thế nào, để chúng ta noi theo đó mà thực hiện sống và tu tập đúng như Phật, như Pháp, như chúng

Thánh Tăng và như Giới luật đã dạy.

Có hiểu biết và tu tập như vậy, thì mới có giải thoát thật sự, còn niệm danh hiệu Phật, tụng kinh, cúng dàng trai tăng và đảnh lễ chư Tăng và tụng Giới, dù có niệm Phật, Pháp, Tăng và Giới như vậy cho đến muôn kiếp ngàn đời thì cũng chẳng có giải thoát được chút nào. Người ta đã lầm, niệm như vậy là để nhất tâm bất loạn tức là niệm không có vọng niệm xen vào, chỉ duy nhất có câu niệm Phật mà thôi, thì sẽ được vãng sanh Tịnh Độ, đó là hiểu theo Tịnh Độ Tông (*“Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền...”*). Còn hiểu theo Thiền Tông, thì nhất tâm bất loạn tức là chẳng niệm thiện niệm ác, chẳng niệm thiện niệm ác là Thiền định, là Phật tánh. Nhưng tất cả những sự tu tập như vậy, đều sai hết quý vị ạ! Chỗ nhất tâm bất loạn của quý vị, sẽ rơi vào thế giới tưởng của tưởng uẩn, nơi đây là mê hồn trận của tà giáo ngoại đạo. Quý vị tu hành cần nên cảnh giác nơi hang hùm nguy hiểm này. Nếu tu tập đến đây quý vị coi chừng rối loạn thần kinh mà nguy hiểm tánh mạng, biến quý vị trở thành người điên khùng.

Người mới bước chân vào đạo Phật, ngo

ngác trước đồng kinh sách khổng lồ của Phật Giáo Đại Thừa. Có những loại kinh sách, chúng ta đọc vào thấy toàn sự tu tập đều nhờ tha lực để trợ lực trên bước đường đi đến giải thoát như: kinh Vô Lượng Quang, kinh Di Đà, kinh Quy Ngươn, kinh Pháp Hoa v.v..

Tất cả kinh này đã làm cho người tu sĩ nhụt chí, mất hết nghị lực, biến Phật giáo thành một tôn giáo tha lực, một tôn giáo mê tín khiến cho người đời sau tu hành chỉ còn biết cầu cạnh vào kẻ khác, do những sự tu hành sai này đạo Phật chẳng còn ai tu chứng.

Họ lý luận, người mới tu phải tụng kinh, bái sám, niệm Phật, lạy hồng danh chư Phật, phải cầu tha lực, còn người tu lâu năm phải tự lực ngồi Thiền quán niệm hơi thở. Người tu hành mà hiểu Phật giáo như vậy, tức là chẳng hiểu Phật giáo gì cả. Hiểu như vậy là hiểu theo Phật Giáo Đại Thừa.

Người mới tu, như các cư sĩ bước chân vào Đạo, đức Phật đã dạy bài học tu tập tự lực đầu tiên là phải dứt bỏ sáu nghề nghiệp ác đang sanh sống hàng ngày, nghĩa là chúng ta muốn theo đạo Phật tu hành thì phải đổi nghề ác làm nghề thiện.

Qua bài kinh dứt sáu nghề ác, chúng ta

thấy rõ sự tự lực của đạo Phật ngay từ lúc ban đầu.

Khi bước chân vào Đạo ta được nghe Người dạy: ***“Thông hiểu những gì cần phải thông hiểu, dứt bỏ những gì cần phải dứt bỏ, tu tập những gì cần tu tập, trau dồi những gì cần trau dồi”***. Những việc làm này không thể cầu tha lực của người khác được.

Đạo Phật là một tôn giáo xây dựng trên nền tảng thiện pháp, mọi ác pháp đều phải được loại trừ dứt bỏ, nhờ có loại trừ ác pháp, tăng trưởng thiện pháp, cuộc sống mới có sự giải thoát an vui, hạnh phúc cho mình, cho người.

Loại trừ ác pháp, chỉ có tự lực, không thể có tha lực, những điều làm ác phải tự mình dứt bỏ chứ không thể cầu cạnh người khác giúp mình được.

Ví như mình đi ăn cắp, ăn trộm, nhờ người khác giúp mình đừng ăn cắp, ăn trộm có được không? Không thể được, phải tự mình biết đó là một việc làm ác, khiến người ta sầu khổ thì mình nên dứt bỏ, cũng như sáu nghề nghiệp ác, không thể cầu chư Phật giúp mình dứt các nghề nghiệp ác đó được. Chính phải tự mình tự lực dứt bỏ, không hành nghề ác đó

nữa.

Nhờ thế, chúng ta mới biết rõ đạo Phật là đạo tự lực. Kinh sách tha lực không phải kinh sách đạo Phật.

Đạo Phật nhìn cuộc đời với đôi mắt nhân quả, nhân quả chỉ có tự lực mới dứt bỏ được mà thôi, dù cho có một đấng vạn năng cũng không giúp chúng ta vào việc này được.

Vì thế, đạo Phật là một tôn giáo mà phi tôn giáo; một tôn giáo không có đấng thiêng liêng vạn năng cứu khổ, một tôn giáo bằng sức tự lực của con người cứu mình ra mọi cảnh khổ, nên đạo Phật còn gọi là “Đạo Độc Cư, Độc Bộ, Độc Hành”.

Đạo Phật còn gọi là nền đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh.



CHƯƠNG II

NGƯỜI CƯ SĨ CÓ SÁU NGHỀ KHÔNG NÊN LÀM

CÓ SÁU NGHỀ ÁC

7 trong kinh A Hàm và Nikaya, đức Phật đã ngăn cấm người cư sĩ không nên hành sáu nghề ác, vì sáu nghề này không phù hợp với tâm từ bi của đạo Phật. Sáu nghề ác đó như sau:

1. Không làm nghề săn bắn, nghề săn bắn là một nghề cực ác, giết hại biết bao nhiêu loài cầm thú rừng: nai, hươu, khỉ, chồn, heo, gà rừng và các loại chim chóc khác nữa v.v..

2. Không làm nghề chài lưới, nghề chài lưới cũng là một nghề rất độc ác, chuyên bắt tôm cá, giết hại loài thủy tộc như: đặt rọ, lờ, chài, lưới, vó, câu v.v..

3. Không làm nghề buôn bán thịt sống, nghề buôn bán thịt sống là nghề sát sanh trâu, bò, heo, dê, ngựa, chó, gà, vịt v.v.. Người làm nghề này, gọi là đồ tể giết gia súc bán từng ký lô cho người khác mua về làm thực phẩm, nghề này rất độc ác, giết hại chúng sanh không chút lòng thương xót.

4. Không làm nghề buôn bán thịt chín, nghề buôn bán thịt chín là nghề lấy thịt chúng sanh nấu thành thực phẩm như: phở, cháo

lòng, hủ tiếu, bánh canh, bì chả, nem v.v.. Nghề này cũng là nghề độc ác, người hành nghề này cũng đánh mất tâm từ bi.

5. Không làm nghề sản xuất và buôn bán rượu, vì sản xuất và buôn bán rượu khiến người ta nghiện ngập say sưa, không còn trí thông minh, nên họ có thể la xóm, mắng làng, chửi vợ mắng con, bắt kẻ cha, mẹ, anh, em ruột thịt, không biết dơ sạch, nằm ngoài đường, ngủ bụi, ngủ bờ, nằm sương nằm nắng, làm mất thể diện con người, thân thể dễ sanh bệnh tật, tạo cảnh khổ đau cho cha, mẹ, anh, em, vợ, con v.v..

6. Không làm nghề buôn bán người, nghề buôn bán người là nghề mãi nô (bán nô lệ) nghề buôn hương bán phấn (nghề mãi dâm) cũng là nghề buôn bán người. Nghề này rất độc ác, dùng thế lực, tiền bạc, vật chất bắt ép những người cô thân thất thế đang cảnh nghèo đói bán thân làm nô lệ, làm gái mãi dâm, khiến cho gia đình khổ đau và tan nát. Nghề mãi dâm là một nghề đồi bại làm mất nhân phẩm của con người, khiến con người không còn đạo đức và còn tệ hơn loài thú vật, vì con vật có lúc dâm và cũng có lúc không dâm, cho nên kẻ làm nghề bán tròn nuôi miệng là kẻ làm xấu xa thân phận làm người.

Sáu nghề nghiệp này, là sáu nghề nghiệp độc ác, giết hại chúng sanh và làm khổ đau bệnh tật muôn người, nhất là nghề sản xuất và bán rượu, sản xuất và bán thuốc phiện, sản xuất và bán xì-ke ma túy, sản xuất và bán thuốc lá, thuốc lào v.v.. là những thứ gây bệnh tật nghiện ngập hao tổn tiền bạc, của cải, tài sản biết bao nhiêu người, trải qua bao nhiêu thế hệ phải gánh lấy hậu quả đau khổ này.

Do thế, những người hành những nghề nghiệp này để nuôi thân mạng, cha mẹ, gia đình và làm giàu trên sự đau khổ của muôn người muôn vật.

Họ là những người vô minh không thấy luật nhân quả đang chi phối diễn biến từng phút giây trong mỗi con người, luật nhân quả sẽ không tha thứ một ai, nếu ai đã làm điều ác thì phải hứng lấy hậu quả khổ đau.

Nếu quý vị không tin lời Phật dạy, thì hỏi thăm những gia đình đang hành những nghề nghiệp này. Trông bề ngoài có vẻ giàu sang sung sướng nhưng bên trong chẳng có hạnh phúc gì cả. Thường những gia đình này hay có những người đau ốm bệnh tật, không người này thì đến người khác, tai nạn thường xảy ra, khiến gia đạo bất an, lúc nào cũng lo lắng sợ sệt, cuộc sống của gia đình họ chẳng bao giờ

êm ấm yên vui hạnh phúc.

Làm ác thì phải lãnh quả khổ. Không làm sao và cũng không ai cứu thoát khổ được.

Vì thế, đức Phật biết rất rõ nhân quả thiện ác, nên Ngài muốn cho đệ tử của mình thoát ra khỏi cảnh khổ đau, Ngài thường ngăn cấm không cho người cư sĩ hành sáu nghề nghiệp ác, dù nghề nghiệp ấy kiếm tiền rất dễ, nhưng nó không phải là hạnh phúc chân chánh. Do đó, Ngài muốn cho các đệ tử của mình sống an vui hạnh phúc chân chánh, không còn gặp cảnh đau khổ nữa. Chính vì hằng ngày, trong cuộc sống chúng ta đã tạo ra nhiều nhân ác nên phải chịu những quả khổ đau đời đời kiếp kiếp, chứ không ai mang đến quả khổ ấy cho ta được dù kẻ đó là quỷ thần ác độc. Cũng như không có một vị thần Thánh nào hay một đức Phật cùng những vị Bồ Tát nào ban phúc lành cho chúng ta được. Xin các bạn lưu ý cho điểm này.

Nhân quả là một đạo luật công bằng, chính chúng ta làm ra là chúng ta phải chịu, không thể người khác chịu thay cho chúng ta được. Vì thế, không ai mang đến khổ đau cho chúng ta mà chính chúng ta, cũng như không ai mang đến hạnh phúc an vui cho chúng ta mà chính chúng ta.

Bởi, người cư sĩ không thấy luật nhân quả rất công bằng và công lý, cho nên trong cuộc sống họ không biết chọn nghề nghiệp, chỉ thấy nghề nào làm ra tiền và có cơm ăn áo mặc dễ dàng, nhất là môi trường sống, nơi đó mọi người làm nghề sát sanh là dễ kiếm tiền thì họ bắt chước làm theo, nhưng không ngờ lại tạo ra vô vàn tội ác. Từ những hành động tạo ra sự chết chóc và đau khổ cho chúng sanh thì chính bản thân họ và ngay cả gia đình đều phải thọ lãnh những quả khổ đau ấy từ người này đến người khác.

Là đệ tử của đức Phật, những hàng cư sĩ phải lưu ý sáu nghề nghiệp ác độc này, luôn luôn phải vâng theo lời dạy của đức Phật thì mới tìm thấy chơn hạnh phúc, an vui của cá nhân và của cả gia đình mình.

Hành nghề đúng như vậy mới gọi là chánh nghiệp, chính nghề nghiệp chân chánh mới nuôi được chánh mạng của mình và của mọi người trong gia đình. Hạnh phúc từ ấy sẽ đến với các bạn. Các bạn có tin những lời dạy này không?



THỌ DỤNG THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT KHÔNG THẤY, KHÔNG NGHE, VÀ KHÔNG NGHỊ

Sáu nghề nghiệp ác đã dạy trong tập sách này, chúng tôi có ghi chú thêm để quý Thầy và các Phật tử nhận thấy rõ.

Tại sao lại có chư Tăng Nam Tông thọ dụng thực phẩm động vật?

Có phải đức Phật đã cho phép chư Tăng thọ dụng thực phẩm động vật hay không?

Để trả lời những câu hỏi này và làm sáng tỏ Phật giáo. Các nhà sư Nam Tông không biết dựa vào lời dạy nào của đức Phật mà dám thọ dụng thịt động vật.

Thưa quý Hòa Thượng, quý Sư, Thầy và các Phật tử hãy đọc lại bài kinh số 55 Jivaka trang 71, kinh Trung Bộ tập 2, Tạng Kinh Việt Nam do HT Minh Châu chuyển ngữ từ tiếng Pali sang Việt ngữ.

Trong bài kinh này, đoạn kinh thứ nhất đức Phật đã dạy người tu sĩ không được thọ dụng thịt động vật thấy, nghe và nghị: ***“Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt***

động vật không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi”.

Theo nghĩa của đoạn kinh này, khi một vị Tỳ kheo “thấy” thực phẩm của người Phật tử cúng dường có thịt chúng sanh thì không được ăn, đó là trường hợp thứ nhất.

Khi thực phẩm của người Phật tử cúng dường “không thấy” có thịt chúng sanh nhưng lại “nghe” người khác nói trong thực phẩm đó, có thịt chúng sanh, thì không được ăn, đó là trường hợp thứ hai.

Khi thực phẩm của người Phật tử cúng dường “không thấy” có thịt và cũng “không nghe” nói có thịt chúng sanh nhưng tâm lại sanh “nghi ngờ” thực phẩm này có thịt chúng sanh, vì có mùi tanh thì không được ăn, đó là trường hợp thứ ba.

Xét qua ba trường hợp trên đây, rõ ràng đức Phật không cấm ăn thịt chúng sanh mà chỉ có lời khuyên để chúng Tỳ kheo ý thức sự đau khổ của chúng sanh mà không ăn thịt. Ý thức sự đau khổ của chúng sanh mà không ăn thịt tức là thực hiện lòng từ bi thương xót chúng sanh, có nghĩa là sống đúng đạo đức hiếu sinh. Còn cấm, tức là giới cấm, giới cấm là có sự bắt buộc không ăn thịt chúng sanh, có

nghĩa là ăn chay, nhưng ăn chay ấy là ăn chay theo kiểu Đại Thừa Bà La Môn Giáo (Ăn chay do giới cấm). Còn ngược lại, Phật giáo Nguyên Thủy chỉ dùng giới đức không cấm nhưng chỉ khuyên người tu sĩ phải tự giác ăn như thế nào để thể hiện được đạo từ bi đúng nghĩa của từ tâm.

Trường hợp thứ nhất và thứ hai thì quá rõ ràng, còn trường hợp thứ ba là nghi ngờ, dường như mơ hồ, nhưng thực ra thịt chúng sanh thì có mùi tanh hôi của chúng, mặc dù chúng ta không thấy, không nghe, nhưng mùi cá làm sao không tanh cá, mùi thịt bò làm sao không hôi bò, mùi thịt heo làm sao không hôi heo, mùi thịt gà làm sao không tanh gà v.v.. Tất cả, thịt động vật đều có mùi riêng của nó, làm sao chúng ta không nghi ngờ, mà đã nghi ngờ thì không được phép ăn, vì lương tâm và tình thương của chúng ta, không cho phép nuôi mạng sống bằng sự khổ đau của loài vật khác.

Phật dạy lần thứ hai: ***“Này Jivaka! Ta nói trong ba trường hợp thịt được thọ dụng: “Không thấy, không nghe và không nghi”***. Có lẽ, dựa theo lời dạy này, mà các nhà sư Nam Tông dùng lý luận biện hộ cho những hành động tội ác của mình: ***“Không thấy nghĩa***

là không thấy người giết con vật, để cúng dường cho mình; không nghe, nghĩa là không nghe tiếng kêu của con vật khi bị giết để cúng dường cho mình; không nghi nghĩa là thấy thực phẩm động vật Phật tử cúng dường không nghi ngờ người ta giết con vật làm thực phẩm để cúng dường cho mình”. Cho nên, trong bài kinh Jivaka có mở ngoặc và đóng ngoặc (Vì mình mà giết). Bốn chữ này, là do người sau thêm vào để thỏa mãn dục vọng tham ăn thịt chúng sanh. Xưa, các Tổ không có điều gì mà không dám làm, họ thêm bớt rất nhiều trong kinh sách Nguyên Thủy, ngày nay cũng vậy, họ cũng dám lý luận làm sai lệch lời dạy của đức Phật, có khi vì bảo vệ danh dự của mình trong lúc vi phạm giới luật và cũng có khi vì không hiểu phương pháp hoặc do tu tập chưa chứng.

Nếu bài kinh chấm dứt ở đây, thì chúng ta khó làm sáng tỏ được Phật giáo. Nhưng bài kinh lại dạy tiếp phần thứ hai và phần thứ ba, nên chúng ta mới thấy rõ bộ mặt bất thiện và lòng tham dục của các nhà sư Nam Tông khéo thêm thắt, khéo lý luận bóp méo kinh sách của đức Phật để gây tội ác tày trời, nên tất cả các xứ Phật giáo Nam Tông tu hành chẳng đến

đâu, nhập định điên khùng “Minh Sát Tuệ” tu hành không đúng Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định của đạo Phật. Chẻ pháp môn Tứ Niệm Xứ ra từng mảnh: Đây là trường Thiền tu Tâm Niệm Xứ; đây là trường Thiền tu Thân Niệm Xứ; đây là trường Thiền tu Thọ Niệm Xứ. Chẻ pháp môn Tứ Niệm Xứ ra từng mảnh như vậy, mà lại còn hô hào rùm beng viết kinh sách phổ biến khắp nơi, làm cho người sau hiểu lầm Phật Pháp, tu hành sai lệch, chẳng giải quyết được sanh, già, bệnh, chết. Trong khi, Pháp môn Tứ Niệm Xứ rất tuyệt vời, tu là thấy kết quả ngay liền, tu tập là có những thần lực siêu việt không thể nghĩ bàn. Do chia chẻ pháp Môn Tứ Niệm Xứ, nên các nhà Sư Nam Tông tu hành chẳng tới đâu, chỉ loanh quanh trong các định tưởng, chẳng bao giờ đạt được sự giải thoát của Phật giáo.

Các nước theo Phật giáo Nam Tông, lấy Phật giáo làm Quốc Giáo, mọi thanh niên đúng tuổi đều phải vào chùa tu tập ba năm, nếu ai muốn tu luôn thì ở lại tiếp tục tu hành còn không muốn tu thì phải “xuất sãi”. Xuất sãi có nghĩa ra đời (hoàn tục) lập gia đình. Nhưng, những người thanh niên này, đã tu theo đạo Phật mà không có chút lòng từ bi nào cả, họ

đã dám cầm dao, súng, vũ khí diệt dân tộc họ như giết heo, gà, dê v.v.. và tàn sát đồng bào Việt Kiều hàng vạn người đang cư trú trên đất nước Cam Pu Chia. Đó là, một bằng chứng dân tộc Cam Pu Chia lấy Phật Giáo làm Quốc giáo, mọi người thanh niên công dân nước này đều phải tu hành ba năm, thế mà giết người như ác quỷ, làm cho cả thế giới đều ghê rợn và lên án tội ác của đất nước này

Bởi, tu hành mà còn ăn thịt chúng sanh, thì thành ác quỷ chứ làm sao thành Phật được. Bài kinh Jivaka đức Phật đã dạy như vậy, mà các Tổ bên Nam Tông dám bịa ra ăn năm thứ bất tịnh nhục. Thật là đau lòng.

Tại sao vậy? Tại vì, tu sĩ Phật giáo Nam Tông ăn thịt chúng sanh, nên tâm họ rất hung ác. Đời sống tu sĩ của họ sống ngược lại với đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh của đạo Phật.

Đạo Phật, là đạo đức của loài người, đạo đức của loài người sao lại nỡ nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh, mà không chút lòng thương yêu. Vậy, những người tu sĩ này, có phải là tu sĩ của đạo Phật hay không? Xin các bạn trả lời cho.

Cũng trong bài kinh ấy, đức Phật dạy tiếp cho các vị Tỳ kheo không nên ăn thịt chúng

sanh, bằng phương pháp tu tập và trau dồi “Tứ Vô Lượng Tâm”.

Bài kinh dạy tiếp: ***“Này Jivaka! Tỳ kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn nào, vị ấy phải luôn tu tập tâm mình biến mãn khắp cùng một phương với lòng từ và an trú, phương thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng khắp thế giới trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ cùng khắp vô biên, tâm vị ấy biến mãn và câu hữu với lòng từ quảng đại vô biên không hận, không sân và an trú”***.

Với ý nghĩa của đoạn kinh này, khi một vị Tỳ Kheo ăn uống thì phải quan sát khắp cùng trên món ăn của mình, đồng thời khởi tâm từ bi thương xót tất cả muôn loài chúng sanh, nếu thấy có thịt chúng sanh thà chết chứ không ăn. Đó là thực hiện Đạo từ bi, lòng hiếu sinh của mình. Bài pháp dạy rõ ràng như vậy, thế mà các nhà sư Nam Tông nữ nhần tâm ăn thịt được thì chúng tôi rất thương hại cho họ, chỉ một đời tu hành mà chẳng có ích lợi gì cho bản thân mình, cho tất cả chúng sanh.

Đoạn kinh này, đức Phật đã xác định rõ ràng: Một người tu sĩ đạo Phật phải luôn tu tập “Tứ Vô Lượng Tâm”. Người đã tu tập Tứ Vô

Lượng Tâm thì còn lòng dạ nào ăn thịt chúng sanh được. Phải vậy không các bạn? Vậy mà, các sư Nam Tông vẫn nuốt trôi được thịt chúng sanh mới thực là hay!

Về phần các vị Tỳ kheo đức Phật đã dạy, không ăn thịt chúng sanh bằng hai bài pháp tuyệt vời:

1- Ăn thịt chúng sanh không thấy, không nghe và không nghĩ.

2- Ăn thịt chúng sanh với lòng từ bi biến mãn khắp cùng mười phương trên dưới.

Cũng trong bài kinh ấy, đức Phật dạy người cư sĩ phải cúng dường thực phẩm cho Phật và chúng Thánh Tăng: ***“Này Jivaka! Người nào vì Như Lai hay vì đệ tử của Như Lai mà giết hại sinh vật làm thực phẩm cúng dường, người ấy chắt chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân. Khi người ấy nói như sau: “Hãy đi và dắt con thú này đến đây”. Đó là, nguyên nhân thứ nhất, người ấy chắt chứa nhiều phi công đức. Con thú ấy khi bị dắt đi, bị lôi kéo nơi cổ, nên cảm thọ đau đớn khổ ưu. Đó là, nguyên nhân thứ hai, người ấy chắt chứa nhiều phi công đức. Khi người ấy***

nói: “Hãy đi và giết con thú này”. Đó là, nguyên nhân thứ ba, người ấy chất chứa nhiều phi công đức. Khi con thú ấy bị giết, cảm thọ đau đớn khổ ưu vô cùng, đây là nguyên nhân thứ tư, người ấy chất chứa nhiều phi công đức. Khi người ấy cúng dường Như Lai hay đệ tử của Như Lai một cách phi pháp. Đó là, nguyên nhân thứ năm, người ấy chất chứa nhiều phi công đức”.

Qua đoạn kinh này, chúng ta thấy rất rõ, đức Phật đã dạy rất kỹ cho người cư sĩ không nên cúng dường Phật và chúng Thánh Tăng thực phẩm động vật. Vì cúng dường như vậy, là cúng dường phi pháp, không có phước mà tổn đức thêm trọng tội vì sát hại sanh linh.

Một bài kinh rất có giá trị với các tu sĩ Nam Tông. Bài Jivaka trong Trung Bộ kinh đã khẳng định người tu sĩ đạo Phật không được ăn thịt chúng sanh nên ăn thực phẩm thực vật với mục đích là để trau dồi tâm từ, bi, hỷ, xả của mình để ly dục ly ác pháp, khiến cho thân tâm thanh tịnh, nhập được các loại Thiền định, làm chủ được sự sống chết luân hồi. Ngược lại, một người tu sĩ còn ăn thịt chúng sanh tức là tâm dục chưa ly, ác pháp chưa lìa,

thì rất uống cho một đời tu hành theo đạo Phật, mà chẳng hưởng được sự giải thoát của đạo Phật, mà lại còn đọa vào địa ngục (địa ngục ở đây không phải cõi địa ngục mà là trạng thái đau khổ của thân hay phiền não của tâm). Tu mà còn tâm ác như vậy, thì phải mang nợ đàn na thí chủ muôn đời, muôn kiếp. Hiện giờ, các nhà sư Nam Tông ăn uống cho khoái khẩu, thân hình mập béo, lấy ác pháp mà nuôi thân mạng, thì thân mạng này phải chịu thọ khổ muôn vàn, vì đã đem vào thân những sự đau khổ của chúng sanh thì làm sao tránh khỏi sự đau khổ ấy.

Ghi chú:

Đọc bài kinh Jivaka, chúng ta nhận xét về đạo Phật. Đạo Phật là một tôn giáo tự lực, dạy đạo đức nhân bản – nhân quả rất thực tế và cụ thể. Cho nên, đức Phật là một nhà tâm lý học thông suốt mọi tình cảm, tâm tư và nguyện vọng của mọi người. Vì thế, giáo pháp của Ngài dạy toàn là đạo đức làm người. Vì dạy đạo đức làm người nên nói về tâm lý của con người rất là sâu sắc:

1- Dạy người cư sĩ không làm nghề nghiệp ác để tránh nhân quả xấu như: tai nạn, bệnh tật, yếu tử v.v..

2- Dạy chư Tăng không ăn thịt chúng sanh bằng sự ý tứ cẩn thận trong từng miếng ăn của mình bằng một tấm lòng thương yêu rộng lớn đối với muôn loài chúng sanh.

3- Dạy Phật tử không nên cúng dường thịt chúng sanh làm ra thực phẩm cho Phật và chúng Thánh Tăng. Cúng dường như vậy là phi pháp, phi công đức (không có phước báo mà còn thêm tội lỗi).

Toàn bộ giáo lý của đức Phật từ sơ thiện, trung thiện, đến hậu thiện, Ngài dạy con người cách thức sống trong thiện pháp, ngăn ngừa và đoạn dứt các ác pháp. Vì thế, mà ngay từ bước đầu tiên đức Phật đã dạy người cư sĩ không làm sáu nghề nghiệp ác như trên đã giảng.

Cách thức tu của đạo Phật rất cụ thể. Ở đây, quý Thầy và các Phật tử phải hiểu cho rõ ràng, đổi nghề nghiệp, không làm nghề ác nữa tức là tu hành, tu tức là sửa đổi, thay đổi, làm tốt lại, làm thiện lại và không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh, chứ không phải ngồi đó gõ mõ, tụng kinh, niệm Phật, lần chuỗi, ngồi Thiền hay lạy hồng danh sám hối mà tiêu tội hưởng phước được v.v..

Quý vị đừng lầm hiểu theo sự hướng dẫn tu tập của các nhà học giả Đại Thừa, khi tu tập

là phải ngồi Thiền, nhập thất, tụng kinh, sám hối, niệm Phật, niệm chú, truyền tâm ấn, la hét, đánh, xô đẩy để ngộ Phật Tánh. Đó là, hình thức tu tập chịu ảnh hưởng ngoại lai của các tôn giáo khác, chẳng giúp gì cho chúng ta giải thoát tâm tham, sân, si, phiền não, thương, ghét, giận hờn, thù oán, tật đố, nghi kỵ và các ác pháp khác.

Cách thức tu tập của đạo Phật trong kinh điển Nguyên Thủy dạy, thực tế và cụ thể hơn, có kết quả ngay liền khi bắt tay vào tu, không như những pháp hành của các nhà học giả dạy ở trên theo kinh sách phát triển Đại Thừa.

Như trên đã nói, quý vị đổi nghề ác làm nghề thiện là quý vị không làm khổ chúng sanh, không làm khổ đau cho chúng sanh tức là quý vị không làm khổ đau cho quý vị, không làm khổ đau cho quý vị tức là giải thoát.

Dạy người không làm nghề ác, không làm việc ác tức là tu thiện đấy các bạn. Các bạn có hiểu biết điều này không?

Dạy người không cúng dường thực phẩm bằng xương máu chúng sanh tức là tạo nghiệp thân ít bệnh, tuổi thọ sống lâu.

Dạy chư Tăng không ăn thịt chúng sanh

là trau dồi tâm từ, bi, hỷ, xả để đối trị tâm tham, sân, si, ích kỷ, nhỏ mọn v.v..

Bài kinh này, quý Thầy và quý Phật tử nên lưu ý lời dạy của đức Phật: **“*Ăn thật chúng sanh phải không thấy, không nghe và không nghĩ*”**. Lời dạy này, có nghĩa là trong sự ăn uống phải trau dồi mắt tai của mình, phải ý tứ cẩn thận, khi ăn khi uống phải biết rõ trong thực phẩm đang ăn có xương máu và sự chết chóc đau khổ của chúng sanh trong đó hay không? Nếu có chúng ta thà chết trong giới luật của Phật chứ không ăn mà phạm giới.

Tại sao vậy?

Tại vì, người tu sĩ đạo Phật thường trau dồi tu tập tâm mình lòng thương yêu rộng lớn đối với tất cả chúng sanh, đối với nhân loại khắp mười phương thế giới.

Nếu chúng ta chỉ vì bổ béo cho xác thân vô thường bất tịnh này và chạy theo dục lạc, ảo giác ngon ngọt của vị giác thì chúng ta chưa phải một vị tu sĩ đạo Phật chân chánh có lòng từ bi.

Đạo Phật ăn chay trên ăn chay, ăn chay vì lòng thương yêu chúng sanh vô bờ bến.

Ngược lại, trong thế gian này có những người ăn chay, không ăn thịt chúng sanh nhưng làm thực phẩm giống như thịt chúng sanh, thì đó là ăn chay theo kiểu phàm phu, ăn chay còn thêm thịt, nên tạo thực phẩm chay giống như thực phẩm thịt chúng sanh để ăn đỡ thèm.

Cách thức ăn chay như thế, đức Phật không chấp nhận. Đạo Phật tu thật, làm việc thiện từ trong lòng thiện sanh ra, ăn chay vì thương xót chân thật đối với chúng sanh nên không nỡ ăn thịt chúng sanh.

Ăn chay chỉ vì sợ địa ngục, sợ quỷ Vô Thường, quỷ Dạ Xoa hành hạ, thiêu đốt, đâm chém, cắt lưỡi, móc họng, rút gân v.v..

Ăn chay để cầu sanh về Cực Lạc, Thiên Đường v.v..

Ăn chay để cầu cho tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ, tuổi thọ sống lâu v.v...

Ăn chay như vậy, đạo Phật không chấp nhận vì không phải pháp tu hành để giải thoát, đó là một loại ăn chay để an ủi tinh thần, ăn chay như vậy giống như con bò ăn cỏ, không có nghĩa lý gì của Đạo giải thoát cả.



CHÁNH NGHIỆP VÀ CHÁNH MẠNG

Dạo Phật rất tuyệt vời dạy tu tập để thoát ra cảnh khổ đau của đời sống con người, bằng sự thay đổi trong nghề nghiệp ác để không làm khổ mình, khổ người, kể đến dạy ăn uống để nuôi thân bằng những thực phẩm không có sự đau khổ, bố thí cho mọi người và cúng dường cho chư Tăng, vật cúng dường không được phi pháp, không làm tổn phước đức, đầy đủ phước báo hiện tại và mai sau:

1- Làm thì tránh nghề nghiệp ác và hành động ác.

2- Ăn thì ý tứ cẩn thận, không phải dụng đầu ăn đó, gắp gì ăn nấy, ăn có nơi có chỗ, không phải ngồi quán, ngồi lều giữa chợ giữa đường và còn phải trải tâm từ bi biết ơn người làm ra của cúng dường, không nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh, đầy lòng thương xót khắp cùng.

3- Cúng dường chư Tăng bằng mồ hôi nước mắt của mình làm ra, không được gian tham trộm cắp, không được giết hại chúng sanh.

Người tu sĩ khi thọ thực phẩm phải tránh

ăn thịt chúng sanh, mà còn phải quán xét sự tu tập của mình (công đức) có xứng đáng thọ dụng hay không?

Từ một nghề nghiệp chân chánh (Chánh Nghiệp) làm bằng sức lao động chân tay hoặc bằng trí óc tạo ra những thực phẩm lương thiện để nuôi thân mạng (Chánh Mạng) không có sự gian ác và đau khổ trong đó.

Trong Bát Chánh Đạo, đức Phật đã khẳng định có hai nẻo (hai lớp học) tu tập chỉ về cách sống của người tu sĩ chân chánh (**Chánh Nghiệp và Chánh Mạng**). Đó là, hai nẻo tu tập để thoát ra cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Một người hành nghề nghiệp giết hại chúng sanh, làm đau khổ người khác thì nghề nghiệp ấy đạo Phật gọi là tà nghiệp, tà nghiệp còn có nghĩa là hành động, lời nói và ý nghĩ ác, hành động giết hại chúng sanh và làm đau khổ người khác hay mắng chửi người khác, nói xấu người khác, vu khống người khác, chuyện ít xich ra nhiều thêm bớt v.v.. Đó là, hành động ác, hành động ác là tà nghiệp, nhân tà nghiệp thì quả phải khổ đau, không chạy tránh đường nào được cả. Cho nên, nhân quả không thể trốn tránh, dù có trốn lên Trời hay chui

xuống đất cũng không thoát khỏi.

Tà nghiệp còn có nghĩa là nghiệp quả khổ. Thấy một người gặp tai nạn khổ sở có thể đi đến tù tội và tử hình, thì đó đều là do nghiệp quả ác của họ. Người bệnh tật đau khổ rên la trần trở suốt đêm ngày cho đến khi chết, thì đó cũng là nghiệp quả ác của họ, do họ đã tự tạo ra nhân ác trong quá khứ v.v..

Tà nghiệp, còn gọi là thói hư tật xấu như người ham mê bài bạc, rượu chè, dâm dục, điếm đàn, du đãng v.v..

Tà nghiệp, còn là những hành động phóng dật, chạy theo dục lạc ác pháp thế gian làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh v.v..

Tà nghiệp, còn là những hành động sai trái phi pháp luật, làm ra tiền của đem về nuôi thân mạng cũng như những hành động bắt và giết hại chúng sanh để trao đổi và buôn bán làm ra tiền nuôi sống cha mẹ, gia đình, vợ con... Thì đó là, lấy tà nghiệp nuôi lớn tà mạng, không phải chỉ riêng mình mà còn cả gia đình.

Dưới đôi mắt của đức Phật, nhìn những nghiệp ác của chúng sanh đem về nuôi thân mạng, thì đó là đem vào thân mạng một nghiệp ác, một sự khổ đau, một tai họa lớn. Nên Ngài dạy những hành động đó, là những

hành động không chân chánh, những hành động tà nghiệp nuôi dưỡng tà mạng, nuôi tội ác và nuôi đau khổ cho mình cho người.

Muốn không tạo ra các tà nghiệp, đức Phật ngăn cấm không cho đệ tử của mình hành sáu nghề ác, để tránh đem vào thân mạng những sự khổ đau, do nghiệp quả ác chính mình đã tự tạo ra.

Vì Chánh Mạng, nên đức Phật còn dạy thêm, đừng nên ăn thịt chúng sanh vì ăn thịt chúng sanh là nuôi tà mạng, đem vào thân mạng những bệnh tật tai ương, đem vào cuộc sống những sự đau khổ tai họa hiểm nghèo, đem vào gia đình những chuyện bất an, bất toại nguyện v.v..

Người cúng dường và bố thí cho chư Tăng bằng sự gian ác sẽ không được phước báo mà còn phi công đức, thọ lấy những quả khổ địa ngục, súc sanh v.v..

Người nhận của bố thí cúng dường, mà không thấy từ sự gian ác của người cúng dường, thọ dụng như vậy là nuôi tà mạng, do nuôi tà mạng, thân tâm không thanh tịnh, không ly được dục và ác pháp. Vì thế, vị Tỷ kheo này tu hành uổng công, chẳng có kết quả, chẳng nhập được Tứ Thánh Định, chẳng thực

hiện được Tam Minh.

Bởi vậy, đức Phật dạy: **“chư Tăng phải thiếu dục tri túc, thừa kế pháp, không nên thừa kế thực phẩm”**, không thiếu dục tri túc không thừa kế pháp, luôn thừa kế vật chất và thực phẩm thì tâm sanh ra tham dục, ham muốn phóng dật, chạy theo ngũ dục lạc, ăn uống phi thời, ngủ nghỉ phi thời, trí tuệ dần dần, tưởng tuệ phát triển, thường luận Đông luận Tây che đậy lỗi lầm, phá sạch giới bổn, sống đời sống dục lạc chẳng biết sợ hãi những lỗi nhỏ nhặt, chẳng biết xấu hổ khi oai nghi tế hạnh cũng không có, đi, đứng, nhìn, ngó, giống như người thế gian.

Chánh Nghiệp, tức là nói về những bài học về hành động thân, miệng và ý phải chân chánh, ở đây có nghĩa là do ba nơi này tu tập không làm hành động ác.

Chánh Mạng, tức là nói về những bài học sự nuôi dưỡng thân mạng chân chánh. Thân mạng chân chánh ở đây có ý nghĩa tu sửa không ăn uống lặt vặt phi thời, ăn uống không đúng giờ đúng lúc, ăn uống có tiết độ, ăn uống không phải vì thèm khát, ăn uống là vì sự sống để tu tập, không vì lợi dưỡng, không ăn thịt chúng sanh, không ăn uống những chất

độc hại, gây tạo cho cơ thể bệnh tật khổ sở, dù những thực phẩm đó có ngon ngọt béo bổ đến đâu cũng nên tránh xa, đó là nuôi chánh mạng.

Thân mạng được nuôi sống chân chánh có những ích lợi:

- 1- Thân không trả nghiệp quả khổ đau.
- 2- Thân không bệnh tật khổ đau.
- 3- Tuổi thọ được lâu dài.
- 4- Thân được mạnh khỏe tu tập dễ dàng hơn.
- 5- Thân được mạnh khỏe tâm hồn được an vui, thanh thản và vô sự.

Người tu theo đạo Phật cần phải siêng năng tu tập trau dồi những bài học về Chánh Nghiệp và Chánh Mạng. Vì đó là, đạo đức nhân quả, nằm trong cuộc sống của mỗi con người, khi tu tập theo đạo Phật.

Chúng ta là những đệ tử của đức Phật, không thể xem thường Chánh Nghiệp và Chánh Mạng. Vì Chánh Nghiệp tốt thì Chánh Mạng mới tốt theo, Chánh Nghiệp thanh tịnh thì Chánh Mạng mới thanh tịnh. Do đó, đời sống mới được an vui, hạnh phúc, bằng ngược lại, Chánh Nghiệp xấu thì Chánh Mạng phải

chịu nhiều tai ương, họa khổ v.v..

Vị Tỳ kheo, đệ tử của đức Phật, cũng phải lưu ý Chánh Nghiệp và Chánh Mạng. Nếu Chánh Nghiệp không đúng Phạm hạnh, phạm phải những lỗi lầm nhỏ nhặt, không biết xấu hổ, thì Chánh Mạng tu hành chẳng tới đâu, tâm lậu hoặc không sao diệt được, thiên định thì rơi vào tà Thiên, tà định, tu suốt đời chẳng có ích lợi gì, còn mất thì giờ vô ích.

Vì thế, người cư sĩ cũng như vị Tỳ kheo muốn được giải thoát an vui, hạnh phúc trong kiếp sống này, thì sự tu hành phải tu đến nơi đến chốn. Trước tiên, phải tu tập Chánh Nghiệp và trau dồi mỗi hành động thân, miệng, ý của mình toàn thiện, tức là không làm khổ mình, khổ người. Nhờ đó, mới nuôi thân bằng Chánh Mạng, thì chắc chắn có muôn vạn người tu theo đạo Phật đều đạt được kết quả giải thoát như nhau. Nếu mọi người biết sống đúng Chánh Nghiệp, nuôi thân bằng Chánh Mạng thì thế gian này, là Thiên Đàng, Cực Lạc không còn phải đi tìm nơi đâu, không cần phải niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương. Phải không các bạn?



NIỀM TIN

Nếu trên bước đường tu tập đầu tiên, mà quý vị đã nghe lời dạy của đức Phật, thay đổi nghề nghiệp ác bằng những nghề nghiệp thiện là quý vị đã đặt trọn niềm tin nơi đức Phật, Pháp, chư Hiền Thánh Tăng và giới luật.

Niềm tin đó, có được nơi quý vị là do chỗ suy tư quán triệt lời dạy của đức Phật. Ví như Ngài dạy câu này: ***“Đừng làm khổ mình, khổ người thì sẽ thoát ra cảnh khổ”***. Với lời dạy này, biết áp dụng vào đời sống thì rất đúng không sai, có kết quả ngay liền.

Khi Ngài dạy, thay đổi nghề nghiệp ác, chúng ta tư duy thấy rất đúng, vì những nghề nghiệp ác đó, chúng ta đang hành là những nghề làm đau khổ và giết hại chúng sanh rất nhiều, như: nghề chài lưới, săn bắn, bán rượu, thuốc phiện v.v.. Người có trí sau những lời dạy này, chúng ta cũng đủ đặt trọn niềm tin ở Người, vì đó là một lời dạy rất thực tế đem lại sự an vui cho mình, cho người và cho các loài vật đang sống trên hành tinh này. Do thế, chúng ta tin và không bao giờ có ai lay chuyển được lòng tin ấy.

Tại sao vậy?

Tại vì, lời dạy của Ngài rất thực tế và cụ thể, đem đến sự giải thoát an vui, hạnh phúc cho chúng ta và tất cả muôn loài vật như trên đã nói.

Mình không làm khổ ai, chắc không ai làm khổ mình. Nếu có người khác làm khổ mình, có lẽ người ta chưa nghe và chưa hiểu lời dạy của đức Phật. Nếu mọi người ai cũng được nghe, hiểu và thực hành theo đúng lời dạy của Ngài, thì thế gian này là Thiên Đàng, Cực Lạc hạnh phúc biết bao cho muôn loài, còn đâu đau khổ nữa.

Pháp môn tu tập của Ngài rất thực tế mang lại sự giải thoát cụ thể ngay liền tức khắc, nếu chúng ta chỉ thay đổi nghề nghiệp ngay đó, chúng sanh thoát chết, thoát khổ, người mạnh không ăn hiếp người yếu, con vật lớn không ăn thịt con vật nhỏ. Nhìn thấy cảnh thoát chết thoát khổ của chúng sanh, tâm hồn chúng ta hân hoan, bàn tay chúng ta không còn làm ác, không còn vấy máu nữa, mắt chúng ta không còn thấy sự chết chóc, đau khổ của chúng sanh nữa. Đó là hạnh phúc biết bao cho muôn loài vạn vật, đang sống trên hành tinh này.

Từ sự suy tư quán xét và cân nhắc kỹ lưỡng, thấy rất rõ sự giải thoát cho mình, người và chúng sanh. Sự thay đổi nghề nghiệp ác chuyển thành nghề nghiệp thiện mà còn được hạnh phúc như vậy, giải thoát như vậy, thì thử hỏi người tu sĩ xuất gia sống ba y một bát thì còn giải thoát và hạnh phúc biết dường nào, nhất là nhập các định làm chủ sanh tử luân hồi, chấm dứt tái sanh, thì lòng tin ấy phải như thế nào?

Nhờ có kết quả chúng ta mới tin sâu hơn, vì vậy lúc đầu chúng ta tin Phật, Pháp, Tăng, nhưng lòng tin ấy chưa phải là lòng tin sâu. Vậy, tin Phật, Pháp, Tăng và Giới như thế nào mới gọi là tin sâu?

Muốn niềm tin được sâu, lâu dài và bền bỉ thì kết quả tu hành giải thoát trong cuộc sống hàng ngày, thân và tâm phải được thành tựu giải thoát cụ thể trong mỗi pháp môn tu tập, mỗi sự thực hành tu tập đều phải có kết quả dù ít dù nhiều thì lòng tin ấy mới tăng trưởng, bền bỉ và lâu dài.

Mới đầu quý vị chỉ có tư duy theo lời dạy của đức Phật và nhìn thấy những người khác thay đổi nghề nghiệp được hạnh phúc an vui. Do thế, quý vị quyết tâm thay đổi nghề nghiệp

ác, trước tiên quý vị thấy kết quả giải thoát là không còn thấy những sự giãy giụa đau khổ và chết chóc của loài vật. Đôi bàn tay quý vị cũng không còn làm đổ máu chúng sanh nữa, không còn thấy những người say rượu đi ngoài đường, té xuống đứng lên, chân bước tới chân bước lui, chửi vợ mắng con hoặc chửi làng chửi xóm, không còn thấy phụ nữ làm nghề bán thân nuôi miệng đời bại như một loài thú vật không biết xấu hổ, không còn thấy những người ngồi quán ngồi lều ăn thịt chúng sanh như loài ác thú, không còn thấy những loài thú tộc mắc lưới mắc câu giãy giụa đau khổ trước cái chết, không còn thấy những loài thú vật sợ hãi chạy tán loạn trước những người thợ săn... Lòng quý vị hân hoan sung sướng, nhìn thấy cảnh đó, là cảnh giải thoát cho mình, cho người và cho muôn vật. Thật là hạnh phúc biết bao cho con người và loài vật trên hành tinh này.

Ngoại cảnh yên vui của mọi người và muôn vật đang hòa nhịp với tâm hồn quý vị thanh thản, an lạc, khiến cho đời sống càng hạnh phúc hơn và lòng yêu thương của mọi người, mọi chúng sanh càng lúc càng thấm thía hơn nhiều phải không hở quý vị?

Mới đầu, chúng ta đổi nghề còn thấy vất

vả và khó khăn, sau một thời gian mới lấy lại bình thường, không còn lo lắng sợ hãi như lúc ban đầu.

Dần dần nghề nghiệp mới phát triển hơn, nghĩ tới hồi nào còn đi chài lưới, giờ này còn ở sông ở biển, mỗi khi có gió to bão lớn, sự sống chết như chỉ mảnh treo chuông, người thân trong gia đình đau đớn khổ sở, lo lắng thức suốt đêm cầu nguyện cho người thân mình tai qua, nạn khỏi, bể lặng, sóng yên.

Nỗi khổ tâm nhất là những người làm nghề giết hại chúng sanh, thường gia đình sống trong nỗi lo âu, bệnh tật tai họa thường hay xảy đến cho họ, nhưng họ nào biết được.

Đến với đạo Phật, thực hiện sống đúng lời dạy của Ngài, người nào chịu khó nghiệm xét sẽ thấy nhiều điều kiện may mắn đến với họ hơn là những tai họa.

Hồi tưởng lại, khi còn làm nghề nghiệp ác, thường có nhiều sự tai biến bất an xảy ra cho gia đình nhưng họ không để ý, khổ thì cứ khổ, lo lắng thì cứ lo lắng, nhưng cuộc sống cứ thả trôi theo dòng đời ba chìm bảy nổi mãi mãi và mãi mãi.

Nhưng khi bước chân vào đạo Phật, bằng

sự thay đổi nghề nghiệp đúng như lời đức Phật đã dạy, họ đã tìm được sự giải thoát khổ trong những hành động thiện, chứ không phải chờ đợi mười năm hay hai ba chục năm sau, mới thấy được sự giải thoát đó, giải thoát ngay liền khi chúng ta sống thiện, làm những điều thiện, tức là không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

Có những người hiểu sự giải thoát của đạo Phật một cách lầm lạc, nghĩa là giải thoát của họ là cầu gì phải được nấy, muốn gì thì phải được toại nguyện nấy. Cái đó, không phải sự giải thoát của đạo Phật, mà đó là sự chạy theo của lòng ham muốn và bị sự trói buộc thêm của vật chất thế gian, khiến càng khổ lại càng khổ thêm, nhiều hơn nữa.

Đạo Phật vốn buông ra để không khổ, từ bỏ lòng tham muốn để thoát ly sanh tử, luân hồi. Đại khái các hành pháp của đạo Phật là như vậy. Ôm vào, thì sanh ác pháp, buông ra thì thiện pháp tăng trưởng.

Sống trong cảnh cơm ăn áo mặc đầy đủ, không giàu sang danh vọng to nhưng tâm hồn thanh thản biết đủ, an nhàn, ít muốn, thanh thoi an lạc. Biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng trước mọi cảnh, mọi người. Cái đó, không

phải là giải thoát của đạo Phật sao?

Tiền bạc, danh vọng, sắc đẹp, ăn uống, ngủ nghỉ, khen chê, sợ hãi, lo toan v.v.. đều không làm động tâm, thì đó chẳng phải là giải thoát sao?

Giải thoát của đạo Phật là nhằm vào chỗ tâm bất động trước mọi cảnh, mọi vật, mọi sự cám dỗ của cuộc đời và mọi sự cảm thọ đau đớn khổ sở vô tận của thân tâm, chứ không phải chỗ xuất hồn, nhập xác, ngồi Thiền năm bảy ngày, thọ hưởng hỷ lạc tưởng, hay ngồi trầm tư mặc tưởng một thế giới siêu hình nào đó, nó cũng không phải thần thông phép lạ mà cũng không phải là kiến tánh thành Phật v.v.. Đó là, những thứ ảo giác, huyền hoặc, giàu tưởng tượng làm mê hoặc lừa đảo tín đồ.

Nhờ có kết quả giải thoát thật sự như vậy, nhờ có tu tập tâm bất động được như vậy người ta mới tin đạo Phật, mới bỏ hết cuộc đời như đức Phật đã dạy: ***“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa, đời sống chỉ còn ba y một bát đi xin ăn mà thôi”***. Nếu không kết quả thật sự như vậy, thì chẳng còn ai dám theo đạo Phật, vì cuộc sống của đạo Phật rất khổ (xa lìa ngũ dục lạc thế gian). Vả lại, sự tu hành còn phải dày

công và còn nhiều gian nan vất vả khác nữa.

Chẳng hạn, như quý Thầy hiện giờ đang tu Thiền Đông Độ suốt cả năm năm, mười năm, có người đã tu từ 15 đến 20 năm rồi, mà vẫn chưa thấy giải thoát gì cả, kiến tánh rồi, tiệt tu mà cứ tu mãi tu hoài tu cho hết vọng tưởng và hằng ngày cứ ngồi Thiền, ngồi đó mong giữ cho tâm hết vọng tưởng để làm Phật, nhưng khi hết vọng tưởng lại rơi vào vô ký và rơi vào những trạng thái hỷ lạc của tưởng. Khi thì như thế này, khi thì như thế khác, lúc được lúc mất, nhưng gặp việc thì tâm tham, sân, si vẫn còn chẳng mất, thấy danh lợi thì tâm vẫn còn tham, ăn uống phi thời, không đúng hạnh Thánh, thì làm sao gọi là giải thoát được.

Từ bắt đầu tu tập ngồi 30 phút tăng dần đến 1 giờ rồi 10 giờ, 12 giờ nhưng vọng tưởng có lúc hết lúc không, có lúc rất an ổn, có lúc rất bất an, tiến tới thì không tới được nữa, lui thì rất uổng công. Trường hợp và hoàn cảnh tu tập này, quý Thầy có thối tâm hay không? Chỉ còn an ủi mình bằng những lời nói của các Tổ: ***“Tu phải trải qua nhiều kiếp”***, có Tổ phải tu hai ba chục năm v.v..

Quý Thầy nuôi hy vọng và tự an ủi mình, chắc có lẽ mình tu chưa đến nơi đến chốn, phải

ráng tu thêm nữa. Mười năm qua nhìn lại, tâm nào tột nấy, tham, sân, si còn đủ, thôi thì phải ráng tu tập thêm. Hai mươi năm qua tu tập hết sức mình làm chủ sự sống chết thì chẳng thấy gì, mà cứ có ai động đến tâm thì tham, sân, si lại nổi lên âm âm, phiền não đau khổ vẫn còn, tu mãi tu hoài mà sao không hết được?

Ngồi Thiền 7, 8 tiếng đồng hồ cho đến 11, 12 tiếng đều được, nhưng ngồi 1, 2 ngày thì lại không được.

Tại sao vậy?

Tại vì, không có pháp hành và tu tập không đúng pháp, nên kết quả không có, tu tập dậm chân tại chỗ, nhưng đã lỡ tu, lỡ dạy người khác, bây giờ biết ăn làm sao, nói làm sao? Đó là những Thầy lớn, nói ra thì mất danh mất lợi, nói ra khó nói quá, tiến thoái lưỡng nan, thôi mặc kệ tới đâu hay tới đó, cứ nhắm mắt làm liều, còn các Thầy nhỏ thì đã lỡ rồi, ra đời thì sợ người ta chê cười, mà tu thì chẳng đến đâu, cứ dối gạt Phật tử mà sống bằng cách thuyết giảng, nay kinh này mai kinh khác, như trao đổi thực phẩm để người ta dễ ăn dễ nuốt, thường dùng những lối lý luận mơ hồ trừu tượng bằng những pháp huyền, pháp thoại ở đầu môi chót lưỡi, loanh quanh

nghĩa lý nhai lại của các Tổ xưa có bấy nhiêu, cứ lặp đi lặp lại, thêm mắm dặm muối làm có vẻ mới mẻ để lừa đảo người, cho nên có người bảo: ***“Coi chừng bị lừa của ông ta”***.

Những ai đã gõ cửa đúng của đạo Phật, thì ngay đó, có sự giải thoát liền, chiêm nghiệm được sự giải thoát đó, một cách cụ thể.

Vả lại, khi bước chân vào đạo Phật chúng ta thấy sự tu tập rất cụ thể, giải thoát rõ ràng không có mơ hồ, vì pháp thiện và pháp ác, ai cũng có thể dễ nhận ra. Nói như vậy, có nghĩa là những người nào đã học xong đạo đức nhân quả thì mới dễ nhận ra pháp ác và pháp thiện. Tu hành của đạo Phật tức là sống, sống thiện là giải thoát, sống ác là đau khổ.

Đổi nghề nghiệp ác làm nghề nghiệp thiện, nếu biết tư duy quán xét ngay liền có một tâm hồn yên vui, an lạc không những một mình mà cả gia đình. Nhất là, những người biết thiếu dục tri túc thì sự yên vui hạnh phúc lại càng gia tăng gấp bội.

Những ai đã tin sâu nhân quả và đã học được đạo đức nhân bản – nhân quả thì sẽ chứng nghiệm phước báo rất rõ ràng, dù người đó không cầu mong điều gì, cứ hân hoan sung sướng làm việc thiện thì luật nhân quả sẽ đem

phước báo đến cho họ và họ luôn luôn hưởng trọn đầy hạnh phúc của cuộc sống. Đối với những người này ác pháp đến với họ như nước đổ trên lá khoai môn.



ĐẠO VÀ ĐỜI

Muốn thành tựu được lòng tin tịnh
tính sâu sắc, quý vị phải suy nghĩ cho kỹ và so
sánh giữa cuộc sống **“Đời”** và cuộc sống
“Đạo”. Đời có cuộc sống theo Đời, Đạo có cuộc
sống theo Đạo.

Sự sống theo Đạo là đi ngược lại sự sống
theo Đời, Đạo thì buông xả ra, Đời thì ôm lấy
vào, cho nên quý vị đừng tưởng cuộc sống Đời
và cuộc sống Đạo giống nhau.

Không! Hoàn toàn không! Không giống
nhau một chút nào cả. Người tu sĩ đạo Phật có
cuộc sống như thế gian, nghĩa là có vợ, có con,
sống chạy theo danh lợi, ăn ngủ phi thời, là
những người cư sĩ trọc đầu, chứ không phải là
một vị Tỳ kheo xuất gia đệ tử của đức Phật, họ
diệt Phật giáo chết cũng giống như trùng trong

lông sư tử sẽ diệt sư tử.

Người tu sĩ Phật giáo sống như người thế gian ăn ngủ phi thời, không buông xả vật chất, tâm dễ dính mắc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ngũ triền cái luôn luôn che mờ trí tuệ họ, Thất kiết sử thường trói buộc như dây xích sắt khiến họ khó vẫy vùng, nên họ đã trở thành Ma Ba Tuần.

Vì thế, làm sao sống đúng Phạm hạnh, ly dục ly ác pháp được? Làm sao nhập Tứ Thánh Định, làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi được? Làm sao nhập Định Vô Lậu xả tâm diệt ngã chấm dứt khổ đau? Làm sao nhập Định Bất Động Tâm sống thanh thản, an lạc và vô sự?

Nếu một người tu sĩ mà còn có lối sống như thế gian thì không thể nào tu hành theo đạo Phật được, đó là những kẻ mượn chiếc áo Phật giáo tìm miếng cơm để sống, sống như vậy là sống một cách hèn hạ, chỉ biết lừa đảo tinsel đồ mê muội để sống bằng mồ hôi nước mắt của người khác, thật là đáng khinh bỉ.

Có người lầm hiểu đạo Phật cho rằng, chỉ cần biết được pháp môn tu tập, chớ không phải do sự sống đúng Phạm hạnh. Hiểu như vậy là hiểu sai, hiểu như vậy có nghĩa là sự sống và

sự tu tập là hai lối khác nhau: niệm Phật, tụng kinh, bái sám, niệm chú, ngồi Thiền trước điện Phật có ăn nhập gì vào cuộc sống đâu? Đó là, cái hiểu về tu hành nông cạn, của những người tâm còn tham đắm quá nhiều vật chất, đời không muốn bỏ mà đạo lại muốn thêm.

Đạo Phật vốn tu nghĩa là sống, sống biết sửa sai, sửa quấy những lỗi lầm, biết ngăn chặn không làm những điều ác, biết xa lìa mọi cám dỗ vật chất thế gian, biết tiết độ trong ăn uống ngủ nghỉ. Biết thiếu dục tri túc đối với đời sống, biết phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình, biết giữ chánh niệm để tâm được thanh thản, an lạc và vô sự.

Lấy cuộc sống Đạo của những bậc chân tu đem so sánh với cuộc sống người thế gian, bên nào khổ, bên nào thoát khổ.

Khi đã so sánh như vậy, ta mới thấy đời sống con người thật khổ, khổ như thật, đời sống xuất gia tu hành phóng khoáng như hư không, không gì trói buộc được, không gì làm động đến tâm họ được.

Khi đã thấu rõ cả hai cuộc sống ta mới quyết định chọn một trong hai con đường này. Nếu không so sánh, không thể thấu rõ, mà vội vàng chọn lấy con đường tu thì e rằng chúng ta

nông nổi, bông bột, đến chừng vào Đạo đã trở thành một tu sĩ thì chừng đó tiến thoái lưỡng nan.

Đời sống Đạo rất khó, không phải dễ như mọi người lầm tưởng. Rồi đây, cuộc sống Đạo chẳng ra Đạo, Đời chẳng ra Đời, chết cũng dở, sống cũng dở.

Lấy cuộc sống của mọi người mà suy ngẫm cuộc sống của mình. Đời sống trong gia đình đầy rẫy những triền phược, biết bao dây mơ rễ má trói buộc, biết bao nhiêu vật chất cám dỗ và lôi cuốn vào đường tội ác. Đường đời đầy dẫy ô nhiễm và uestrực, biết bao chông gai và hố thẳm của ác pháp đang chờ đón, càng suy ngẫm chúng ta mới thấy rằng, đời sống con người sinh ra là để khổ, khổ thật.

Chúng ta mới lớn lên chưa lập gia đình, đời còn tươi đẹp giống như một giấc mơ, ăn rồi đi học, chẳng lo nghĩ gì hết, đói no có cha mẹ lo, đến khi lớn lên một chút, biết ham muốn, biết xài tiền, biết ăn chơi vui đùa, chớ chưa biết khổ là gì nên thường rủ rê bạn bè uống rượu, cờ bạc rồi đánh nhau, hoặc đua xe gắn máy, gây tai nạn giao thông, gãy chân, gãy tay, có khi mất mạng. Bây giờ, mới thấy khổ nhưng cái khổ đó có thấm vào đâu.

Đến khi lập gia đình, chừng đó mới thấy cái khổ của đời sống con người: vợ con, tiền bạc, nhà cửa và những vật dụng tiêu thụ hàng ngày.

Khi cha mẹ còn sống, có thiếu hụt cái gì thì ông bà giúp đỡ cho, đến khi cha mẹ mất, chẳng còn ai giúp đỡ, tự mình phải lo lấy cuộc sống của mình, trên vai chất gánh nặng phải lo toan đủ thứ, thế mà vợ con đâu biết, nên đâu phải lúc nào cũng ngọt ngào với mình, vợ con cũng phải có những tư tưởng riêng, lối sống ưa thích riêng do những đặc trưng riêng biệt, mình cũng vậy. Cho nên, sống với nhau đâu phải lúc nào cũng hợp nhau được.

Do sự khác biệt đó, nên trong nhà thường có sự lục đục, rầy rà trái ý nhau, làm cho tâm mình bất toại nguyện, phiền não, chớ đâu phải sung sướng gì. Nếu không nhẫn nhục, tùy thuận với nhau thì gia đình là một địa ngục tại trần gian, càng tư duy suy nghĩ, ta càng thấy đời sống khổ đau, quá khổ, không có gì là hạnh phúc nhưng nó lại trói buộc chặt hơn bất cứ một thứ gì. Chẳng hạn, đang sống chung với nhau có một người chết, thử hỏi những người còn sống có buồn khổ không? Chắc chắn, không ai là không đau khổ. Hai vợ chồng ngồi

trong mâm cơm vừa ăn vừa nói chuyện hàng xóm, rồi cuộc gây gổ nhau thì thử hỏi có vui sướng gì không? Thấy thế, đời sống có vui sướng gì? Hai vợ chồng sống chung với nhau không tiền không bạc, vợ thì ham muốn cái này cái kia, do đó vợ chồng cãi cọ hờn giận nhau, thế mới biết đời khổ, khổ mọi điều, nhưng ở đời người ta đâu biết, đâu thấy cái khổ đó, người ta chỉ thấy cái ảo ảnh bề ngoài tưởng là hạnh phúc như đôi vợ chồng trẻ ngồi trên chiếc xe hơi bóng loáng, hoặc trên chiếc xe Honda, hình ảnh này thật là hạnh phúc nhưng lòng dạ họ đang khổ nào ai biết. Một người nghèo nói: *“Tôi nghèo không có cơm ăn áo mặc, tôi quá khổ”*, nhưng người giàu có lại nói: *“Tôi có tiền có bạc, tôi lại còn khổ hơn nữa, tôi ngủ không yên sợ trộm cắp”*. Đó là, mọi thứ khổ đau ưu não của cuộc đời.

Ở gần nhau con gà, con vịt, con chó, con heo qua lại đã xảy ra những trận gây gổ, làm náo loạn cả xóm làng, con cái chơi giỡn với nhau, vì bệnh con đã xảy ra chuyện lớn, kẻ đi tù, người nằm nhà thương, còn hai gia đình thì hận nhau mãi, chuyện nhỏ mọn lật vật đó, đã khiến cho đời người bất an, bất toại nguyện.

Nhìn lại, đời sống xuất gia phóng khoáng

như hư không, không có một vật gì trói buộc, không có một hoàn cảnh nào làm dao động tâm, tâm hồn rộng lớn như đất trời, bao dung tất cả mọi thứ, dơ xấu bất tịnh cũng chẳng buồn, tốt đẹp quý báu như vàng bạc ngọc ngà cũng chẳng mừng vui.

Bởi vậy, thật khó cho những người còn sống ở trong gia đình không thể thực hiện sống theo pháp hạnh đầy đủ hoàn toàn, trắng bạch như vỏ ốc của những người xuất gia.

Đem so sánh giữa hai đời sống thế gian và xuất thế gian. Đời sống thế gian suốt đời nô lệ cho vật chất, đời sống xuất thế gian hoàn toàn cởi bỏ ách nô lệ vật chất, vì thế nên không còn một vật gì hết, chỉ còn ba y một bát, tối ngủ yên giấc, không sợ trộm cắp gì cả, không sợ hư hao gì hết, bởi vì còn có gì nữa đâu mà hư hao, nhà cửa cũng không, gia đình cũng không, lấy gì mà sợ vợ đối, con khát. Cuộc sống người xuất gia là như vậy nên tâm hồn an vui thanh thản và hoàn toàn hạnh phúc, tâm hồn trong trắng như vỏ ốc, không có vật gì làm hoen ố, ác pháp không làm dao động được tâm.

Họ sống độc cư, độc bộ, độc hành nhưng lại biết hòa mình trong mọi cuộc sống của

người khác bằng đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng.

Từ chiếc áo của người cư sĩ chúng ta đem so sánh với chiếc áo của người xuất gia, ta nhận xét, người cư sĩ tu theo đạo Phật hoàn toàn khó giải thoát như người xuất gia, chỉ giải quyết được cuộc sống bằng Thiện pháp và không thể thực hiện được sự làm chủ sống chết bằng Thiên định.

Khi quán triệt cuộc sống Đời và Đạo, ta mới thấu rõ người tu sĩ đạo Phật không thể sống theo dục lạc thế gian, không thể sống có vật chất tài sản được, phải xa lìa viễn ly tất cả, buông bỏ xuống hết, không chùa to tháp lớn, không ti-vi, tủ lạnh, không xe hơi, xe cúp, không điện thoại di động v.v.. sống đời thiếu dục tri túc, ba y một bát, hằng ngày sống một bữa ăn, không ăn uống lặt vặt phi thời, đi khát thực nuôi thân, chẳng thân chẳng sơ với ai, chẳng tiền chẳng bạc, chẳng danh chẳng lợi, ai hỏi Đạo thì chỉ thẳng, chẳng nói, chẳng dạy điều mê tín gạt người.

Vì thế, cuộc sống Đời và cuộc sống Đạo không thể giống nhau được, giống nhau thì không phải Đạo.

Ở đây, trong tu viện có tu sĩ và cũng có cư

sĩ, nam có, nữ có nhưng sự cân nhắc tu hành quả thật chỉ có buông bỏ mà quý vị chưa hoàn toàn buông bỏ sạch. Chúng tôi biết rất rõ quý vị nghe chúng tôi giảng để hiểu biết, chớ sự thật tu hành để giải thoát cảnh trần lao đau khổ thì quý vị không đủ ý chí cương quyết và khả năng hành trì được. Người có quyết tâm đi tìm sự giải thoát thì phải gan dạ, gọt bỏ râu tóc, mặc y áo xấu xa, cắt đứt dây mơ rễ má tình cảm với gia đình, cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt, vợ con và người thân quyến thuộc, lại còn phải bỏ tất cả tài sản của cải châu báu vàng bạc. Có đoạn dứt được như vậy, thì con đường Thiền định của đạo Phật mới tu tập được, có tu tập được Thiền định (Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định) thì mới làm chủ được sự sống chết, mới tịnh chỉ được các hành trong thân. Sự tu hành này, nó không đơn giản mà phải tu tập hết sức. Các Thầy phải tự suy nghĩ, các hành đang hoạt động trong thân của chúng ta như: tim đập, gan, phèo, phổi, thần kinh đang hoạt động không ngừng nghỉ, hơi thở đang ra vô tự động, da đang bài tiết. Tất cả, những sinh hoạt này đang tạo ra một sức sống cho thân mạng chúng ta. Thế mà, tu tập Bốn Thánh Định chúng ta điều khiển làm cho nó ngưng hoạt động, thì đây không phải là một

việc dễ làm, nếu tâm của chúng ta chưa thanh tịnh, chưa ly dục ly ác pháp, còn thương, còn ghét, còn giận, còn hờn, còn tham muốn vật này vật khác, chưa đoạn lìa tình cảm thế gian thì chắc chắn quý Thầy không thể thực hiện được, không thể làm chuyện vĩ đại này được.

Giáo lý của đức Phật đã vạch ra con đường tu hành rất rõ ràng, lấy nhân quả làm nòng cốt đối tượng cho sự tu tập, vì thế thay đổi nghề nghiệp ác là hành động đầu tiên trau dồi thân tâm thiện (Chánh Nghiệp) kế đến, chúng ta lần lượt tu tập những hạnh bố thí cúng dường, để xả bỏ lòng ích kỷ hẹp hòi, để xa lìa lòng ham muốn nhiều của mình và hàng ngày còn trau dồi đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng trong mỗi đối tượng, mỗi hoàn cảnh, mọi sự việc. Chính những sự tu tập này, đã mang đến cho quý vị và gia đình một sự an vui hạnh phúc tuyệt vời.

Người cư sĩ chỉ cần tu tập bấy nhiêu đây, cũng đủ đem lại một cuộc sống an lành hạnh phúc mà hầu hết mọi người trên thế gian này đều mơ ước, chỉ có những người chưa biết an phận thì con đường tu tập này không phù hợp.

Nếu không có đạo Phật chỉ đường vạch lối giải thoát cho loài người thì loài người đi tìm

hạnh phúc trong ảo tưởng, đó chỉ là một giấc mơ đẹp mà thôi.

Ở đây, chúng tôi xin lưu ý các bạn: Đời và Đạo không thể đi chung nhau một đường, mà hai nẻo rõ ràng. Đời là đau khổ, Đạo là giải thoát; Đời thì ôm vào tất cả, Đạo thì buông ra chẳng còn một vật. Vì thế, mà các bạn quan sát biết rõ người tu đúng và người tu sai, người nào tu theo đúng chánh pháp của đạo Phật; người nào tu sai lạc vào tà pháp của ngoại đạo, thì các bạn không còn lầm người. Đó là, Đạo và Đời đã xác định rõ như vậy.



DỨT BỎ NHỮNG GÌ CẦN DỨT BỎ VƯỢT THOÁT CUỘC SỐNG THẾ GIAN

7rong kinh Phật dạy: *“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không nhà cửa”*. Đây là, giai đoạn thứ II trên đường tu tập của đạo Phật. Người cư sĩ muốn tiến tới giai đoạn này thì phải thấu hiểu rõ đời sống xuất gia, liệu mình có thể sống được như vậy hay không? Đời sống xuất gia cạo

bỏ râu tóc, đắp áo cà sa là một giới hành thứ nhất trong bộ “Giới Đức Thánh Tăng và Thánh Ni”. Cho nên, muốn trở thành một vị Thánh Tăng và Thánh Ni thì phải có một hình tướng của một bậc Thánh, nhờ hình tướng ấy khiến cho vua chúa và những người có quyền thế nhìn thấy đều phải cúi đầu đánh lễ. Hiện giờ, Tăng Ni không được mọi người tôn trọng cung kính là vì sống không đúng Phạm hạnh, thường vi phạm các giới luật, sống không có oai nghi tế hạnh của một bậc Thánh.

Qua lời dạy trong đoạn kinh này: *“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa”*. Đây là, lời dạy dứt bỏ cuộc sống thế tục để cắt các duyên bên ngoài, không trang điểm làm đẹp, phải làm cho mình xấu xí, ăn mặc thì không được chải chuốt, mặc phải bằng những vải thô xấu, hình ảnh bên ngoài phải phá và dẹp bỏ cái đẹp dễ của trần gian khiến cho mọi người không còn để ý đến mình thì mới dễ dàng tu hành. Trong cuốn **“Góp Nhặt Cát Đá”** có câu chuyện, một cô thiếu nữ rất đẹp đến xin với một vị Thiền sư tu hành. Vị Thiền sư bảo: *“Cô tu không được”*. Cô ta ngạc nhiên hỏi lại vị Thiền sư: *“Tại sao con tu không được? Xin Thiền sư chỉ dạy cho”*.

Vị Thiền sư đáp: *“Tại cô quá đẹp”*.

Nghe xong cô trở về nhà tìm cách phá hủy sắc đẹp của mình. Sau khi vết thương trên mặt đã lành, để lại một vết sẹo khiến cho gương mặt cô giống như ác quỷ. Bấy giờ, cô trở lại gặp vị Thiền sư.

Vừa trông thấy mặt, vị Thiền sư đã nhận ra cô và chấp nhận cho cô ở tu. Câu chuyện trên đây, là câu chuyện của Thiền Đông Độ, nhưng Thiền Đông Độ vẫn còn không chấp nhận sắc đẹp hướng là đạo Phật chân chánh. Phải không các bạn?

Câu kinh kể dạy: ***“Từ bỏ tài sản, của cải, nhà cửa, sự nghiệp”***, đây là lời dạy buông xả vật chất thế gian không còn một thứ gì ngoài ba y một bát, để tâm trí không còn lo lắng, hối tiếc, sợ hư hao, sợ mất mát, lửa cháy, nước trôi, trộm, cướp, người khác tranh giành v.v..

Cũng bài kinh đó, câu cuối cùng dạy: ***“Sống không gia đình”*** nghĩa là đoạn dứt tình cảm cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt, vợ con, bè bạn, người thân quyến thuộc v.v..

Khi hiểu rõ từng đoạn kinh này, đức Phật đã chỉ dạy rất rõ ràng, người cư sĩ quyết tâm đi theo con đường giải thoát của đạo Phật thì bắt đầu chuyển mình qua cuộc sống mới, cuộc

sống Đạo. Đoạn kinh này, tuy ngắn nhưng ta thấy sự chỉ dạy của đức Phật rất rõ ràng, đây là một sự thay đổi vĩ đại của cuộc sống đời người, có thể chia làm ba trường hợp như sau:

1- Người đi tu mà còn trang điểm làm đẹp, làm dáng là không thể nào theo đạo Phật tu hành đến nơi đến chốn được.

2- Người đi tu mà không dứt bỏ tài sản, của cải, vật chất, vàng, bạc của báu thì không thể nào theo đạo Phật tu hành đến nơi đến chốn được.

3- Người đi tu mà không dứt bỏ tình cảm, không cắt đứt lòng luyến ái đối với những người thân thì không thể nào theo đạo Phật tu hành đến nơi đến chốn được.

Cái khó của người đi tu theo đạo Phật đầu tiên là ở trong ba trường hợp này: nếu dứt một còn hai thì đi tu cũng vô ích, nếu dứt hai còn một thì tu cũng chẳng có kết quả gì, chỉ khi nào dứt trọn vẹn ba trường hợp này thì xuất gia tu hành mới đạt được kết quả giải thoát, còn không dứt được ba trường hợp này thì quý vị có tu hành xuất gia cũng chỉ làm một người cư sĩ tặc đầu mà thôi, chứ không thể thành tu sĩ được.

Xét qua ba trường hợp này, trước tiên

chúng ta muốn tu tập cầu giải thoát thì phải bỏ trang điểm, bỏ làm dáng, làm đẹp, tập ăn mặc vải thật xấu, kể đến tập bố thí, xả bỏ của cải tài sản, buông xả cho thật sạch, đừng nghĩ rằng để dành cất chùa, cất am cho thật đẹp, độ người tu, điều này là tâm luận thế gian qua ngổ tôn giáo, đó là bị tâm mình lừa gạt. Tu để cứu mình thoát khổ cảnh trầm luân, chưa cứu mình được mà lo cứu người đó là si mê đại dột. Đừng vội làm thầy Trời, Người mà sự tu hành của mình chỉ là số không, đừng bắt chước các nhà Đại Thừa làm Bồ Tát độ chúng sanh, coi chừng cả mình và chúng sanh đều xuống địa ngục cả đám. Đó cũng là, tâm danh lợi khéo che đậy mà thôi.

Ta phải xả bỏ hết của cải như ông Bàn Long Uẩn, đem tài sản của cải châu báu đồ xuống sông mà không tiếc rẻ chút nào cả. Khi xả bỏ được tài sản của cải châu báu vàng bạc, ta phải giải quyết tình cảm như thế nào để không còn bị trói buộc nhớ thương, đối với những người thân thương.

Đây là một giai đoạn rất khó đối với đạo Phật, nghe thì dễ nhưng thực hiện thì khó vô cùng, bởi nó thuộc về ái kiết sử.

Muốn vượt thoát cuộc sống thế gian đầu

phải ai cũng làm được, phải là người gan dạ, đầy đủ nghị lực, cương quyết dũng cảm thì mới vượt thoát ra được.

Một người có gia đình như các cư sĩ đang ngồi đây, nghe chúng tôi thuyết giảng, thử hỏi quý vị có bỏ gia đình đi tu ngay liền được hay không?

Quý vị muốn đi tu nhưng vợ con có đồng ý hay không? Nếu quý vị đoạn dứt bỏ đi, thì quý vị đã làm trái với lời Phật dạy *“Không làm khổ mình, khổ người”*. Do ý này, quý vị sẽ hỏi chúng tôi: *“Tại sao đức Phật đi tu bỏ vợ, bỏ con, bỏ cả gia đình cha mẹ trong lúc mọi người không chấp nhận, không muốn rời xa, vì lòng thương yêu? Đức Phật còn như vậy, ở đây Thầy lại bảo không làm khổ mình, khổ người, như vậy đạo Phật có mâu thuẫn hay không?”*.

Quý vị quên rằng: khi đức Phật đi tu là đạo Phật chưa có. Do đạo Phật chưa có, nên chưa có ai dạy đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người, còn bây giờ chúng ta đã có được đạo Phật, và đức Phật đã dạy: ***“Đạo đức không làm khổ mình, khổ người”***. Vì thế, bà Dhamar phải chờ chồng chết rồi mới được đi tu, lúc bây giờ hơn 70 tuổi. Bà là một Thánh Ni trong thời đức Phật.

Hai chữ **“bốn phận”** đã trói buộc chúng ta chắc hơn cả dây xích sắt. Bốn phận làm người đối với cha mẹ, đối với vợ con chúng ta có bỏ được không? Điều đó, ít có ai làm được, đâu phải dễ. Phải không các bạn?

Một người làm được điều này, ví như một bầy cá đang mắc trong lưới chỉ có một con vượt thoát ra khỏi lưới, đó là một điều hy hữu ít có. Vì thế, ông Trang Tử vỗ tay ca ngợi: *“Con cá khôn thật, tuyệt vời”*.

Chúng ta là những người bị lưới gia đình, lưới vật chất, lưới danh, lưới lợi bao vây khắp cùng không thể vượt thoát ra được. Thầy Minh Tông là một cư sĩ có vợ, con còn nhỏ, mẹ già đang bệnh tật, nhưng đứng trước sự chết sống, bệnh khổ và tái sinh luân hồi của kiếp người. Thầy không chần chờ được nữa, mạnh dạn quyết tâm vượt ra khỏi mạng lưới, để thực hiện con đường giải thoát cứu mình và cứu mọi người, trong đó có gia đình mình cha mẹ và vợ con, nhưng năm năm trôi qua xác định Thầy không cắt được ái kiết sử, mỗi lần vợ con đến thăm là Thầy xin tiếp duyên. Ôi, có quyết tâm đi tu mà ái kiết sử không đoạn trừ, thì cũng phí uổng một đời mà còn mang tiếng là bất hiếu thiếu tình nghĩa đối với vợ con, không làm hết bốn phận làm chồng, làm cha, thật

đáng trách phải không các bạn.

Một người làm được như cư sĩ Minh Tông không phải ai cũng làm được như vậy hết, nhưng vì làm được bằng hình thức bên ngoài mà nội tâm không đoạn trừ ái kiết sử. Vì thế, mà phải đổ vỡ con đường tu. Hầu hết quý vị đang có mặt ở đây, đang nghe chúng tôi thuyết giảng, chẳng qua chỉ để nghe cho hiểu biết, chớ không đủ can đảm vượt qua những mạng lưới của gia đình, cạo bỏ râu tóc xuất gia, thay đổi cuộc sống hoàn toàn, cắt đứt dây mơ rễ má, tình cảm gia đình để thực hiện đời sống cao quý của đạo Phật **“Không làm khổ mình, khổ người”** và còn phải đi sâu hơn nữa con đường giải thoát của đạo Phật, đó là thực hiện Thiền định, tịnh chỉ các hành trong thân, làm chủ sự sống chết, quét sạch luật nhân quả luân hồi. Những việc làm này, không thể người cư sĩ tại gia còn sống trong gia đình mà làm được. Con đường tu tập của đạo Phật không đơn giản như mọi người nghĩ mà phải thực hiện từng bước ban đầu, có bậc minh sư hướng dẫn tu tập đúng cách, đúng pháp.

Quý Thầy và các Phật tử cứ nghĩ xem các hành trong thân của chúng ta đang tự hoạt động như: tim đập, phổi hô hấp, bao tử nhồi bóp thực phẩm, ruột non, ruột già và da đang

bài tiết, óc, thần kinh đang hoạt động, hơi thở ra vô liên tục, thế mà người ta tu hành tập điều khiển làm cho các hành trong thân đều ngưng hoạt động, thì quý Thầy và các Phật tử tự suy nghĩ đây không phải là một việc dễ làm, dễ tu tập.

Nếu tâm quý vị còn đắm nhiễm mùi tục lụy thế gian: còn thương, còn ghét, còn giận hờn, còn ham muốn vật này vật kia, còn ham thích nói chuyện đời, chuyện đạo, tranh luận hơn thua, chưa từ bỏ viễn ly, chắc chắn quý Thầy và các Phật tử không thể làm được những chuyện vĩ đại này.

Giáo lý của đức Phật, đã vạch ra cho chúng ta thấy con đường tu tập rất rõ ràng, bắt đầu phải diệt trừ các ác pháp, lìa tâm ham muốn, lấy nhân quả làm nòng cốt, tu tập thiện pháp khiến cho tâm xa lìa và đoạn dứt tất kiết sử, ngũ triền cái, lần lượt tu tập buông xả, lập hạnh bố thí, cúng dường và còn trau dồi những đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng trong mỗi đối tượng, mỗi hoàn cảnh v.v.. Nếu bước đầu tu tập đúng như vậy, quý Thầy và các Phật tử sẽ ly dục ly ác pháp một cách dễ dàng, mà đã ly dục ly ác pháp được thì tâm của quý vị sống trong gia đình được yên vui hạnh phúc, chẳng ai làm gì động tâm được cả, luôn luôn

lúc nào tâm của quý vị cũng thanh thản, an lạc và vô sự.

Khi thực hiện được giai đoạn ly dục ly ác pháp, quý vị sẽ có được một tâm hồn giải thoát an lạc và một cuộc sống hạnh phúc an vui, nếu quý vị mãn nguyện nơi đây, thì con đường tu của đạo Phật, quý vị mới đi được một phần ba đường.

Quý vị muốn đi nốt quãng đường còn lại của đạo Phật trong chiếc áo người cư sĩ chắc chắn quý vị khó mà thực hiện được.

Giai đoạn chuyển tiếp từ chiếc áo người cư sĩ đến chiếc áo của người tu sĩ, quý vị phải xả bỏ hết tài sản của cải như ông Bàn Long Ẩn, đem của cải, tài sản, vàng bạc, châu báu đổ hết xuống sông. Khi xả bỏ được của cải, vàng bạc châu báu chúng ta mới giải quyết tình cảm ái kiết sử như thế nào, để không còn bị trói buộc thương nhớ, khi sống độc cư một mình.

Đây là một giai đoạn rất khó, nếu cha, mẹ, anh em, chị em, vợ, con đều thông suốt Phật Pháp thì dễ dàng dứt áo ra đi. Bằng ngược lại, thì khó khăn vô vàn. Đó là phần hình thức, đồng ý hay không đồng ý, còn về tình cảm của chúng ta đối với những người này, trong tâm có dứt được hay không?

Khi vào chùa ngồi tu mà tâm tư luôn ở gia đình, thì tâm niệm đó không thể tu giải thoát được.

Muốn tìm con đường tu hành giải thoát mà không mạnh dạn dứt bỏ, không đủ nghị lực xa lìa những người thân thương, thì dù tu ngàn kiếp cũng chẳng tới đâu, trường hợp như một số cư sĩ về đây tu hành. Họ cứ nghĩ rằng, ngồi Thiền ức chế vọng tưởng khi nào hết vọng tưởng là tâm không còn thương nhớ và tham sân si cũng không còn nữa, đó là họ đã hiểu theo lối tu tập của Đại Thừa và Thiền Đông Độ. Cho nên, họ tu ngàn kiếp muôn kiếp, cũng không bao giờ đoạn dứt thương nhớ và tham, sân, si v.v..

Quyết tìm đường giải thoát ra khỏi kiếp sống trần lao gian khổ, mà không dứt bỏ tình cảm thì làm sao thoát ra khỏi trần lao được. Nếu quý vị, giải quyết tâm mình không ổn thì quý vị nên giữ chiếc áo cư sĩ mà tu thiện pháp, đừng có mơ tưởng đến Thiền định, Thiền định chỉ dành riêng cho những người biết buông xả, buông xả sạch.

Đường lối tu tập của đạo Phật và cách thức rèn luyện thân tâm rất rõ ràng, tuần tự, giai đoạn I trước tiên quý vị cần phải thông

hiểu đường lối, phương pháp, cách thức rèn luyện, trau dồi như thế nào? Để diệt trừ thói hư tật xấu, không làm các ác pháp luôn tăng trưởng thiện pháp, lập hạnh bố thí cúng dường, tạo phước báo lâu dài, xả bỏ lòng tham, ích kỷ để tâm được rộng lớn, lập đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng để tâm hồn lúc nào cũng hân hoan thanh thản, không biết hờn giận phiền não với ai, không biết tham muốn tài sản của ai, vui sống với gia đình làm gương tốt cho mọi người: *“không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh”*.

Vai trò người cư sĩ đệ tử của đức Phật chỉ tu như vậy, đừng nên tu hơn nữa, tại sao vậy? Vì có tu cao hơn cũng chẳng đi tới đâu, nếu không đoạn dứt ái kiết sử.

Đạo Phật có lớp tu thấp, có lớp tu cao, được chia ra làm tám lớp gọi là Bát Chánh Đạo. Người cư sĩ tu theo lớp của người cư sĩ, còn người tu sĩ khi xuất gia trở thành tu sĩ thì phải trải qua tu cho xong lớp đạo đức của người cư sĩ, nếu không tu tập đạo đức như vậy thì sẽ mất căn bản. Bằng chứng, hiện giờ các vị Tỷ kheo Tăng cũng như tỷ kheo Ni thường phạm giới cấm tức là thiếu đạo đức làm Người, làm Thánh, nên con đường tu hành chẳng ra gì, đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo, mà còn trở

thành một người hành nghề lừa đảo, nghề mê tín.

Để chuẩn bị lên lớp tu sĩ thì quý vị phải sắp xếp buồng xả vật chất cho thật sạch, tình cảm phải dứt khoát, không còn để dây dưa mà phải đoạn cho dứt, xem như mình đã chết rồi. Có như vậy, mới vượt thoát cuộc sống thế gian, mới trở thành người đệ tử xuất gia chân chánh của đạo Phật.

Nơi đây, là giai đoạn rất quan trọng cho cuộc đời tu hành của mỗi người, có dứt khoát được tình cảm, có xa lìa được tài sản thì mới nhập được chánh định, bằng không chỉ là tu tập có hình thức, chẳng bao giờ nếm được mùi vị của giải thoát.

Từ cuộc sống Đời bước sang cuộc sống Đạo toàn bộ đều thay đổi khác hẳn, vì thế người muốn tu giải thoát mà không chuẩn bị sẵn sàng sẽ bị một cơn sốc nặng, từ đó về sau cuộc sống **“Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo”** sự tu hành cũng chẳng đi tới đâu, phí uổng một đời người chẳng ích lợi gì cho mình, cho người.

Người nào vượt qua đoạn đường này, ví như cá vượt vũ môn. Xưa, Trang Tử cùng một người bạn đứng xem người chài lưới cá có một con cá từ trong lưới đang kéo lên vọt thoát ra

ngoài. Trang Tử vỗ tay ca ngợi: *“Hay! Một con cá khôn thật!”*.

Người bạn hỏi: *“Sao anh lại biết nó khôn?”*

Đáp: *“Tất cả, những con cá khác đồng chung số phận sa lưới, mà không thấy mình sa lưới, không thấy sự nguy hiểm tai họa, không thấy sự đau khổ mất mạng, không thấy trên dao dưới nước sôi lửa bỏng, không thấy thân mạng như chỉ mảnh treo chuông, chỉ trong chốc lát ô hô! Thì còn gì là sự sống, cả một bầy cá mà chỉ có một con vượt ra khỏi, không phải là khôn sao?”*.

Ai là người khôn, thấy được thân này là vô thường, là khổ, là vô ngã, thấy thân này là bất tịnh ứ nhiễm, hôi thúi, bệnh tật, khổ đau, thấy những người thân quyến thuộc là nhân quả, là những người vay nợ với nhau, không có chi là thường còn, vĩnh viễn, các pháp trong thế gian này không phải của mình nữa, là do duyên hợp, là đau khổ, là trói buộc, thương nhớ chỉ là một sự tạm bợ trong khi thân này còn sống, đến khi nó hoại diệt rồi thì sự thương nhớ kia cũng không còn, nó sẽ tan ra thành mây khói. Phải không các bạn?

Người đi tu theo đạo Phật mà không thấy

ba trường hợp quyết định số phận tu hành của mình thì dù có tu đến đâu cũng chẳng ra gì, chỉ là hình thức tu sĩ mà thôi.

Năm năm trời dài đằng đẵng, trong những ngày công phu ức chế tâm hết sức để vào Thiền định 5, 6 tiếng đồng hồ không một chút vọng tưởng xen vào, hơi thở đã đình chỉ từ 1 đến 5 phút, nhưng đến giờ phút cuối cùng cô Diệu Quang đã trải nghiệm Minh Tông, Minh Tông như từ trên trời rớt xuống. Tâm sân bừng bốc ngút ngàn. Tất cả mọi người đều sáng mắt ra kinh sách phát triển chỉ là một pháp môn lừa đảo người từ xưa đến giờ. Xưa, các Tổ đã lầm lạc và bây giờ chúng ta cũng lầm lạc, rồi đây con cháu của chúng ta cũng lầm lạc mãi mãi.

Hơn 25 thế kỷ trôi qua, từ thế hệ này đến thế hệ khác đã dỗi bước theo chân đức Phật nhưng nào ngờ đã theo chân của ngoại đạo huyền thoại mê tín. Biết bao nhiêu công sức của mọi người giờ đây đã trở thành cát bụi, mây khói.



PHÁP HÀNH

Bài “Vượt thoát cuộc sống thế gian” là bài pháp dạy về “dứt bỏ, từ bỏ, đoạn diệt tâm tham, sân, si”.

Muốn vượt thoát cuộc sống thế gian để trở thành người tu sĩ chân chánh của Phật Giáo; để trở thành bậc Thánh nhân; bậc chân nhân; bậc giải thoát; bậc A La Hán thì phải gan dạ đoạn dứt, dứt bỏ từ già, xa lìa viễn ly tất cả các pháp thế gian như:

1- Xa lìa, từ bỏ, không trang điểm làm cho thân thể đẹp và sang.

2- Xa lìa, từ bỏ của cải, tài sản vật chất thế gian.

3- Xa lìa, đoạn dứt tình cảm cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, thân bằng, quyến thuộc...

Muốn dứt bỏ được ba trường hợp này, quý vị phải trạch pháp dùng pháp hướng Như Lý Tác Ý hàng ngày phải đặt niệm trước mặt quán xét suy tư: ***“Thân này bất tịnh hôi thúi có gì sang đẹp mà trang điểm hãy từ bỏ viễn ly không làm đẹp nữa. Thân này vô thường là ổ bệnh tật, là khổ đau, là***

không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta”.

Câu hai: ***“Của cải, tài sản, vàng bạc, châu báu là những thứ làm ta đau khổ nhiều nhất, tai họa cũng từ đó sanh ra, ta hãy xả bỏ, tránh xa, từ khước, viễn ly như xa lìa loài rắn độc”.***

Câu ba: ***“Cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, thân bằng, quyến thuộc, bạn bè, đều do duyên nhân quả nợ vay, vay nợ với nhau, chớ đâu có gì mà phải thương nhớ, phải ghét giận, phải khổ đau, phải mong ngóng, ta hãy xả bỏ và đoạn dứt hết”.***

Trên đây, là những câu trích pháp được chọn ra để người cư sĩ quán xét tư duy và dùng nó để ám thị tâm mình, chuẩn bị bước qua giai đoạn thứ hai trên đường tu tập của đạo Phật, nếu ai muốn tìm đường giải thoát thì nên hằng ngày phải siêng năng tu tập quán xét cho thông suốt những lý này và rèn luyện pháp hướng để tạo cho mình có một nội lực vững chắc, đến khi mình trở thành tu sĩ thì mình sẽ không bị đổ vỡ và tiến tu dễ dàng hơn.

Những người đã tu sai để lại cho chúng ta những kinh nghiệm quý giá vô cùng, từ đó

chúng ta nên tập tu theo đúng những lời đức Phật đã dạy trong kinh Nguyên Thủy, đừng dựa theo kinh sách phát triển mà uổng phí một đời tu hành.

Thưa quý Phật tử! Nếu quý vị muốn tu tập để cầu giải thoát theo Phật giáo thì những lời dạy trên đây, là lời khuyên chân thật của một người đã tu tập xong, giống như một người cha, một bà mẹ thương con luôn luôn chăm sóc cho con mình, mong nó được nên người hữu ích cho nó và cho mọi người.

Các bạn nên lưu ý! Trong những bài pháp này có pháp hành, các bạn nên dùng nó mà tu tập hằng ngày. Các bài pháp này, sẽ mang đến nhiều kết quả lợi ích cho các bạn.



THOÁT KHỎI TRẦN LAO VIỆC CHẴNG THƯỜNG

7Trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên dạy:
“Nếu duyên sanh có thì duyên ưu bi, sầu khổ, bệnh, chết có; nếu duyên sanh không

có thì duyên ưu bi, sâu khổ, bệnh, chết không có”. Biết như vậy, thì người tu theo đạo Phật phải đoạn dứt duyên sanh thì ưu bi, sâu khổ, bệnh, chết sẽ đoạn dứt. Ưu bi, sâu khổ, bệnh, chết đoạn dứt là giải thoát, là Niết Bàn.

Thông hiểu như vậy, biết rõ như vậy. Muốn chấm dứt ưu bi, sâu khổ, sanh tử luân hồi thì không còn cách nào khác hơn là phải đoạn dứt duyên “sanh”.

Con đường giải thoát duy nhất của đạo Phật bắt đầu tu tập để trở thành một vị Tỳ kheo (tu sĩ) là phải đoạn lìa duyên “sanh”. Nếu không đoạn lìa duyên sanh thì không thể trở thành một Tỳ kheo được.

Do không hiểu sự giải thoát của đạo Phật, nên người ta xuất gia tu hành theo kiểu hình thức tu sĩ (chiếc áo, đầu trọc). Học hỏi giáo lý thông suốt để trở thành một bậc thầy thuyết giảng gọi là Tỳ kheo, nhưng thật ra những vị Tỳ kheo này không thọ hưởng sự giải thoát chân thật của đạo Phật mà chỉ thọ hưởng danh lợi, đục lạch thế gian, như bao nhiêu người khác.

Như ở trên đã dạy, đoạn dứt duyên “sanh” thì ưu bi, sâu khổ, bệnh, chết không có, trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên Phật dạy: ***“Muốn chấm dứt sanh tử luân hồi, ưu bi, sâu khổ,***

bịnh, chết thì phải dứt bỏ, từ già, từ khước, xa lìa, viễn ly, từ bỏ, buông xuống duyên “sanh”.

Sanh ở đây quý Thầy và các quý Phật tử phải hiểu là **“sanh y”**. Sanh có nghĩa là sanh sống, cuộc sống, đời sống, nương tựa vào để sống, chứ không có nghĩa như sanh đẻ, dẫn sanh. Các nhà học giả thường dựa theo trong những bài kinh Tương Ưng hoặc kinh A Hàm mà giải thích sanh là sanh đẻ, dẫn sanh, nên các Ngài luận: **“có sanh tức có tử”**. Giải thích như vậy, không đúng nghĩa của kinh Thập Nhị Nhân Duyên. Vì mười hai nhân duyên này hợp lại chỉ thành ra một con người; thành một con người, tức là sai. Tuy rằng, kinh sách Tương Ưng và A Hàm là kinh sách Nguyên Thủy nhưng giải thích nghĩa như vậy chúng tôi không chấp nhận, vì nghĩa như vậy không đúng nghĩa thế giới quan của Thập Nhị Nhân Duyên, cho nên “sanh” có nghĩa sanh đẻ, dẫn sanh, là không đúng.

Còn nghĩa của chữ “sanh” trong Thập Nhị Nhân Duyên chỉ là một duyên với các duyên kia để hợp lại tạo thành hay sanh ra một thế giới khổ đau. Đó là, một thế giới quan của Phật Giáo, chứ không phải là một nhân sanh

quan như các nhà học giả và các kinh sách giải thích. Đây là, một sự lầm lạc rất lớn của các nhà học giả xưa và nay.

Vì muốn cho con người hết khổ, chấm dứt luân hồi sanh tử. Đức Phật đưa ra một triết thuyết Mười Hai Nhân Duyên nối tiếp nhau không kẽ hở **“sanh diệt”** tiếp diễn mãi **“diệt sanh”** theo định luật nhân quả trả vay, vay trả, nên trong các kinh đức Phật thường xác định nhắc đi nhắc lại Mười Hai Nhân Duyên này hợp lại thành thế giới khổ đau như trên đã giảng.

Làm cách nào? Tu như thế nào? Để Mười Hai Duyên này tan rã?

Đọc hết giáo lý kinh Nguyên Thủy đức Phật đã chọn duyên **“sanh”** làm vị trí cho chặng đường đầu tiên của người tu sĩ phải thực hiện, đó là giai đoạn thứ nhất của một vị Tỳ kheo phải tu tập cho bằng được, tức là đoạn dứt duyên sanh.

Muốn trở thành một vị Tỳ kheo của đạo Phật thì **“sanh y”** phải đoạn dứt, người nào chưa đoạn dứt sanh y thì không thành Tỳ kheo nghĩa là không thành đệ tử xuất gia của đạo Phật.

Như ở trên đã giải thích **“sanh”** là sanh sống, **“y”** là nương tựa vào để sống. Vậy, sanh y có nghĩa là nhà cửa, tài sản, tiền bạc, châu báu, cha mẹ, anh chị em, vợ con, bà con quyến thuộc nội ngoại, bạn bè thân thiết, chùa to tháp lớn, Phật tử đông, đó là sanh y.

Tu chưa xong mà lo độ người khác là mê muội, ngu si, tự mình chôn mình vào mồ danh lợi để mà chết trong khổ đau, cũng chẳng khác như một người nhà giàu kia vậy, đó là sanh y.

Người xuất gia tu theo đạo Phật thì phải đoạn dứt sanh y, có đoạn dứt sanh y mới sống đúng đời sống Phạm hạnh trọn vẹn và tu tập Thiền định đạt được kết quả.

Nếu chúng ta tu hành không đoạn dứt sanh y, còn tình cảm thương ghét, ngôi trong chùa mà tâm hướng về cha mẹ, vợ con, bạn bè, quyến thuộc, của cải, tài sản v.v.. nhớ mong, thương tiếc thì con đường tu hành giải thoát làm sao đạt được.

Hiện giờ, người nào cũng có hai tay, một tay thì ôm đời, một tay thì ôm đạo. Tay nào quý vị cũng nắm hết. Đời quý vị không bỏ, đạo quý vị muốn thêm. Như vậy, quý vị làm sao nắm trọn được con đường tu hành.

Ví như, có một người đi thuyền, hai chân đứng trên hai chiếc thuyền, đứng như vậy làm sao thuyền đi được? Nếu muốn tìm đường giải thoát ra khỏi cảnh khổ của cuộc đời thì quý vị phải bỏ tay đời, rồi dùng tay đó cùng với tay kia sẽ ôm chặt con đường đạo, lúc bấy giờ quý vị sẽ thấy ngay liền có giải thoát tức khắc.

Đức Phật đã dạy: ***“dứt bỏ sanh y thì Phạm hạnh mới xong”***. Lời dạy này rõ ràng và cụ thể, xác định dứt khoát ***“có dứt bỏ thì có giải thoát”***.

Nếu Đời không muốn bỏ mà muốn tu theo đạo Phật thì chỉ tu tập **“thiện pháp”** mà thôi, không thể tu cao hơn được nữa, không thể nhập Vô Lậu Định và Tứ Thánh Định được.

Người thời nay, do chỗ tu hành không đúng, không hiểu rõ Phật Pháp, còn bắt cá hai tay, nên một số cư sĩ tu theo đạo Phật, không lượng sức mình, không rõ pháp môn nên ngày đêm tụng kinh, ngồi Thiền, cũng siêng năng nỗ lực tu hành lại còn đi nghe các giảng sư, Thiền sư thuyết pháp, dạy cách ngồi Thiền. Họ có công tu tập nhưng lại không dám bỏ vợ, bỏ con, không dám cắt lìa tài sản, lúc nào cũng lo làm ra tiền, ra bạc thì thử hỏi sự tu tập của họ sẽ giải thoát chỗ nào? Sẽ đi về đâu? Họ còn

được các vị Thiền sư ấn chứng là đã kiến tánh thành Phật. Kiến tánh của những vị này là kiến ngôn, kiến ngữ, giỏi tài đối đáp chứ không phải thấy tánh, chỉ giỏi tài lý luận tưởng vô minh mà thôi.

Này, quý Thầy và quý vị cư sĩ đang ngồi đây nghe chúng tôi thuyết giảng đến chỗ này, quý vị nghĩ sao?

Có bỏ Đời đi theo Đạo được không?

Có xả được tình cảm của gia đình hay không?

Có xả được của cải, tài sản được không?

Đó là, con đường đoạn dứt sanh y, các bạn có làm được hay không?

Nếu chọn Đạo làm con đường giải thoát kiếp sống lầm than đau khổ của mình, thì Đạo có gian khổ cách nào ta cũng không chùn bước, thà chết, chết trong Đạo, chết trên bồ đoàn, chứ không thể chết dưới bồ đoàn, chết trong sự giải thoát nhân quả, chứ không thể chết trong tình cảm trói buộc của gia đình, của cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc v.v., không thể chết vì của cải, tài sản, sự nghiệp mà phải chết vì Đạo, vì sự chấm dứt luân hồi, đau khổ của đời người.

Có cương quyết, gan dạ đi theo Đạo giải thoát, chúng ta mới bỏ hết, dẹp hết, viễn ly, xa lìa tất cả những gì gọi là cuộc sống thế gian. Chúng ta chấp nhận đời sống xuất thế gian nghèo nhưng không khổ, chỉ chọn lấy một nghề duy nhất, đó là nghề ăn xin, nghề hèn hạ nhất trong xã hội nhưng chính nhờ có tu tập và nuôi sống thân mạng bằng nghề này mới giải quyết được bản ngã ác vĩ đại, mới xô đổ và đập nhẹp nó xuống được.

Người đi tu theo đạo Phật không còn làm ra tiền bạc nữa, không còn đi cày ruộng trồng rau để mà ăn nữa.

Ngày một bữa, đói xin cơm ăn, không xin tiền, khát xin nước uống hoặc xuống suối uống, không có thuốc thang đành chịu, không than thân trách phận, không bỏ cuộc tu hành, y áo rách xin y áo mặc, không có vãn vui lòng chấp nhận để xả hết mọi pháp thế gian, để thoát ly những vật chất trói buộc làm khổ đau con người muôn đời muôn kiếp.

Đến với đạo Phật, là để trở thành người tu sĩ xuất gia thì đời sống vật chất thiếu thốn mọi mặt, gần như không còn gì hết. Nếu người nào không có quyết tâm, không thấu rõ đời

sống con người là khổ, khổ thật sự thì khó mà chấp nhận đời sống Đạo.

Đời sống Đạo phải hoàn toàn đoạn lìa, không còn mang một chút gì của đời trong tâm hồn thì sự tu hành mới dễ dàng. Đừng ngồi đây mà lo đời nghĩ nhớ cái này, cái kia hoặc lo toan thứ này thứ nọ.

Đối với Phật tử, họ chỉ là cái nhân để cho quý Thầy tạo cái duyên tu hành cho họ về sau, chớ đừng khuyến khích họ xuất gia tu hành ngay liền bây giờ hoặc bày vẽ kêu gọi họ cúng dường, làm từ thiện, xây chùa, xây tháp, hoặc trai tăng tứ sự v.v.. Đó là biến họ trở thành sự trói buộc quý Thầy. Cũng vì chuyện cúng dường, xây chùa tháp làm từ thiện v.v.. mà quý Thầy đã ngã quỵ trên đường tu hành của mình, quý Thầy đã trở thành những người phục vụ cho nhu cầu tinh thần của cư sĩ, chứ không còn là một vị tu sĩ chân chánh.

Khi quý Thầy làm trụ trì một ngôi chùa nào đó, hầu hết quý Thầy ít bị gia đình trói buộc mà bị Phật tử trói buộc. Họ cúng dường quý Thầy cái này để quý Thầy thỏa mãn nguyện vọng làm Phật sự thì họ cũng đòi hỏi quý Thầy ở cái kia, mặc dù cái kia không phải

là giáo pháp của đức Phật, quý Thầy cũng phải làm cho vừa lòng họ.

Người tu sĩ lìa khỏi cuộc sống thế gian thì lại bị sai khiến trong cuộc sống xuất thế gian. Chúng ta lìa bỏ đời để đi tìm mục đích giải thoát nhưng không khéo lại bị đời sai khiến làm lệch Đạo.

Vượt thoát cuộc sống thế gian là một việc làm khó, thế mà vượt thoát đời sống không đúng của đạo Phật lại còn khó hơn. Vì những điều lệch lạc và không đúng của đạo Phật đã ăn sâu vào tâm não của mọi người, nó đã trở thành những phong tục tập quán truyền thống sâu sắc vào đời sống dân gian (mượn danh là Phật giáo).

Thời đại chúng ta có những tiêu chuẩn pháp hành cụ thể rõ ràng chánh thống của đạo Phật, vậy mà người ta xem thường, xem những pháp hành đó chẳng ra gì.

Bởi vậy, muốn giải thoát khỏi cảnh lâm than thế tục và còn phải vượt thoát những tà Thiên tà giáo của ngoại đạo, thì chúng ta phải noi gương đức Phật, buông xuống, buông xuống hết. Chỉ còn duy nhất những pháp nào Ngài đã thực hiện được giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, thì chúng ta phải lấy đó hành trì không nên

biếng trễ, để trở thành người giải thoát hoàn toàn.

Thoát khỏi trần lao là một việc rất khó vô cùng, nhưng đã vượt ra khỏi mà lại tu không đúng pháp của Phật thì rất uổng cho một đời người; vượt ra khỏi mà không nghe lời dạy của những người có kinh nghiệm đi trước mà cứ tu theo kiến giải của mình, tưởng là mình đã hiểu đúng, nào ngờ đó cũng là một sự lầm lạc còn lớn hơn nữa, tu như vậy chỉ là tu mù, phần đông những người tu sĩ này, chịu ảnh hưởng tà giáo ngoại đạo nhất là ảnh hưởng Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Đoạn dứt sanh y tức là sống đúng đời sống Phạm hạnh, sống đúng đời sống Phạm hạnh tức là hành trì giới luật nghiêm túc, giới luật nghiêm túc tức là trí tuệ như trong kinh Trường Bộ, đức Phật dạy: ***“Chỗ nào có giới luật nhất định chỗ ấy có trí tuệ, chỗ nào có trí tuệ nhất định chỗ ấy có giới luật...”***. Như vậy, đoạn dứt duyên sanh tức là trí tuệ, trí tuệ tức là **“minh”**. Ở đâu có minh thì ở đó, không có vô minh.

Ở đây, chúng ta thấy rất rõ, do vô minh sanh hành, do hành sanh thức... mới tạo ra thế giới đau khổ của loài người, nếu có minh thì vô

minh không có, không có vô minh thì không có hành, không có hành thì không có thức, không có thức thì không có thế giới đau khổ của loài người, nhưng minh ở đây là đời sống phạm hạnh giới luật, đức Phật đã xác định như vậy, chứ không phải do học tập thông suốt Tam Tạng Thánh Điển là minh.

Muốn đập tan Mười Hai Nhân Duyên này thì chúng ta phải có minh, muốn có minh thì phải đoạn dứt sanh, muốn đoạn dứt sanh thì phải sống đúng Phạm hạnh, muốn sống đúng Phạm hạnh thì phải trì giới luật nghiêm túc, trì giới luật nghiêm túc tức là minh. Minh ở đây, không phải là trí tuệ Tam Minh. Minh ở đây, là tri kiến và giới luật ***“Tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó, giới luật ở đâu thì tri kiến ở đó. Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”***.

Tu hành theo đạo Phật mà hiểu sai một lý thì tu sai ngàn dặm. Các tu sĩ Phật giáo hiện giờ tu sai nên chẳng tìm thấy sự giải thoát, do đó luôn luôn sống trong dục lạc thế gian, sống rất giàu sang, chùa to Phật lớn, cuộc sống đầy đủ vật chất hơn người thế gian.

Hằng ngày ăn uống ngủ nghỉ phi thời, vui chơi nghe ca hát và tự ca hát. Vả lại, các Sư

Thầy còn cất giữ tiền bạc, đó là duyên sanh chưa lìa, duyên sanh chưa lìa thì hình sắc, đầu tròn áo vuông của quý Thầy là chửi rửa Phật giáo. Chính các Thầy xuất gia, mà không là duyên sanh. Vì thế, các Thầy đã vô tình tự mình đã diệt Phật giáo, nhưng các Thầy có bao giờ biết.



TỨ NIỆM XỨ VÔ LẬU THÁNH ĐỊNH VÀ TỨ THÁNH HIỆN TẠI AN LẠC TRÚ ĐỊNH

Cũng vì đời sống thế gian không bỏ được, nên hầu hết tu sĩ Phật giáo khắp nơi trên thế giới, năm châu không thể nhập Tứ Niệm Xứ Vô Lậu Thánh Định và Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định được, họ chỉ còn lý thuyết kiến giải loanh quanh **“Tứ Niệm Xứ”** bằng một cái tên **“Minh Sát Tuệ, Trái Tim Thiền Định, Bốn Lãnh Vực Quán Niệm v.v..”**

Tứ Niệm Xứ Vô Lậu Thánh Định là một loại Thiền định của đạo Phật, hành giả chuyên cần tu tập sẽ quét sạch lậu hoặc đưa tâm con

người ly dục ly ác pháp, giải thoát hoàn toàn chấm dứt được sự tái sanh luân hồi. Nhưng quý vị, đừng hiểu theo tưởng giải của các nhà học giả mà tu hành chẳng đi đến đâu, họ lý luận đủ loại nhưng cuối cùng chỉ ức chế tâm chứ không có khắc phục tham ưu chút nào được.

Muốn thực hiện Thiền định này mà quý vị không chịu rời bỏ **“duyên sanh”** thì làm sao thực hiện được. Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định cũng vậy, “duyên sanh” mà không lìa bỏ thì hành giả đừng nên tu tập đến nó, vì có tu tập quý vị cũng chẳng đạt đến đâu, còn làm rối loạn thần kinh vì ức chế tâm, chẳng ích lợi gì còn có tai hại hiểm nguy khác nữa, là rối loạn thần kinh điên khùng.

Tứ Niệm Xứ Vô Lậu Thánh Định và Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định. Từ khi đức Phật và các vị Thánh Tăng đã nhập diệt, lần lượt về sau không còn ai tu tập và thực hiện nhập được, nên được xem như hai loại Thiền định này đã mất gốc, không còn ai biết đường tu tập đúng pháp.

Nhìn cuộc sống của tu sĩ Phật giáo hiện giờ, phần đông sống trong danh lợi, ăn ngủ phi thời, cách thức ăn mặc và lối sống như vua chúa thời phong kiến, chùa xây cất như cung

vàng điện ngọc to lớn đồ sộ vĩ đại. Thấy cách thức sống xác định tâm họ lậu hoặc còn đầy dẫy, ham thích cái này cái nọ tốt, sang, đẹp và chú trọng đến danh tiếng. Vì thế, Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định không có một vị nào nhập được, chỉ còn là những danh từ suông trong kinh sách Nguyên Thủy. Không còn có một vị nào có kinh nghiệm tu tập được.

Hầu hết, các tu sĩ Phật giáo Bắc Tông hiện giờ đang trụ khắp nơi trên thế giới đều cho Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định là Thiên định ngoại đạo, Thiên phạm phu, Thiên Tiểu Thừa, Nhị Thừa.

Theo quan niệm Phật giáo Đại Thừa hiện giờ họ cho Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định là Thiên ngoại đạo của các tôn giáo khác. Vậy, chúng ta nên tìm tôn giáo nào có bốn loại Thiên định này:

- 1- Yoga.
- 2- Hồi Giáo.
- 3- Bà La Môn Giáo.
- 4- Ấn Độ Giáo.
- 5- Thiên Chúa Giáo
- 6- Tin Lành Giáo.

- 7- Thiên Đông Độ.
- 8- Cao Đài Giáo.
- 9- Hòa Hảo.
- 10- Bửu Sơn Kỳ Hương.
- 11- Lão Tử.
- 12- Trang Tử.
- 13- Mặc Tử.
- 14- Khổng Giáo.
- 15- Lạt Ma Giáo.
- 16- Khí Công.
- 17- Nội Công.
- 18- Trường Sinh Học.
- 19- Khoa Học.
- 20- Lục Sư Ngoại Đạo v.v..

Trong thời đức Phật chỉ thấy trong kinh có ghi lại 62 luận thuyết của ngoại đạo mà không thấy nói đến Tứ Thánh Định.

Xét tận cùng, từ xưa đến nay các tôn giáo hiện có mặt trên thế gian này, trong kinh sách của họ không thấy có dạy tu tập “Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định” chỉ có kinh sách Phật giáo Nguyên Thủy mới có dạy. Nhưng xét cho kỹ, trước đức Phật thì loại Thiên định này

cũng đã có, nhưng là của ngoại đạo lối bốn Thiền ức chế tâm nên khi lúc còn bé, đức Phật ngồi dưới cội cây jam bu hướng tâm ly dục ly ác pháp.

Hiện giờ hầu hết các tu sĩ Phật giáo và ngoại đạo đều không có người nào nhập được Tứ Thánh Định.

Các nhà học giả xưa và nay nghiên cứu đến Thiền định này, họ chẳng triển khai nổi các pháp hành, chỉ dựa vào một số danh từ đã có sẵn trong kinh sách, giảng dạy không rõ ràng, lơ mơ như người đi đêm không đèn, không đuốc, nhất là cố tránh né lướt qua, không dám đụng đến nó.

Tại sao, chúng ta biết không có người nhập được Thiền định này?

1- Toàn bộ kinh sách hiện giờ đang được lưu hành dạy về Thiền định, không thấy có kinh sách nào dạy tu tập Thiền định này.

2- Rất ít kinh sách xưa cổ nói về bốn loại Thiền định này, dù có nói đến như kinh sách Phật giáo Nguyên Thủy, nhưng các nhà học giả không có tu hành và nhập được các loại định này nên cũng chỉ nói sơ sài qua loa, nói theo

tưởng, không có kinh nghiệm, không có pháp hành cụ thể.

3- Khắp trên thế giới chưa có tin tức người nào nhập được Thiền định này.

4- Khắp trên thế giới chưa nghe có người nào nhập Tứ Thiền, tịnh chỉ hơi thở từ 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng cho đến 1 năm, 2 năm, 3 năm không ăn không uống mà không chết.

5- Nhập các loại định này, hơi thở và các hành trong thân đều phải ngưng nghỉ.

6- Sau khi nhập định xong từ 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng cho đến 1 năm, 2 năm, 3 năm, khi xuất định vẫn phục hồi sự sống lại như thường.

Đó là những loại Thiền định khó thấy ở thế gian này và khó tu tập hơn các loại Thiền định khác.

Người nào không chịu moi đầu động não để nghiên cứu Tứ Thánh Định mà chỉ dựa vào Thiền định này của ngoại đạo, đó là những người vuốt đuôi kẻ khác chẳng có trí tuệ.

Qua sự sưu tầm và nghiên cứu nhiều loại kinh sách, chúng ta quả quyết xác định “Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định và Tứ Niệm Xứ Vô Lậu Thánh Định” chỉ có Phật giáo mới

có mà thôi và kinh sách Nguyên Thủy đã dạy rất kỹ từ những phương pháp nhỏ nhất và dễ dàng nhất đến để thực hành cho có kết quả ngay liền cho đến những phương pháp khó nhất để tịnh chỉ hơi thở, làm chủ sự sống chết.



DỨT BỎ DANH LỢI TRONG ĐẠO

Khi đã khoác chiếc áo Tỳ kheo, chúng ta đã nhận được đời sống xuất gia, không thể như đời sống tại gia được, hoàn toàn phải đoạn trừ tâm luyến ái, viễn ly, xa lìa, từ khước tâm danh, tâm lợi của đời sống thế gian. Không những chỉ đoạn trừ tâm danh lợi ở thế gian mà còn phải đoạn trừ tâm danh lợi trong Đạo. Danh lợi mang hình thức là Đạo nhưng thật sự nó là tâm danh lợi của con người.

Quý Thầy hãy đề phòng cảnh giác, đừng quên rằng cái tâm gian xảo của quý Thầy sẽ lường gạt chính quý Thầy, khiến cho quý Thầy tưởng mình không danh lợi, tưởng mình tu chân chánh.

Quý Thầy đã lầm, nó sai khiến quý Thầy như một tên nô lệ, làm tất cả mọi cái gì nó muốn, chỉ cần nó che đậy mắt quý Thầy bằng những danh từ cao thượng, **“độ chúng sanh, làm lợi ích Phật Pháp”**. Thế là, quý Thầy đã an tâm, “vì Phật Pháp, vì chúng sanh”.

Quý Thầy nên nhớ kỹ từ khi mới vào chùa xuất gia tu hành, quý Thầy chỉ là một chú “Đệ tử” chẳng có danh có lợi gì cả. Ăn rồi học giáo lý, hàng ngày cúng bái tụng niệm.

Sau thời gian năm năm, mười năm đi làm giảng sư, làm trụ trì chùa này hoặc chùa kia. Bây giờ, danh và lợi làm mờ mắt quý vị. Quý vị suốt ngày hết làm Phật sự này đến làm Phật sự khác. Nói danh từ Phật sự nghe cho thanh cao chứ thật sự quý Thầy đang hành một cái nghề làm “tôn giáo” để cầu danh, mưu lợi cho bản thân quý Thầy.

Quý Thầy quên rồi, quý Thầy là những người từ bỏ danh lợi, bỏ tất cả tình thương của thế tục, để tu hành tìm đường giải thoát.

Thế mà, bây giờ quý Thầy lại chạy theo danh lợi, bằng những danh từ khác, danh từ cao thượng **“Phật sự, Như Lai sứ giả, tu Bồ Tát hạnh, hành Bồ Tát đạo”**. Ai nghe đến

những danh từ này cũng phải kính nể, quỳ lạy sát đất.

Quý Thầy có tự xét lại mình không? Có buồn cười cho chính bản thân mình không? Hàng ngày quý Thầy đi thuyết giảng dạy người tu cái này, cái kia mà quý Thầy lại tu không được những điều quý Thầy đã giảng dạy, quý Thầy nói láo đó. Quý Thầy có biết không?

Lời giảng dạy của quý Thầy rất tuyệt vời, ý nghĩa thâm sâu tưởng chừng quý Thầy là vị Phật sống. Nhưng xét kỹ cách thức sống của quý Thầy, người ta không khỏi ngạc nhiên, quý Thầy dạy một điều mà cuộc sống của quý Thầy lại sống một ngả.

Hồi mới vào tu, thì nghèo xơ nghèo xác, đến chừng làm trụ trì, giảng sư, Thiền sư thì quý Thầy bắt đầu giàu có, chùa dần dần xây dựng vĩ đại, đồ sộ, vật dụng thế gian không có một vật gì thiếu cả.

Mới vào tu quý Thầy cưỡi chiếc xe đạp cũ mèm, sau thời gian thì có xe Honda rồi xe Dream, càng tu quý Thầy lại càng giàu ra nhiều, có cả ô tô thứ thượng hạng, ngoài đời người ta có cái gì thì quý Thầy có cái nấy.

Ở đời, người ta tìm danh, tìm lợi rất khó, quý Thầy ở trong Đạo tìm danh tìm lợi rất dễ

dàng. Ngoài đời, người ta làm lụng tìm ra miếng cơm manh áo rất là vất vả, khổ nhọc. Trong Đạo, quý Thầy ăn không ngồi rồi, học tập chơi đùa chẳng làm động móng tay, quần áo sang đẹp, bánh trái đồ ăn thực phẩm ăn không hết. Vì thế, người đi tu theo đạo Phật hiện giờ không tìm sự giải thoát mà chỉ nhắm vào danh và lợi.

Pháp môn của Phật giáo phát triển hiện giờ quý Thầy đang tu là pháp môn dạy tu danh lợi. Tại sao chúng ta biết như vậy?

Thấy cách thức sống của quý Thầy là thấu rõ, còn những pháp môn dạy tu giải thoát thì quý Thầy đã ném qua một bên, không còn lưu ý đến nó nữa. Không phải quý Thầy không biết, nhưng vì pháp môn đó sống không dục lạc.

Những pháp môn này dạy xả ly, bỏ danh, bỏ lợi, đời sống tu sĩ chẳng có gì, thiếu dục tri túc, khắc kỷ với mình, sống ba y một bát. Đời sống giải thoát là như vậy, mới chính là người tu sĩ của đạo Phật.

Muốn giải thoát theo nghĩa của đạo Phật, mà không chịu vứt bỏ đời sống thế gian thì đâu còn nghĩa lý gì giải thoát của đạo Phật nữa.

Người tu sĩ đạo Phật muốn thể hiện độ người tu giải thoát thì phải thể hiện sự sống giải thoát tức là ly dục ly ác pháp, ly vật chất của cải tài sản tiền bạc châu báu thế gian, lìa chùa to tháp lớn, lìa danh lìa lợi, lìa nữ sắc, lìa ăn ngon, mặc đẹp v.v.. Nếu sự sống mà ly được như vậy thì đó là gương hạnh độ người tu tập. Lời nói thuyết giảng giáo lý kinh điển của đạo Phật đều phải phù hợp với cách sống của mình không sai một mảy. Nếu sống ngược lại, thì lời nói thuyết giảng kinh sách không đi đôi với cuộc sống của mình, như vậy là lừa bịp, lường gạt người khác, sống trong mát ăn bát vàng, bằng mồ hôi nước mắt của người khác. Thật đáng phỉ nhổ và khinh bỉ. Đã không độ được người giải thoát mà còn làm hoen ố đạo Phật, khiến cho Phật Pháp suy đồi, chánh pháp chìm mất. Người trí hiểu biết nhìn vào đạo Phật khinh dễ và nghi ngờ.

Này, quý Thầy! Bỏn phận và trọng trách đối với đạo Phật, quý Thầy không thể làm ngơ làm diếc làm đui được. Quý Thầy đã từng học và đã nghiên cứu kinh sách của đạo Phật. Đã thông suốt lý của Đạo, đời sống của Đạo. Có sao quý Thầy lại sống, lại tu tập không đúng lời dạy của đức Phật. Đó là, một lỗi lầm rất

lớn mà quý Thầy phải chịu trách nhiệm đối với đạo Phật và tín đồ.

Nếu không có Tạng Kinh A Hàm và Tạng Kinh Nikaya, thì làm sao còn biết đâu là đạo Phật nữa; còn biết đâu là đường lối tu hành chân chánh của đạo Phật.

Muốn làm sáng tỏ đạo Phật; muốn cứu mình ra khỏi cuộc đời trầm luân đau khổ và sanh tử luân hồi, không gì hơn là quý Thầy phải quay về đường tu tập chân chánh của đạo Phật mà hai Tạng Kinh này đã dạy rất rõ. Quý Thầy phải bỏ danh lợi trong Đạo mà đức Phật đã dạy: **“Có danh có lợi thì nên ẩn bóng”**, vượt ra khỏi những dây xích sắt danh và lợi của tôn giáo, chọn đời sống Phạm hạnh của người tu sĩ Phật giáo chân chánh, thì đạo Phật chẳng làm gì nó sẽ sáng chói và huy hoàng.

Gương hạnh sống đó, ly dục ly ác pháp, giúp cho quý Thầy nhập được các định làm chủ được sự sống chết, chấm dứt được sự tái sanh luân hồi và còn giúp mọi người biết buông xả, dứt các điều ác, tăng trưởng các điều lành mang lại hạnh phúc, an vui cho mình, cho người và xã hội.



SỐNG TRÂM LẶNG

Đời sống của người tu sĩ đạo Phật phải trầm lặng, cô đơn độc cư và ít nói chuyện v.v.. Nhất là phải giữ gìn tâm mình trong trạng thái yên lặng, bất động, không được nhôn nhao, lăng xăng nghĩ ngợi, lo lắng, suy tư và sợ hãi, giận hờn, buồn rầu, lo nghĩ v.v..

Bài kệ nhất dạ hiền, đức Phật đã dạy chúng ta tu tập như thế nào để sống một cuộc đời tu sĩ trầm lặng?

Ông A Nan nhớ lại lời huấn thị bài kệ **“Nhất Dạ Hiền”**, ông đã thực hiện trong một đêm không ngủ, sáng hôm sau ông dùng thần thông đi xuyên qua cửa đá vào hang Thất Liệp để kết tập kinh điển cùng với năm trăm vị A La Hán khác. Đây bài kệ:

NHẤT DẠ HIỀN

“Quá khứ không truy tìm.

Tương lai không ước vọng.

Quá khứ đã qua rồi (đoạn tận).

Tương lai lại chưa đến.

Chỉ có pháp hiện tại.

Chánh niệm tỉnh giác đây.

Tuệ tri quán vô lậu.

Không động không rung chuyển.

Biết vậy nên tu tập.

Hôm nay nhiệt tâm làm.

Ai biết ngày mai chết.

Không ai điều đình được.

Với bọn tử thần kia.

Nhiệt tâm quyết tu tập.

Đêm ngày không mỗi mết.

Xứng gọi Nhất Dạ Hiền.

Luôn luôn sống trầm lặng”.

Là một tu sĩ Phật giáo, luôn luôn phải giữ tâm mình không cho suy nghĩ những chuyện vu vơ, không cho lo lắng hối tiếc buồn phiền những chuyện đã qua, không cho giận, hờn, căm thù, bất toại nguyện những chuyện hiện tại. Vì có suy tư những chuyện đã qua cũng chẳng ích lợi gì mà ngược lại còn làm buồn phiền, đau khổ. Do chỗ buồn phiền, đau khổ, tâm ta không được thanh thản, an vui nên đức Phật mới dạy muốn giải thoát tâm hồn được thanh thản, an lạc thì đừng nhớ, lo, nghĩ về những chuyện đã xảy rồi; nhớ, lo, nghĩ những

chuyện đã qua rồi khiến tâm bất an, chẳng có ích lợi gì.

Đạo Phật dạy phải đoạn dứt những sự suy tư về chuyện quá khứ, vì chuyện quá khứ đã qua rồi, có lo nghĩ có buồn phiền thì cũng chẳng giải quyết gì được mà còn làm tâm ta đau khổ, u tối thêm, không còn sáng suốt đối với chuyện hiện tại.

Vậy, chúng ta nên lấy 2 câu kệ này làm pháp hướng nhắc tâm mình để xa lìa quá khứ.

“Quá khứ không truy tìm

Quá khứ đã qua rồi”.

Còn tìm kiếm có ích lợi gì cho ta nữa, ta hãy xả đi, buông đi.

Quá khứ đã không tìm trở lại thì vị lai đừng nuôi hy vọng ước mơ. Vì tương lai đến, đến không bao giờ đúng với sự mơ ước, thế là thất vọng, thất vọng là khổ đau.

Bởi vì, luật nhân quả đang chi phối từng phút, từng giây trong thời gian và không gian của sự vật. Nên sự mơ ước của con người còn tùy thuộc ở nhân quả của người đó, nên sự ước mơ không bao giờ đúng và đạt được.

Người thấu rõ luật nhân quả chẳng bao giờ mơ ước một điều gì về tương lai, chỉ lo giải

quyết mọi việc đang xảy ra trong hiện tại, không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh, thì vị lai không ước mơ nhưng vẫn thành sự tốt đẹp đến với mình.

Đạo Phật lấy mốc thời gian hiện tại để tu tập, để không nhớ nghĩ về quá khứ và cũng không lo lắng về tương lai.

Vậy thời gian hiện tại ta tu tập cái gì? Như trong bài kệ đã dạy:

“Chánh Niệm Tĩnh Giác đây.

Tuệ tri quán Vô Lậu”.

Đây là hai loại Thiền định mà đức Phật đã dạy người mới tu, cần phải siêng năng tu tập để tâm không nhớ nghĩ về quá khứ và cũng không mơ ước về tương lai.

Chánh Niệm Tĩnh Giác đây tức là chánh Niệm Tĩnh Giác Định. Cách tu tập định này, trên thân quán thân tu về hành tướng ngoại (Tứ Niệm Xứ) nghĩa là thân đi biết thân đi, thân đứng biết thân đứng, thân ngồi biết thân ngồi, thân mặc y mang bát biết thân mặc y mang bát, thân làm việc gì đều biết thân làm việc nấy. Tâm luôn chú ý theo dõi hành động của thân đang hoạt động, không để thất niệm đang làm, mất niệm đang làm là thất niệm, thất niệm là mất tĩnh giác, mất tĩnh giác tức

là mê, mê còn gọi là quên. Cho nên, tu tập mà để thất niệm là tu sai, tu như vậy không có kết quả, tu suốt đời cũng chẳng có ích lợi gì.

Thất niệm có hai trạng thái khác xen vào:

1- Quên mất niệm hành động của thân, xen vào những vọng tưởng, nghĩ ngợi chuyện thế gian (bị vọng niệm).

2- Quên mất niệm hành động của thân (vô ký) hành động theo thói quen, không nhớ, hay quên.

3- Quên mất niệm là quên pháp như lý tác ý, quên pháp như lý tác ý là ý thức chìm thì tưởng thức hoạt động, tưởng thức hoạt động thì sẽ rơi vào Thiền tưởng.

Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, người mới tu phải dùng pháp hướng dẫn tâm tỉnh thức, nếu không dùng pháp hướng thì tâm dễ bị vọng tưởng và vô ký. Cái khó là ở chỗ tu tập nếu không có người có kinh nghiệm hướng dẫn thì khó mà tu tập tỉnh thức an trú thời gian dài được.

Tuệ tri quán vô lậu tức là Định Vô Lậu.

Định Vô Lậu này được thực hiện trên thân quán thân tu về nhân tướng (Tứ Niệm Xứ) để khắc phục tham ưu tức là ly dục ly ác pháp. Cách thức tu tập định này có ba cách:

1- Ngồi kiết già thẳng lưng đặt niệm thân trước mặt quán xét tư duy, thấu suốt lý duyên khởi, lý duyên sanh, lý vô thường, khổ, không và vô ngã, lý bất tịnh, xấu xí, bản thủ, hôi thúi, uế trước v.v..

Khi quán xét thân xong, ngồi đặt niệm thọ, tâm và các pháp trước mặt cũng quán xét như vậy.

2- Ngồi kiết già lưng thẳng đặt niệm thân trước mặt, quán xét tư duy về Nhân Quả, về Bốn Đại Duyên Hợp và Thập Nhị Nhân Duyên. Khi quán xét tư duy thân xong rồi đặt niệm thọ, tâm và các pháp cũng quán xét như vậy.

3- Khi đang tu Định Chánh Niệm Tĩnh Giác bỗng có một niệm khác xen vào ta nên lấy niệm đó đặt trước mặt quán xét tư duy, tu Định Vô Lậu liền, để xả bỏ niệm ấy cho rốt ráo, không còn tới lui, chớ không được buông ngang vì buông ngang niệm ấy sẽ sanh trở lại khiến cho tâm thất niệm.

Hai loại định: Chánh Niệm Tĩnh Giác và Định Vô Lậu sẽ hỗ trợ cho nhau, khi chúng ta biết câu hữu, chúng sẽ giúp chúng ta diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, nhờ thế tâm bất

động trước các đối tượng, do vậy trong bài kệ có câu:

“Không động không rung chuyển”.

Nếu người siêng năng tu tập như vậy, tâm được thanh tịnh hoàn toàn, giống như cục đất không còn phiền não, khổ đau, giận hờn, thương ghét nữa.

Hiểu được và biết rõ sự lợi ích của hai loại định này chúng ta cần phải siêng năng tu tập nhiều hơn, không bỏ phí thì giờ. Kết quả mang đến tâm chúng ta được giải thoát, cuộc sống được an vui, thanh thản và vô sự, không có một vật gì, hoàn cảnh nào làm động tâm được, thì trên đời này còn có gì hạnh phúc và sung sướng cho bằng.

Này, quý Thầy và các Phật tử, khi đã nhận được hai pháp Thiền định quý báu vô giá này, thì trên đời không còn có vật gì quý báu hơn và sánh bằng được.

Biết nó quý báu vô giá như vậy, nên đức Phật khuyên chúng ta:

“Biết vậy nên tu tập.

Hôm nay nhiệt tâm làm.

Đêm ngày không mỗi mết”.

Đó là một lời khuyên chơn thật của đức Phật, biết hai loại định này sẽ giải thoát tâm con người ra khỏi sông mê biển khổ. Vì thế, người tu sĩ phải thấy giá trị của nó to lớn và lợi ích biết dường bao.

Khi thấu suốt giá trị của hai pháp môn Thiền định này, thì đừng để mất thời giờ vàng ngọc của mình trôi qua quá uổng, dù là một phút cũng không tìm lại được. Phải nỗ lực siêng năng tu tập với một tâm thành nhiệt huyết, ngày đêm tinh tấn không biết mệt mỏi là gì.

Sự nhiệt tâm, tinh cần, tinh tấn, không biếng trễ, không bỏ qua một giây phút nào, thì kết quả sẽ nhanh chóng, giải thoát chỉ một đêm tu tập sẽ trở thành bậc Thánh Hiền.

“Xứng gọi nhất dạ hiền”.

Chỉ có một đêm tu tập không thất niệm, tâm hồn chúng ta sẽ trở thành trầm lặng, sống ít nói, tâm hồn không lăng xăng, không nhận nhip, sống độc cư an vui một mình.

Qua bài kệ này, quý Thầy và các Phật tử đã nhận ra được những kinh nghiệm trong hai pháp môn Thiền định quý giá để thực hành cụ thể và kết quả sẽ mãn nguyện.

Người cư sĩ tại gia cũng như người tu sĩ xuất gia đều dễ dàng tu tập hai pháp môn Thiền định này mà không sợ lạc Thiền, tẩu hỏa nhập ma hoặc rối loạn thần kinh, hoặc ông lên bà xuống như nhập đồng, nhập xác.

Kết quả của hai pháp môn Thiền định này nhanh chóng, ngay liền tức khắc, không phải chờ đợi.

Nếu ai tha thiết con đường tu tập của đạo Phật mà được hướng dẫn tu tập hai pháp môn này, như người đang chết đuối mà vớ được phao, như người bệnh sắp chết mà vớ được thần dược.

Người có hữu duyên gieo trồng chánh pháp của đạo Phật mới gặp được hai Thánh pháp này. Do thế, phải nỗ lực siêng năng tu hành ngày đêm không biết mỏi mệt để cứu mình ra khỏi biển khổ, để đền đáp ơn Phật, ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha và ơn đàn na thí chủ, có như vậy mới xứng danh là người đệ tử của đức Phật, là những bậc Thánh Tăng, là những bậc Thánh cư sĩ, là những bậc chân tu sống trầm lặng tuyệt vời.



SANH ĐÃ TẬN PHẠM HẠNH MỚI XONG

Trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên đức Phật đã dạy: *“Người mới vào tu, phải tu tập đoạn dứt duyên **“sanh”**”*.

Kinh Thập Nhị Nhân Duyên có mười hai duyên như mắt xích sắt, duyên này có thì duyên kia có, duyên này diệt thì duyên kia diệt. Kinh này bắt đầu từ duyên **“vô minh”** như sau:

1- Vì vô minh không thấu rõ các pháp thế gian lầm chấp chúng là thật có nên hành động chạy theo tâm ham muốn, sanh ra các ác pháp, tạo biết bao nhiêu nghiệp khổ đau, do thế kinh dạy: **“Vô minh sanh hành”**.

2- Hành động theo lòng ham muốn dục lạc chạy theo ái dục sanh ra thức, nên kinh dạy: **“hành sanh thức”**.

3- Thức, kết hợp noãn châu và tinh trùng sanh ra danh sắc nên kinh gọi: **“thức sanh danh sắc”**.

4- Danh sắc, là thân và tướng của con người, lần lần phát triển đầy đủ: mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý. Mắt, tai, mũi, miệng, thân

và ý tiếp xúc với sáu trần bên ngoài nên kinh dạy: **“Danh sắc sanh lục nhập”**.

5- Lục nhập, có nghĩa là sáu căn và sáu trần. Sáu căn gồm có: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu trần gồm có: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu trần tiếp xúc sáu căn, nên kinh dạy: **“Lục nhập sanh ra xúc”**.

6- Xúc, tạo ra sự va chạm êm ấm, ngọt bùi, khả hỷ, khả lạc nên kinh dạy: **“Xúc sanh ra thọ”**.

7- Thọ, sanh ra cảm giác thích thú, cảm mến, giận hờn, thương ghét nên kinh dạy **“Thọ sanh ra ái”**.

8- Ái, là yêu mến, thương mến, ưa thích người vật và vật chất nhà cửa... nên từ đó chúng ta mới có (Hữu), nên kinh dạy: **“Ái sanh ra hữu”**.

9- Hữu là có vật này, vật kia như: thân tứ đại, thân ngũ uẩn, nhà cửa, của cải, tài sản, cha, mẹ, anh, chị, em, bà con... Khi đã có thì mới gìn giữ bảo vệ, nên kinh dạy: **“Hữu sinh ra thủ”**.

10- Thủ là giữ lại, nhờ có giữ gìn bảo vệ của cải tài sản, thân bằng quyến thuộc nên

mới có đời sống (sanh), cho nên kinh dạy:
“Thủ sinh ra sanh”.

11- Sanh, phải nói đủ là sanh y, sanh là của cải, tài sản, vật chất, sự nghiệp, cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc, bạn bè v.v.. như trên đã nói. Do thế, khi tài sản của cải bị mất thì sanh ra buồn rầu bịnh khổ và chết, cha mẹ vợ con chết cũng sanh ra buồn rầu, đau khổ phiền lòng nên kinh dạy: ***“Sanh sanh ra ưu bi, sầu khổ, bệnh, chết”***.

12- Ưu bi, sầu khổ, bệnh, chết là duyên cuối cùng của Mười Hai Duyên này, hợp lại thành thế giới khổ đau của kiếp người.

Sau khi quán xét Mười Hai Nhân Duyên, cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt.

Như đã nói ở trên, Mười Hai Nhân Duyên này hợp lại là thế giới đau khổ của con người thành hình. Mười Hai Nhân Duyên này rã tan là thế giới hết khổ đau, hoại diệt.

Muốn thoát khổ thì Mười Hai Nhân Duyên này phải rã tan. Vậy, rã tan như thế nào và duyên nào rã trước?

Kinh điển phát triển Đại Thừa và Thiên Đông Độ nhằm vào duyên vô minh phải phá trước bằng **“Minh”**, minh tức là trí tuệ.

Muốn triển khai “Minh” trí tuệ, các nhà Đại thừa và Thiên Đông Độ dùng pháp hành ức chế niệm thiện niệm ác, cho tâm không niệm thiện niệm ác là định và do tâm định thì phát tuệ (chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền), bản lai diện mục hiện tiền là Phật Tánh, mà Phật Tánh là tánh giác, tánh giác tức là trí tuệ. Do những pháp hành tu tập để triển khai trí tuệ như vậy. Họ đã lầm, không ngờ đường tu tập ấy lại khai mở tưởng tuệ. Khi tưởng tuệ được khai mở thì lý luận của các nhà Đại thừa siêu việt tưởng, nên không tôn giáo nào tranh luận hơn được, nhất là lý Bát Nhã của Đại Thừa.

Do lý luận siêu việt tưởng Bát Nhã nên nó đã phá luôn Phật giáo chính gốc (**vô khổ, tập, diệt, đạo**). Vì, Phật giáo Nguyên Thủy chính gốc, không có lý luận tranh hơn thua, không có lý luận siêu việt tưởng như vậy, chỉ dạy thẳng đời người là khổ, nguyên nhân sinh ra đau khổ, trạng thái tâm hết khổ đau và tám cách thức tu tập để diệt nguyên nhân sinh khổ. Những pháp hành này, cụ thể để mọi người ai

cũng tu được, cũng thực hiện được sự giải thoát hết khổ như nhau.

Vì thế, kinh điển Nguyên Thủy nhắm vào duyên “sanh” để đoạn dứt nó, đoạn dứt nó thì ưu bi, sầu khổ, bệnh, chết cũng đoạn dứt, nên kinh thường nhắc đi nhắc lại: **“*Sanh đã tận Phạm hạnh mới xong*”**.

Nếu một người tu tập quyết tìm đường giải thoát ra khỏi cuộc sống trần lao này, thì phải buông xả như đức Phật và các bậc Thánh Tăng: không trang điểm làm đẹp, của cải tài sản bỏ sạch, cha mẹ, anh em, chị em, vợ con đều bỏ xuống hết như trong bài **“*Vượt thoát*”** đã dạy.

Đó là bứt tất cả những sợi dây xiềng xích đang trói rất chặt mọi người. Chỉ có những bậc chân tu thấy được nhân quả nên họ đã mạnh dạn dứt bỏ sạch để vượt thoát cảnh đời thế tục.

Sự dứt bỏ vượt thoát này, không phải ai cũng làm được, tuy nói rất dễ nhưng làm rất khó. Người tầm thường không thể làm được, trong kinh dạy rất đơn giản: **“*Sanh đã tận Phạm hạnh mới xong*”** hoặc **“*duyên sanh dứt thì bệnh tử sầu khổ ưu bi dứt*”**. Những danh từ nghe thì dễ dàng, nhưng đương đầu

trước của cải, tài sản châu báu, ngọc ngà cùng cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, xả bỏ hay đoạn tận là một việc không phải dễ làm.

Nếu không đoạn tận, thì không thể thực hiện được con đường giải thoát của đạo Phật.

Tại sao vậy?

Tại vì đạo Phật gọi là đạo giải thoát mà không dứt được những sợi dây xiềng xích vô hình đó đang trói buộc thì làm sao gọi là giải thoát được?

Hiện giờ, những người đang tu theo đạo Phật, đời chẳng muốn bỏ mà đạo lại muốn thêm, hai tay đều nắm hết. Do thế, cuộc sống tu hành Đời chẳng ra Đời, Đạo chẳng ra Đạo.

Hiện giờ, quý Thầy và các cư sĩ tu hành chẳng đến đâu, chỉ vì tu theo kiểu đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo, rất uổng công cho một đời tu hành. Tu mãi chỉ còn lấy Phật giáo làm danh làm lợi cho cuộc sống thế tục.

Tu theo Phật giáo, người tu hành phải đoạn dứt sanh y, có đoạn sanh y thì tâm mới được giải thoát đau khổ. Tâm có được giải thoát đau khổ thì tâm mới có thanh tịnh; tâm có thanh tịnh thì tâm mới nhập Thiền định; Tâm nhập được Thiền định thì tâm mới làm chủ được sự sống chết.

Người không đoạn dứt sanh y, không thể nào ly dục ly ác pháp và nhập Tứ Thánh Định được, do không ly dục ly ác pháp và nhập Tứ Thánh Định được, thì không còn pháp nào tu tập làm chủ sanh tử và chấm dứt luân hồi.

Đường về xứ Phật không khó, nhưng khó cho những ai, không muốn dứt bỏ đời sống dục lạc và tình cảm thương mến ở thế gian.

Pháp môn tu hành của đạo Phật không có gì huyền bí và vĩ đại, chỉ cần hiểu rõ đời sống thế gian là khổ vô vãn và khổ muôn kiếp. Đời sống xuất thế gian là dứt khổ, hết khổ, chỉ còn một đời sống này nữa mà thôi, một đời sống tu theo đạo Phật hoàn toàn sẽ chấm dứt khổ.



BỐN THÁNH ĐỊNH

Quý vị muốn tu tập Thiền định của đạo Phật, thì nên theo bản tóm lược này mà tu tập từng giai đoạn một để có kết quả như ý mình. (Tứ Thánh Định).

I - SỞ THIỀN

1- Tĩnh chỉ ngôn ngữ.

2- Sống đúng giới hạnh.

3- Lấy giới bốn Patimôkha phòng hộ sáu căn.

4- Tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác Định.

5- Tu tập Định Vô Lậu, diệt ngã xả tâm, quét sạch ngũ triền cái, đoạn dứt thất kiết sử tức là ly dục ly ác pháp.

6- Thiểu dục tri túc.

II - NHI THIÊN

1- Tu tập Định Niệm Hơi Thở.

2- Định Diệt Tầm Giữ Tứ.

3- Định Diệt Tầm Diệt Tứ.

4- Hướng tâm tịnh chỉ tầm tứ.

5- Tịnh chỉ tầm tứ.

III - TAM THIÊN

1- Tu tập Định Niệm Hơi Thở khéo tác ý.

2- Nương hơi thở hướng tâm, xả ly sáu loại hỷ tướng đầu tiên: sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp tướng (ly hỷ trú xả).

3- Tỉnh thức trong giấc ngủ xả mộng tưởng.

4- Dùng pháp hướng xả ly 18 loại hỷ tướng.

IV – TỨ THIÊN

- 1- Nương Định Niệm Hơi Thở khéo tác ý.
- 2- Hướng tâm tịnh chỉ âm thanh.
- 3- Hướng tâm tịnh chỉ các thọ.
- 4- Hướng tâm tịnh chỉ hơi thở.
- 5- Hướng tâm tịnh chỉ các hành và hơi thở.
- 6- Tịnh chỉ các hành và hơi thở.
- 7- Nương Định Niệm Hơi Thở khéo tác ý.

Trên đây là phần lý thuyết của bốn Thiên, còn phần thực hành để nhập Tứ Thiên Thánh Định thì phải tu học có căn bản, từ thấp đến cao.

Đạo Phật là đạo đức nhân bản - nhân quả của loài người, nó là chân lý của con người, vì thế con người không có hai ba chân lý mà duy nhất chỉ có một mà thôi. Do nó là chân lý, nên nó phải có chương trình tu học như chương trình giáo dục kiến thức ngoài đời.

Chúng ta ai cũng biết chương trình tu học của đạo Phật chia làm tám lớp tu học gọi là Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo gồm có như sau: 1- Lớp Chánh kiến; 2- Lớp Chánh tư duy; 3- Lớp Chánh ngữ; 4- Lớp Chánh nghiệp; 5-

Lớp Chánh mạng; 6- Lớp Chánh tinh tấn; 7- Lớp Chánh niệm; 8- Lớp Chánh định. Trong tám lớp tu học (Bát Chánh Đạo) có ba cấp (Giới, Định, Tuệ).

Cho nên, muốn nhập được bốn Thánh Định, thì phải học từ lớp 1 đến lớp 8. Còn nếu, ngay từ bốn Thánh Định mà tu tập như lý thuyết trên đây, thì phải có người tu xong hướng dẫn thì mới nhập được, còn nếu không có người hướng dẫn thì chỉ tu chơi, chứ không bao giờ nhập được.

Thưa các bạn! Không phải Tứ Thánh Định là một thứ Thiền định tu hành khó khăn như các bạn tưởng. Đức Phật đã từng dạy: ***“Với tâm định tĩnh, nhu nhuyễn dễ sử dụng nhập bốn Thiền không có khó khăn, không có mệt nhọc”.***

Theo kinh nghiệm bản thân của chúng tôi thì giới luật phải nghiêm chỉnh, muốn cho giới luật được nghiêm chỉnh thì phải tu tập Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, trong Tứ Chánh Cần có các pháp cần tu tập. Đó là Định Niệm Hơi Thở, Định Vô Lậu, Định Sáng Suốt và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác. Trong Tứ Niệm Xứ có các pháp cần tu tập. Đó là Tứ Niệm Xứ tu tập trên Tứ Niệm Xứ, pháp Thân Hành Niệm. Pháp môn Thân Hành Niệm là pháp môn cuối

cùng của lớp học Chánh niệm. Kết quả của pháp môn này, là lần lượt bảy năng lực Giác Chi xuất hiện, khi giác chi cuối cùng xuất hiện thì chúng ta đã hoàn thành Tứ Như Ý Túc. Khi Tứ Như Ý Túc đã có, thì Tứ Thánh Định nhập vào không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức.

Nếu chúng ta tu tập như vậy, thì chắc chắn sẽ làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi một cách không có khó khăn, không có mệt nhọc. Nhưng dù sao các bạn cũng nên nhớ lời Phật dạy trong kinh Ước Nguyện: ***“Muốn nhập bốn Thánh Định và thực hiện Tam Minh thì giới luật phải sống nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhất nào thì Bốn Thánh Định và Tam Minh sẽ thực hiện không có khó khăn, không có mệt nhọc”***.

Theo lời Phật dạy trên đây, các bạn đừng lo không nhập được bốn Thánh Định và Tam Minh, chỉ ngại các bạn sống không sống đúng giới luật, chứ sống đúng giới luật thì không có khó khăn đâu các bạn ạ! Hãy bền chí tiến lên các bạn ạ! Con đường giải thoát đang chờ bạn ở phía trước.



CHƯƠNG III

HỎI ĐẠO

NHIỆT TÂM

Câu hỏi của Hải Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Nếu không có nghị lực, dứt khoát, từ bỏ thì tu Định Vô Lậu và tu tập Pháp Hướng Tâm, theo sự nhận xét của con trong sự tu tập thì con thấy cũng không có hiệu quả, có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Con đường tu theo đạo Phật nếu không có quyết tâm dứt khoát từ bỏ, nhất là thiếu nghị lực thì không thể nào tu Định Vô Lậu và dùng pháp Hướng Tâm có hiệu quả được. Người ta biết thuốc lá, thuốc phiện và rượu gây bệnh tật, tai hại cho cơ thể, nhưng không quyết tâm dứt khoát từ bỏ thì vẫn phải chịu bệnh nghiện và con người luôn luôn ương gàn như một con thú vật, họ không biết đạo đức là gì.

Nhiệt tâm là một điều quan trọng hết sức cho bước đường tu tập xả tâm, nếu không có nhiệt tâm thì nhất định không bao giờ có xả tâm được.

Định Vô Lậu là một danh từ nếu chúng ta chỉ dùng danh từ để quán xét và nói suông thì chẳng có nghĩa gì là vô lậu. Nói vô lậu tức là nói không còn đau khổ, nói không còn đau khổ tức là nói không còn chướng ngại pháp trong tâm, nói chướng ngại pháp trong tâm tức là nói ác pháp.

Do đó, đức Phật dạy: ***“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”*** là để thoát khổ, nếu người không có nhiệt tâm ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp thì khó mà giải thoát được.

Bởi, nhiệt tâm là một việc làm tích cực hết sức của một người quyết chí đi tìm đường giải thoát, nếu người quyết chí đi tìm đường giải thoát mà không có nhiệt tâm thì sự tu hành cũng chỉ hoài công vô ích mà thôi.

Muốn bỏ một điều ác nào, thì chúng ta phải thông suốt điều ác ấy. Vậy, phải thông suốt như thế nào?

- **Thứ nhất**, là phải thông suốt lý nhân quả thiện và ác.

- **Thứ hai**, là phải thông suốt lý duyên hợp.

- **Thứ ba**, là phải thông suốt lý các pháp vô thường, khổ, vô ngã.

- **Thứ tư**, phải thông suốt Bát Chánh Đạo, tức là tám lớp tu tập để được giải thoát như:

Lớp 1: Chánh Kiến.

Lớp 2: Chánh Tư Duy.

Lớp 3: Chánh Ngữ.

Lớp 4: Chánh Nghiệp.

Lớp 5: Chánh Mạng.

Lớp 6: Chánh Tinh Tấn.

Lớp 7: Chánh Niệm.

Lớp 8: Chánh Định.

- **Thứ năm**, phải thông suốt ba lậu như: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

- **Thứ sáu**, phải thông suốt Ngũ triền cái và Thất kiết sử.

- **Thứ bảy**, phải thông suốt Năm hạ phần kiết sử và Năm thượng phần kiết sử.

- **Thứ tám**, phải thông suốt Thập thiện và Thập ác.

- **Thứ chín**, phải thông suốt bốn loại định: Định Sáng Suốt, Định Niệm Hơi Thở, Định Vô Lậu và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác.

- **Thứ mười**, phải thông suốt Tứ Thánh Định.

- **Thứ mười một**, phải thông suốt pháp Như lý tác ý và pháp Tác ý.

- **Thứ mười hai**, phải thông suốt phóng tâm và phóng dật.

Trong khi đã thông suốt 12 pháp môn này, mà thiếu nhiệt tâm dứt bỏ tu hành thì trở thành một vị giảng sư, vị giảng sư là người nói được, chứ không làm được, người nói được mà chưa làm được là người nói láo. Người nói láo bằng thuyết giảng là người lừa đảo người khác bằng kinh sách.

Vốn đạo Phật không phải là một tôn giáo nói láo, nên khi đã thông suốt các pháp thì phải nỗ lực xả bỏ, ly tham đoạn diệt ác pháp cho chính mình, để được ra khỏi cuộc đời đầy khổ đau, chứ không phải thông suốt lý đạo để đem ra dạy đời bằng những lý thuyết suông trong khi mình tu tập chẳng ra gì mà lại dạy người tu thì hóa ra lừa đảo người. Đừng dùng những ngôn từ trong kinh phát triển để che

mất thiên hạ **“Y pháp bất y nhân”**, có nghĩa là y nơi pháp mà tu hành, còn đừng y vào các Thầy, vì các Thầy tuy dạy như vậy mà chưa có tu hành được như trong kinh đã dạy.

Đối với con đường tu hành theo đạo Phật, nếu không có nhiệt tâm nồng cháy quyết dứt bỏ những chướng ngại pháp trong tâm, như những lời dạy của đức Phật trong thời khóa tu tập lúc đức Phật còn tại thế thì không bao giờ làm chủ được sanh, già, bệnh, chết, nếu không có nhiệt tâm nồng cháy sửa đổi những lỗi lầm của mình trong những thói hư tật xấu thì chẳng bao giờ trở thành những con người tốt trong xã hội được. Những con người có đạo đức, nếu không có nhiệt tâm nồng cháy ly dục ly ác pháp, sửa đổi tánh hư tật xấu thì không bao giờ có ly dục ly ác pháp được. Không ly dục ly ác pháp, thì không bao giờ nhập được Thiên định, nếu không nhập được Thiên định thì không bao giờ thực hiện được Tam Minh, nếu không thực hiện được Tam Minh thì không bao giờ chấm dứt tái sanh luân hồi.

Xem thế, chúng ta mới thấy nhiệt tâm là một điều quan trọng hết sức trong việc tu hành theo đạo Phật, vì có nhiệt tâm mới có giải thoát.

Chúng ta biết, có nhiệt tâm mới có nghị lực để chiến đấu với nội tâm của mình, không nhiệt tâm thì không nghị lực, người không có nghị lực làm việc gì, người ấy đều gặp thất bại, huống là công việc tu hành thì lại còn thất bại nặng nề hơn.

Cho nên, người tu Định Vô Lậu cũng như sử dụng pháp Hương Tâm mà không có nhiệt tâm dứt khoát từ bỏ, thì sự tu tập chỉ có hoài công vô ích và uổng phí một đời tu hành, chẳng bao giờ có giải thoát đối với những người này.

Theo sự nhận xét của con, trong sự tu tập của chính mình, thì con đã rút ra được những kinh nghiệm bản thân, nếu không có nhiệt tâm xả bỏ thì sự tu tập cũng chỉ hoài công vô ích và uổng phí một đời tu hành chẳng bao giờ có giải thoát. Với những ai tu chơi thì chẳng bao giờ có nhiệt tâm, không có nhiệt tâm thì đừng nên tu theo đạo Phật đã chẳng ích lợi cho mình mà còn hại đạo Phật thêm, khiến cho người đời khinh chê và phỉ báng vì phạm giới cấm của đức Phật.

Theo sự nhận xét của con trong sự tu tập của chính mình, thì con đã hiểu biết được những kinh nghiệm bản thân, *“nếu không có*

nhật tâm xả bỏ thì sự tu tập không có hiệu quả”.

Đúng vậy! Đúng vậy! Lời nói này là cả một kinh nghiệm bản thân. Nếu trên đường tu tập mà ai không có nhật tâm xả bỏ xa lìa ác pháp và lòng ham muốn của mình, thì kết quả chẳng ra gì như trên đã dạy.

Nếu một người tu hành theo đạo Phật mà sống không đúng Phạm hạnh của đạo Phật, thì người ấy không bao giờ có nhật tâm với sự tu tập của mình. Người có nhật tâm, là người sống đúng giới luật Phạm hạnh.

Nếu tu tập mà không có kết quả, thì sự nhật tâm sẽ mất dần và cuối cùng, lòng tha thiết nhật tâm tu hành giải thoát không còn nữa.

Bởi vậy, kẻ nào tu sai, nhật tâm sẽ bị mất, nhật tâm mất thì nghị lực cũng không còn, tu như vậy chỉ mang tiếng tu mà thôi.

Đây là một vấn đề quan trọng trong sự tu hành, quý Thầy và quý Phật tử phải bảo vệ và giữ gìn nhật tâm của mình, đừng nên để nó mất, nó mất đi cuộc đời tu hành của quý vị sẽ trở thành đen tối và âm u.

Người tu hành theo đạo Phật nhiệt tâm là hàng đầu của người xuất gia, nó sẽ giúp cho quý vị tu tập đến nơi đến chốn, quý vị nên nhớ kỹ và khắc ghi mãi trong lòng hai chữ “**NHIỆT TÂM**”. Nhiệt tâm còn là còn sự tích cực, nhiệt tâm mất là tiêu cực đến.



PHÁP MÔN DẪN TÂM

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Pháp Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý có lợi ích như thế nào? Xin Thầy giảng rõ cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Pháp Hướng Tâm có hai phần lợi ích và hiệu quả rất lớn cho những người tu tập theo đạo Phật:

1- Giúp cho trí tuệ bén nhạy nhanh chóng trước các pháp ác.

2- Giúp cho tâm tạo ra một năng lực siêu việt không thể nghĩ lường.

3- Pháp hướng tâm là phương cách dẫn thân tâm vào chỗ giải thoát, ví như: “*An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra, hoặc an tịnh tâm hành*”

*tôi biết tôi đưa tay ra, hoặc an tịnh tâm hành
tôi biết tôi đưa tay vô”.*

4- Pháp hướng tâm còn gọi là pháp huấn luyện tâm.

Như lời đức Phật đã dạy trong Kinh và đã xác quyết pháp môn dẫn tâm là một bí quyết giúp chúng ta ly tham đoạn diệt mà không có pháp nào khác hơn: ***“Ta không thấy pháp nào khác”***, có nghĩa không còn pháp nào khác hơn là pháp ***“Như Lý Tác Ý”***.

Để minh chứng lời dạy này, chúng tôi xin trích ra một vài đoạn kinh, trong kinh Tăng Chi Bộ: ***“Ta không thấy một pháp nào, này các Thầy Tỳ Kheo, đưa đến sân chưa sanh được sanh khởi và sân đã sanh được tăng trưởng rộng lớn, này các Tỳ Kheo, đó là đối ngại tướng trong tâm. Này các Thầy Tỳ Kheo, đối ngại tướng trong tâm, nếu không như lý tác ý sẽ đưa đến sân chưa sanh được sanh khởi và sân đã sanh được tăng trưởng rộng lớn”***.

Ở đây, đức Phật đã xác định có tính cách quả quyết và nhất định một cách hùng hồn chỉ có pháp Như Lý Tác Ý làm sân đoạn diệt, nếu

không có pháp Như Lý Tác Ý, thì không có pháp nào đoạn diệt được tâm sân.

Nếu muốn trừ tâm nghi, mà ta không dùng pháp Như Lý Tác Ý, thì sẽ không còn pháp nào diệt trừ tâm nghi được, nên đức Phật dạy: ***“Ta không thấy pháp nào khác, này các Thầy Tỳ Kheo, đưa đến nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi và nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng rộng lớn, này các Thầy Tỳ Kheo, nếu không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Thầy Tỳ Kheo, nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi và nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng rộng lớn”.***

Tâm tham dục cũng vậy, nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà ly tham đoạn dục; nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà thành tựu được Đạo giải thoát; nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà thành tựu Thiền định; nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà thực hiện được Tam Minh.

Bởi thấy người tu Thiền định hiện giờ mà không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì biết họ tu tà Thiền, tà định không thể có quả giải thoát được. Do thế, ta mới biết được pháp môn Như

Lý Tác Ý là một pháp môn có lợi ích rất lớn trên bước đường tu tập, nếu không có pháp môn này, con đường tu tập chỉ hoài công vô ích mà thôi.

Đối với những người muốn thực hiện lòng từ, bi, hỷ, xả mà không có pháp Như Lý Tác Ý, thì lòng từ, bi, hỷ, xả cũng không bao giờ có được, để minh chứng điều này Đức Phật đã dạy trong Kinh Tăng Chi Bộ: ***“Này các Thầy Tỳ Kheo, như từ tâm giải thoát chưa sanh không sanh khởi và từ tâm không đi đến tu tập viên mãn, này các Tỳ Kheo, không như lý tác ý. Nếu như lý tác ý, thì từ tâm chưa sanh được sanh khởi, và từ tâm sẽ được tu tập viên mãn”***.

Để minh chứng một đoạn kinh đức Phật đã dạy trong Kinh Tăng Chi Bộ trang 31: ***“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Thầy Tỳ Kheo, do pháp ấy các giác chi chưa sanh không sanh khởi, và các giác chi chưa sanh không đi đến tu tập viên mãn, này các Tỳ Kheo, như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Thầy Tỳ Kheo, các giác chi chưa sanh không được sanh khởi, và các giác chi không đi đến tu tập viên mãn”***.

Qua những lời dạy của đức Phật trên đây, quý Thầy và quý Phật tử đã thấy rõ giá trị của pháp Như Lý Tác Ý, là một pháp môn có tầm cỡ vĩ đại cho đường tu tập của quý vị. Nếu không có pháp môn này, thì không bao giờ quý vị ly tham đoạn diệt được tâm tham ưu của quý vị; nếu không có pháp môn này thì giới luật của quý vị không thể sống nghiêm chỉnh được; nếu không có pháp môn này thì Thiền định quý vị không thể nhập được và nếu không có pháp môn này thì Tam Minh chỉ là một danh từ suông, một ảo mộng thần thông của loài người.

Tóm lại, không có pháp Như Lý Tác Ý thì con đường tu tập của đạo Phật, chỉ là một giấc mộng mà thôi.



ĐẮM NHIỄM, KHÓ TIÊU, TÁN LOẠN

Hỏi: *Kính thưa Thầy, xin Thầy giảng rõ cho con hiểu: “Đắm nhiễm, khó tiêu, tâm thường sanh tán loạn” như thế nào?*

Đáp: Đắm nhiễm, khó tiêu, tán loạn là những động từ kép.

□ Đắm nhiễm: có nghĩa là dính mãi, không bỏ được, thành thói quen, nghiện ngập, nghiệp lực.

□ Khó tiêu: có nghĩa là không dứt bỏ được, không xa lìa được, không tiêu hóa được.

□ Tán loạn: có nghĩa là tâm thường khởi niệm tưởng chuyện này đến chuyện khác không dứt, gọi là vọng tưởng lăng xăng.

“Đắm nhiễm khó tiêu tâm thường sanh tán loạn” nghĩa là, tâm dính mắc thành thói quen không bỏ được nên sinh ra nghĩ ngợi lung tung chuyện này đến chuyện khác, tùy miên trong mỗi niệm tâm khởi ham thích chạy theo vật chất thế gian như: tiền tài, danh lợi, sắc đẹp, ăn, ngủ phi thời, khiến cho người tu sĩ ham mê chùa to Phật lớn, trở thành những người phóng dật, chứ không còn là người tu sĩ giải thoát. Bởi, trước khi đắm nhiễm thì phải có phóng tâm, phóng tâm mà không kịp thời xả bỏ, đoạn diệt tâm niệm ấy, thì bắt đầu tâm phóng dật, tâm phóng dật mà không đoạn dứt thì tâm đắm nhiễm.

Đức Phật dạy: ***“Đứng về phương diện nội phân, này các Tỳ Kheo, Ta không thấy một phân nào khác bất lợi như vậy, này các Thầy Tỳ Kheo, như phóng dật. Phóng dật đưa đến bất lợi lớn”*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 36).

Khởi sự bằng sự phóng tâm, nếu chúng ta thiếu sự phòng hộ và bảo vệ sáu căn thì không có người nào là không có sự phóng tâm, cho nên người mới bắt đầu tu hành là phải lấy giới luật phòng hộ sáu căn tức là phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình, nhất là pháp **“Độc Cư”** dùng để phòng hộ sáu căn không cho tiếp xúc sáu trần thì ít phóng tâm và dần dần sẽ không còn phóng tâm nữa, không còn phóng tâm nữa, thì đó là tâm đã ly dục ly ác pháp, nếu không phòng hộ sáu căn thì tâm thường phóng tâm, tâm thường phóng tâm mà không ngăn ngừa thì tâm phóng dật, tâm phóng dật mà không đoạn diệt thì tâm đắm nhiễm, tâm đã đắm nhiễm thì khó mà đoạn trừ, nếu đoạn trừ không được thì tâm sanh ra tán loạn, tâm sanh ra tán loạn là tâm bất an, tâm bất an thì tham, sân, si, mạn, nghi, đầy đủ và thất kiết sử khó dứt được,

giống như con cá đã mắc lưới, mắc câu thì chỉ còn chờ chết mà thôi.

Người tu hành mà còn đắm nhiễm, khó tiêu và tán loạn là người không thể nào sống độc cư được, họ thích nói chuyện, họ thích tranh luận, họ thích đi chơi, không bao giờ ở yên một chỗ.

Chúng ta không tu theo đạo Phật thì thôi, mà đã tu theo đạo Phật thì phải tu cho đúng pháp của Phật. Trước tiên, chúng ta phải lấy giới luật để phòng hộ giữ tâm mình, tức là chúng ta phải sống cho đúng Phạm hạnh, sống không đúng Phạm hạnh thì tâm hay khởi niệm tức là phóng tâm, nếu không có pháp ngăn giữ phóng tâm, mà lấy giới luật ngăn ngừa và phòng hộ tâm sẽ trở thành pháp môn ức chế tâm. Do đó, người tu sĩ chỉ biết có giới luật mà tu tập theo đạo Phật, thì người tu sĩ ấy chấp giới, tức là lấy giới ức chế tâm và như vậy vô tình, người tu sĩ lấy giới ức chế tâm sẽ biến dạng giới luật, từ đó lý luận thêm thắt trong giới luật, để tránh né phạm giới, do đó, kinh sách hiện giờ lệch lạc ý giới luật và ý kinh của Phật. Kinh sách Đại Thừa và Nguyên Thủy có nhiều điểm rất sai khác nhau mà các Tổ đã làm lệch lạc, cũng như các nhà sư Nam Tông

hiện giờ, họ soạn viết ra một tập sách lấy tên là **“Vấn Đề Ấm Thực Trong Phật Giáo”**. Của Jan Sanjivaputta viết, dịch ra Việt ngữ do Tỳ Kheo Thiện Minh. Theo lý luận của họ giống như con cọp lý luận ăn thịt người để nuốt cho trôi, còn lý luận theo các nhà Đại Thừa thì cũng giống như con bò lý luận để ăn cỏ cho đỡ nghẹn, do đó, khiến cho người sau tu hành phá giới, bẻ vụn giới và còn tạo thêm tội lỗi lén lút phá giới và chính như vậy là người tu sĩ chỉ còn có hình tướng tu hành, ngoài khéo che, khéo đẩy trong sự đắm nhiễm của mình. Và đã bị đắm nhiễm như vậy thì xả bỏ rất khó như đã nói ở trên.

Một tu sĩ mà phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới là tu sĩ đã sống tà mạng, không còn là một tu sĩ chân chánh, những tu sĩ này là *“những con sâu làm rầu nồi canh”*.

Bởi, những tu sĩ này đã làm cho những tu sĩ chân chánh xấu hổ.

Hiện giờ, có nhiều người muốn theo đạo Phật tìm tu giải thoát, nhưng nhìn vào giới tu sĩ phá giới, phạm giới đang đắm nhiễm vật chất thế gian, đang sống trong chùa to Phật lớn có đầy đủ tiện nghi như những người giàu sang thì họ chẳng dám bước chân vào cổng

chùa. Nếu có người đã mạnh dạn bước vào chùa thì lại càng thấy rõ ràng hơn và cuối cùng, tâm dù muốn tu hành mà chẳng biết nơi đâu để mình tìm tu giải thoát.

Nhìn chung, các tôn giáo không riêng gì Phật giáo, phần đông mọi tu sĩ đều đắm nhiễm.

Sự làm thiện của những tu sĩ này đối với những người khác, là sự cảm dỗ người khác để theo tôn giáo mình, hoặc gây ảnh hưởng chánh trị với các nhà lãnh đạo quốc gia, chứ không phải với tâm thiện thật lòng. Họ làm thiện để được sanh lên Cực Lạc, Thiên Đường, chứ không phải làm thiện vì thương người bất hạnh; họ làm thiện để dành hạnh phúc về sau cho họ; họ làm thiện để được sự khen tặng là nhà từ thiện.

Bởi, làm thiện như vậy là làm thiện đắm nhiễm. Có nhiều nhà từ thiện mà tai nạn xảy đến, họ bảo rằng chúng tôi làm thiện mà sao không được phước.

Làm thiện để cầu danh, cầu lợi; làm thiện để được tiếng khen; làm thiện để móc nối làm ăn bất lương; làm thiện như vậy thì làm sao có phước được; làm thiện đó là làm thiện đắm nhiễm.

Chúng ta là những tu sĩ Phật giáo phải cố gắng tránh sự đắm nhiễm. Một người nghiện thuốc lá, rượu, cà-phê, thuốc phiện v.v.. là những người đắm nhiễm.

Một tu sĩ Phật giáo, mà cầm một điều thuốc lá, uống một ly bia hay uống một tách cà-phê, chén trà đậm đặc là những tu sĩ đắm nhiễm. Những người tu sĩ đắm nhiễm này là những loài trùng bọ trong lòng sư tử, họ chỉ còn biết lý luận để che đậy sự đắm nhiễm của mình bằng những danh từ rất tuyệt mỹ: **“Trà Đạo, rượu nghĩa”**.

Một người bài bạc, đĩ thõa, điểm đàn là những người đắm nhiễm, những người này được xem là những người đồi trụy xấu xa của xã hội.

Vì đắm nhiễm những người này sanh ra trộm cắp, giết người, cướp của, làm cho cuộc sống của mọi người bất an, xã hội rối trật tự.

Người ta nói đến tình dục, tức là nói đến sự đắm nhiễm của nhục dục.

Một người nam và một người nữ gần nhau sanh ra tình dục, tình dục là sự đắm nhiễm rất khó bỏ cũng ví như thuốc lá, cà phê, rượu, thuốc phiện v.v..

Tình dục là một sự khổ tuyệt cùng theo sau đó, nhất là người phụ nữ phải chịu bao nhiêu nỗi cay đắng, đau khổ của tình dục, gần như suốt đời của họ. Tục ngữ có câu: *“Đàn ông đi biển có đôi, đàn bà đi biển mồ côi một mình”*.

Đúng vậy, sau khi tình dục, bao nhiêu sự khổ đau đều đổ lên đầu của người đàn bà. Người ta bảo rằng không có sự đau khổ nào bằng sự đau bụng đẻ, thế mà người ta đắm nhiễm tình dục, người ta không thể bỏ được, dù biết sự khổ như cắt da cắt thịt, gần như chết đi sống lại nhưng người ta vẫn không bỏ được tình dục, đó là sự đau khổ về thể xác, chứ không phải hạnh phúc gì cả.

Khi sanh con ra họ còn tiếp tục chịu nhiều lao khổ; phải nuôi con cho lớn khôn; phải chịu hôi, chịu thối sự bài tiết của con; phải chịu cực nhọc khi con đau ốm; phải chịu nhọc nhằn nuôi con cho nên người, và còn biết bao nhiêu sự khổ khác nữa, cho đến khi họ đi vào lòng đất.

Tình dục là khổ như vậy, nhưng khi đã đắm nhiễm nó thì hầu hết không có ai bỏ được. Nam nữ gặp nhau là ham thích liền. Biết tình

dục là khổ mà vẫn chịu đi vào chỗ khổ đó, thật là điên đảo, ngu si.

Bởi vậy, người ta ca ngợi con người là một động vật thông minh, nhưng sự thật con người không thông minh mà con người là một động vật điên đảo, vô minh, tự tạo ra cho mình biết bao nhiêu sự đau khổ để rồi phải gánh chịu sự khổ đau ấy từ kiếp này đến kiếp khác cũng chỉ vì sự đắm nhiễm. Cho nên, lời Phật dạy: **“Đắm nhiễm, khó tiêu, tán loạn”** là vậy.

Bởi thế, người tu sĩ cũng như mọi người ở đời cần phải cảnh giác, đừng để thân tâm đắm nhiễm dù bất cứ một vật chất gì, nhỏ mọn đến đâu trong thế gian này, thì chúng ta nên xem nó là một đối tượng khổ, do cảnh giác như vậy thì thân tâm mới được an lạc và hạnh phúc.



ĐỊNH SÁNG SUỐT

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con, cách thức tu Định Sáng Suốt như thế nào? Để chúng con tu hành cho đúng,*

nếu không chúng con sẽ tu sai thì vừa mất thì giờ và còn có thể đưa đến bệnh tật.

Đáp: Định Sáng Suốt gồm có hai cách tu tập:

1- Bình thường tâm không tán loạn, không thù miên, không vô ký, không lơ mờ, không nửa tỉnh nửa mê, không bần thần lười biếng, thì dùng pháp hướng khi đi kinh hành hoặc ngồi một chỗ, như lý tác ý: *“Tâm phải sáng suốt như ban ngày, tâm phải thanh thản, tâm phải vô sự”*.

2- Khi tâm bị thù miên (buồn ngủ), hôn trầm (ngủ gục), vô ký (mất tỉnh giác) hôn tịch (tỉnh tỉnh mê mê) bần thần, lười biếng. Không nên ngồi, nên đi kinh hành dùng pháp hướng tâm: *“Tâm phải tỉnh thức, sáng suốt đêm như ngày”, “Tâm phải tỉnh táo như ban ngày”, “Tâm phải sáng suốt như ánh mặt trời”*.

Định Sáng Suốt tuy trong kinh Nikaya đức Phật dạy phải dùng tưởng tâm sáng suốt như ban ngày, sáng suốt như mặt trời v.v.. nhưng theo kinh nghiệm của chúng tôi hiểu định này là một loại Thiền định thư giãn các cơ và thần kinh trong thân.

Khi dụng công tu tập nhiều thì thân tâm mỗi một, sanh ra lưỡi biếng một nhọc, u tối, trí óc không còn sáng suốt. Gặp trường hợp này, chúng ta phải tu Định Sáng Suốt.

Định Sáng Suốt tức là phương pháp thư giãn của đạo Phật, giúp chúng ta thư giãn thân tâm, khiến cho các cơ và tinh thần không còn căng thẳng, mỗi một.

Biết được công năng của định này, do đó khi mỗi thời gian tu tập một loại định nào xong, chúng ta đều dùng định này để thư giãn, nhờ đó thân tâm chúng ta liên tục tu tập không thấy mỗi một hôn trầm, thù miên; càng tu càng tỉnh thức và càng sáng suốt; càng tu càng thích thú và ưa thích ham tu hơn; càng tu càng thấy tâm hồn thanh thản, an lạc và giải thoát rõ ràng.

Nếu người tu hành theo đạo Phật mà không biết loại Định Sáng Suốt này thì dễ bị ức chế thân tâm và nếu ức chế thân tâm quá căng thì dễ sanh ra bệnh tật, hoặc bị căng mặt, căng đầu có khi rối loạn thần kinh, sanh ra điên khùng mất trí.

Tóm lại, cách thức tu Định Sáng Suốt là dùng pháp Hướng Tâm thư giãn các cơ trong thân cũng như thư giãn thần kinh, khiến cho

các cơ và thần kinh buông xuống không còn một chút xíu dụng công và ức chế nào, nên thấy cơ thể và tinh thần nhẹ nhàng thoải mái.

Khi thư giãn, chúng ta cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng an lạc, nghe rất thoải mái vô cùng.

Ở đây, quý Thầy và quý Phật tử nên dùng câu pháp hướng, ra lệnh cho các cơ và thần kinh thư giãn bằng cách hướng tâm. Khi cảm giác nghe cơ thể mệt nhọc, đầu óc căng thẳng thì chúng ta nên ngồi nghỉ, hai chân duỗi thẳng dài ra, hai tay buông thõng, thả nhẹ xuống, các cơ trong thân không được gồng, tinh thần không được suy nghĩ và tập trung nơi nào cả, chỉ để nó tự nhiên theo tự nhiên của nó. Khi cảm giác thân tâm buông thõng chúng ta mới hướng tâm: *“Toàn thân an tịnh, tôi biết tôi đang thư giãn”* hoặc *“Toàn tâm an tịnh, tôi biết tôi đang thư giãn”*.

Xong, chúng ta để thân tâm tự nhiên thư giãn và an tịnh.

Kế tiếp, chúng ta lại hướng tâm nữa: *“Các cơ trong thân thư giãn, buông xuống không được gồng phải nhẹ nhàng thanh thản, an lạc và vô sự”*.

“Đầu óc phải thư giãn, không được tập trung chỗ nào hết, phải tự nhiên, hồn nhiên với vạn pháp”.

Đó là, những cách hướng tâm để thư giãn, quý vị nên nhớ mà tu tập đừng nên biếng trễ.

Định Sáng Suốt sẽ giúp cho quý vị mau chóng tỉnh giác, để luôn luôn quý vị ở trong chánh niệm, nhờ đó, quý vị mới ly tham đoạn ác pháp. Có ly tham đoạn ác pháp thì quý vị mới nhập được Thiền định và Tam Minh.

Nếu không có Định Sáng Suốt thì quý vị tu hành sẽ rơi vào pháp ức chế tâm, và chừng đó quý vị sẽ nhập định tưởng, quý vị sẽ rơi vào tà đạo giống như các Thiền sư Đông Độ.

Định Sáng Suốt là một loại định rất quý cho quý vị trên đường tu tập giải thoát, quý vị cần phải tu tập nhiều hơn để thấy được trạng thái thanh thản, vô sự và an lạc của loại định này.



TỈNH THỨC LỢI ÍCH GÌ?

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tu tập sức tỉnh thức có ích lợi như thế nào?*

Đáp: Sức tỉnh thức có lợi ích rất lớn cho đường tu tập như:

1- Có tỉnh thức mới sáng suốt sống được chánh niệm.

2- Có tỉnh thức mới ở trong chánh niệm và chánh niệm mới hiện tiền.

3- Có tỉnh thức mới phá được hôn trầm, thù miên, vô ký, ngoan không.

4- Có tỉnh thức mới tịnh chỉ ngôn ngữ.

5- Có tỉnh thức mới thấy được nhân quả.

6- Có tỉnh thức mới ly được lòng ham muốn.

7- Có tỉnh thức mới ly các ác pháp.

8- Có tỉnh thức mới giữ tứ diệt tâm được.

9- Có tỉnh thức mới tịnh chỉ tâm tứ.

10- Có tỉnh thức mới xả được 18 loại hỷ tướng.

11- Có tỉnh thức mới xả được mộng tưởng.

12- Có tỉnh thức mới xả được âm thanh.

13- Có tỉnh thức mới tịnh chỉ được hơi thở, xả thọ và các hành.

14- Có tỉnh thức mới tu Tứ Như Ý Túc.

15- Có tỉnh thức mới hướng tâm đến Tam Minh.

Toàn bộ giáo trình của đạo Phật, quan trọng nhất, là tập luyện tâm tỉnh thức, có được tâm tỉnh thức mới đạt được Niết Bàn cứu cánh giải thoát.

Tỉnh thức như thế nào?

Người tu tập theo đạo Phật, lúc mê biết mình mê là tỉnh thức, lúc tỉnh biết mình tỉnh là tỉnh thức.

Tâm mình tham, biết tâm mình tham là tỉnh thức; tâm mình sân, biết tâm mình sân là tỉnh thức; tâm mình phiền não, biết tâm mình phiền não là tỉnh thức; tâm mình khởi niệm ác, biết tâm mình khởi niệm ác là tỉnh thức; tâm mình lo rầu, biết tâm mình lo rầu là tỉnh thức.

Đi, mình biết mình đi là tỉnh thức.

Ăn, biết mình đang ăn là tỉnh thức. Đó là bước đầu mấu chốt sự tu tập giải thoát của đạo Phật.

Tu tập tỉnh thức có nhiều phương cách khác nhau:

1- Định Niệm Hơi Thở là phương cách tỉnh thức trong hơi thở, để ly tham đoạn diệt khắc phục tham ưu.

2- Định Vô Lậu là phương cách tỉnh thức trong quán xét suy tư để xả bỏ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

3- Định Sáng Suốt là phương cách tỉnh thức để phá hôn trầm, thù miên, vô ký, ngoan không, cơ thể mệt nhọc và căng thẳng.

4- Định Chánh Niệm Tỉnh Giác là phương cách tỉnh thức trong mọi hành động, để ngăn ác diệt ác pháp.

5- Định Sơ Thiền là phương cách tỉnh thức ly dục ly ác pháp.

6- Định Diệt Tâm Giữ Tứ là phương cách tỉnh thức trong tác ý hướng tâm khắc phục tham ưu.

7- Định Diệt Tâm Diệt Tứ là phương cách tỉnh thức giữ tâm yên lặng, bất động để làm chủ sự vô thường.

8- Định Tam Thiên là phương cách tỉnh thức vượt qua mọi trạng thái tưởng.

9- Định Ly Hỷ Trú Xả là phương cách tỉnh thức trong giấc ngủ xả mộng tưởng.

10- Tịnh chỉ âm thanh là phương cách tỉnh thức giữ tâm vắng lặng.

11- Tịnh chỉ các thọ là phương cách tỉnh thức giữ tâm vắng lặng vượt qua thọ để tịnh chỉ hơi thở.

12- Tịnh chỉ hơi thở và các hành trong thân, là phương cách tỉnh thức giữ tâm vắng lặng toàn thân tâm bất động.

Những phương pháp trên đây, dùng để tu tập tỉnh thức, sống không làm khổ mình, khổ người tức là làm chủ được mình. Đức Phật đã xác định sự tu tập tỉnh thức, có lợi ích rất lớn, trên bước đường giải thoát của đạo Phật, Ngài dạy: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn, khỏi các khổ ách đưa đến chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú đưa đến chứng ngộ quả mình và giải thoát. Một pháp ấy là gì?”***

Chính là Thân Hành Niệm. Đây là một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, nếu pháp ấy được tu tập được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn, khỏi các khổ ách đưa đến chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả mình và giải thoát” (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 88, bài 2-8).

Đoạn kinh trên đây, đã xác chứng sự tỉnh thức là một sự quan trọng rất lớn trên bước đường tu theo Phật Giáo, nó giúp cho chúng ta thành tựu viên mãn giải thoát và làm chủ thân tâm, cho nên, đức Phật đã xác định chỉ có một pháp này. **“Có một pháp”** tức là không có pháp thứ hai. Do lời dạy này, chúng ta mới biết rõ kinh sách Đại Thừa là kinh sách lừa đảo dối gạt chúng ta và bảo rằng: *“Đạo Phật có tám mươi bốn ngàn pháp môn”*. Thật là xảo trá, chỉ có các Tổ Bà La Môn mới nói như vậy.

Muốn cho thân tâm được khinh an, tâm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp không còn đắm nhiễm, dính mắc thì chúng ta phải tu tập tỉnh thức.

Để làm sáng tỏ điều này đức Phật dạy:
“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi

được tu tập được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tâm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về mình phần đi đến tu tập làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm...” (Tăng Chi Bộ Kinh, Tập1 trang 89). Nếu chúng ta muốn tỉnh giác ngăn ác, diệt ác pháp, thì cũng phải tu tập tỉnh thức trong thân hành niệm. Nhờ có tu tập tỉnh thức trong thân hành niệm, thì thân tâm của chúng ta mới có thanh thản và an lạc: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập được làm cho sung mãn, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi và các ác pháp đã sanh bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 89, bài 13).

Nếu chúng ta có sức tỉnh giác, để các pháp thiện chưa sanh, được sanh khởi và các pháp thiện đã sanh, được tăng trưởng thì cũng phải tu tập tỉnh thức trong thân hành niệm, thì thân tâm của chúng ta mới có thanh thản, an lạc và giải thoát: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập được làm cho sung mãn, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, các pháp thiện đã sanh***

được đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”.

Nếu chúng ta muốn có minh sanh khởi, và vô minh được diệt trừ, ngã mạn được đoạn tận cùng các tùy miên được nhổ sạch và các kiết sử bị đoạn tận, thì phải tu tập tỉnh thức nơi thân hành của chính mình như đức Phật đã dạy: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập được làm cho sung mãn, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi, ngã mạn được đoạn tận, các tùy miên được nhổ sạch, các kiết sử bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm...”*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 90, bài 16-21).

Nếu chúng ta muốn chứng quả Dự Lưu, chứng quả Nhất Lai, chứng quả Bất Lai và chứng quả A La Hán, thì không có một pháp nào khác hơn, là pháp tỉnh thức nơi thân hành niệm của chính chúng ta, nó sẽ giúp chúng ta đạt được như ý nguyện. Phật dạy: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo được tu tập được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự Lưu, đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả***

Bất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả A La Hán. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm...”.

Bởi sự tu tỉnh thức trong thân hành niệm quan trọng như vậy, đối với đạo Phật nó là một pháp tu tập duy nhất đạt đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, không còn có một pháp thứ hai nào nữa. Thế mà, kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy chúng ta tu mọi pháp, nào là Niệm Phật cầu vãng sanh, nào là tụng kinh, trì chú, cúng bái, tế lễ, sám hối lạy hồng danh chư Phật, chư Bồ Tát, hoặc ngồi thiền ức chế tâm bằng những pháp môn Chấn Trâu, Tham Thoại Đầu, Tham Công Ấn v.v.. Nhưng cuối cùng, chẳng có ai thành tựu viên mãn chỉ đem lại một hy vọng ảo huyền.

Đức Phật cũng đã xác định, nếu ai không tu tỉnh thức thân hành niệm, thì chẳng bao giờ làm chủ sanh, già, bệnh, chết: ***“Những vị này, không hưởng được bất tử, này các Tỳ Kheo, là những vị không thực hiện Thân Hành Niệm. Những vị hưởng được bất tử, này các Thầy Tỳ Kheo, là những vị thực hiện Thân Hành Niệm”*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 91, bài số 47-48).

Xem thế, chúng ta mới biết tỉnh thức lợi ích biết là đường nào, cho sự tu tập giải thoát con đường của đạo Phật.

Bởi nó là pháp môn quan trọng hàng đầu của đạo Phật, nếu không có pháp môn này thì pháp Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý cũng không có kết quả trong sự tu tập.



TÂM BẤT AN

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi làm xong việc, con vào cốc tu tập, tâm con cũng chưa được an?*

Đáp: Khi vào cốc tu tập, tâm chưa được an, tức là xả tâm chưa được sạch. Nếu tâm xả chưa được sạch thì không nên tu Định Niệm Hơi Thở, mà phải tu Định Vô Lậu, quán triệt cho thông suốt lý chân thật của các pháp.

Ở đây, con làm xong việc, rồi mới vào thất tu, như vậy làm việc và tu là hai việc khác nhau, do hiểu như vậy và tu như vậy nên tâm con bất an là phải.

Thầy thường dạy: **“Tu là sống, sống là tu”** nghĩa là tu tập trong mỗi hành động, việc làm chứ không phải đợi vào cốc ngồi tu, thế mới là tu. Con không nhớ lời đức Phật dạy sao? Phải tu ngay trong thân hành niệm con ạ! Lúc nào thân có động dụng thì phải tu ngay trong hành động ấy, đó là tu tỉnh thức chánh niệm.

Ở đời, người ta thường hiểu tu là vào chùa cạo đầu, mặc áo tu sĩ là tu, hiểu như vậy là sai hoặc người ta thấy ai gõ mõ tụng kinh, niệm chú, lẩn chuỗi niệm Phật, ngồi Thiền họ cho đó là tu thì còn sai hơn nữa; đó là những hình thức của tôn giáo, chứ đâu phải tu hành là vậy.

Tu ở đây theo đạo Phật, có nghĩa là sửa đổi những thói hư tật xấu; sửa đổi những hành động ác, không làm ác nữa tức là không làm khổ mình, khổ người, không làm khổ mình, khổ người tức là tu, nhưng không muốn làm khổ mình, khổ người thì phải tu tập tỉnh thức trong mỗi hành động việc làm mà đức Phật gọi là **“thân hành niệm”**.

Tâm bất an tức là tâm vẫn còn trong chướng ngại pháp, tâm chưa xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp; tâm chưa xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp mà vào thất ngồi tu, đó là cách thức ức chế tâm, nén tâm. Tu như

vậy làm sao có giải thoát được con phải tu trở lại cho đúng pháp.

Muốn tu cho tâm được an, thì phải theo lời đức Phật đã dạy: ***“Tĩnh thức trong thân hành niệm ngoại”***, tức là đi, đứng, nằm, ngồi, làm tất cả mọi việc đều phải tĩnh thức trong mọi hành động, việc làm của mình. Tĩnh thức trong hành động ngoại để làm gì? Để khắc phục tham ưu tức là lìa các chướng ngại pháp trong tâm. Lìa chướng ngại pháp trong tâm thì tâm được an ổn. Muốn được như vậy, thì tâm luôn luôn phải tĩnh thức trên thân hành, và luôn luôn phải tác ý ly tham, đoạn ác pháp.

Cho nên, tu trong thân hành niệm tức là lấy hành động của thân để tĩnh thức mà xả các niệm ác, xả các chướng ngại pháp để tâm không còn bất an.

Tâm con bất an thì Tổ Sư Thiền Đông Độ sẽ bảo: ***“Lấy tâm ra đây ta an cho”*** thì tâm con sẽ an liền, như Huệ Khả đã được Bồ Đề Đạt Ma an tâm cho, đó là một lối nói để người nghe dùng tưởng mà nhận ra tâm đã an, nhưng kỳ thật, không bao giờ có tâm an. Bởi vì, tâm đã huân thành nghiệp bất an lâu đời, nên hở ra một pháp nào va chạm vào tâm là tâm chướng ngại bất an liền, cho nên cần phải

siêng năng tu tập xả tâm, chứ không phải nhìn lại chỗ bất an mà tâm an.

Ví dụ: khi chúng ta bị nhức đầu, tâm chúng ta bất an, bấy giờ chúng ta tìm chỗ tâm bất an, thì tâm chúng ta có hết bất an không? Khi mà đầu chúng ta còn đau nhức.

Bởi người ta hiểu tâm và nghiệp là hai, nhưng kỳ thực tâm và nghiệp là một, nghiệp là tâm, tâm là nghiệp. Các nhà học giả hiểu tâm và nghiệp là hai nên bảo rằng: **“Nghiệp dẫn tâm đi tái sanh luân hồi”**. Không có dẫn tâm đi luân hồi, mà nghiệp luân hồi, tức là nghiệp tạo duyên. Nghiệp tạo duyên vô minh.

Ví dụ: Như một người nam và một người nữ do đắm nhiễm tình dục, nên tạo thành nghiệp ái dục, nghiệp ái dục tức là sự ưa thích tình dục cho nên họ hành động gần gũi nhau để rồi tạo ra thức.

Họ không biết tình dục sau đó, là một sự khổ đau, sự khổ đau tức là ác pháp. Họ không biết ác pháp khổ đau nên họ lấy nhau, đó là vô minh của nghiệp ái dục tạo nên duyên hành “lấy nhau”. Do hành động lấy nhau, tạo duyên thức, thức này là thức nghiệp ái dục. Nên loài động vật sinh ra, không ai dạy dâm dục cho

nó, nhưng con vật nào cũng dâm dục, con người cũng vậy. Dâm dục tức là nghiệp. Cho nên, người tu hành mà không đoạn dâm dục thì chẳng bao giờ có giải thoát.

Vì thế, tâm là nghiệp, nghiệp là tâm, nó không phải là hai. Nên đức Phật dạy: ***“lìa nghiệp ác, đoạn diệt nghiệp ác vì nghiệp ác tạo ra muôn thứ khổ đau, còn nghiệp thiện, không làm khổ mình, khổ người thì nên giữ và tăng trưởng nó”***.

Ví dụ: Chúng ta tu pháp Như Lý Tác Ý như câu: ***“Tâm như cục đất”*** tức là tạo nghiệp thiện, mà nghiệp thiện đã có thì nghiệp ác không có. Nghiệp ác không có thì không có sự khổ đau tức là giải thoát (Niết Bàn).

Con người khổ vì nghiệp ác, nghiệp ác là những hành động ác đã lập đi lập lại nhiều lần và đã đằm nhiễm hay nói cách khác là đã thành thói quen khó bỏ, các nhà Đại Thừa gọi là “tập khí”.

Khi tu tập tâm bất an, là tu sai không đúng pháp. Pháp của đức Phật dạy, là pháp ngăn ác diệt ác pháp, cho nên tâm lúc nào cũng được an ổn, vì tâm không an ổn là tại không biết sử dụng pháp đúng cách.

Do chỗ đẩy lùi các ác pháp trong tâm nên đức Phật dạy: ***“Pháp Ta tu là có kết quả ngay liền không có thời gian, có khả năng hướng thượng”***. Kết quả ngay liền là tâm không còn bất an.

Tâm còn bất an là còn không xả tâm, muốn xả tâm thì tu tập phải có đối tượng. Nhờ có đối tượng mà biết tâm xả hay chưa xả.

Người tu hành theo đạo Phật, mà tránh né đối tượng, thì tu chẳng bao giờ có giải thoát. Cho nên, muốn tu tập giải thoát thì ngay nơi ác pháp ngăn và diệt, ngăn và diệt là dùng pháp như lý tác ý, nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

Giải thoát của đạo Phật không phải chỗ có thần thông phép tắc, chỗ thấy Tánh, chỗ ngồi Thiền năm, bảy ngày, một đôi tháng mà chỗ đẩy lui chương ngại pháp trong thân và tâm.

Hằng ngày, từng phút, từng giây siêng năng chuyên cần đẩy lui các chương ngại pháp thì làm sao tâm con bất an được. Tâm không còn bất an tức là giải thoát của đạo Phật hay gọi là tâm bất động.



HƠI THỞ NGỪNG CÁC HÀNH TRONG THÂN CÓ NGỪNG KHÔNG?

Hỏi: *Kính thưa Thầy, khi hơi thở ngừng các hành ngừng theo liền hay là phải đợi một thời gian lâu các hành mới ngừng?*

Đáp: Các hành nội thân ngừng thì hơi thở ngừng, nhưng ở đây phải hiểu, hơi thở nhẹ và mất dần cho đến khi không thấy hơi thở nữa gọi là tịnh chỉ hơi thở, do đó các hành trong thân còn hoạt động nhẹ nhàng chưa dứt hẳn, nhất là ý căn, ý căn tức là bộ não của chúng ta.

Hơi thở tịnh chỉ tức là thân hành tịnh chỉ, thân hành tịnh chỉ tức là nhập Tứ Thiền. Nhập Tứ Thiền cơ thể chưa ngừng hoạt động hoàn toàn, chỉ có nhập Diệt Thọ Tướng Định hay là Diệt Tận Định thì cơ thể hoàn toàn mới ngừng hoạt động chỉ còn lại từ trường của Diệt Tận Định để bảo vệ thân không bị hoại diệt.

Ở đây, giai đoạn tu hành của con chưa đến tịnh chỉ hơi thở, con hỏi về hơi thở ngừng để tìm hiểu chứ kỳ thực không thể tu hành được. Khi tâm chưa xả ly ngũ triền cái và thất

kiết sử mà tu tịnh chỉ hơi thở là tự giết mình, bằng chứng con không thấy Minh Tông sao? Tu hành không xả tâm, chỉ ức chế tâm để rồi tịnh chỉ hơi thở, do đó đứt mao phế quản, khạc ra máu gây tổn thương cho phổi.

Tu hành Minh Tông bỏ vợ con không được, thường gặp vợ con và bạn bè để nói chuyện đó là ái kiết sử làm sao đoạn diệt được. Không đoạn dứt ái kiết sử mà muốn tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên, là điên đảo tưởng, điên đảo tâm mà tâm điên đảo thì làm sao tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên được.

Khi tịnh chỉ hơi thở không được thì Minh Tông nói với mọi Phật tử: *“Đức Phật không có dạy tịnh chỉ hơi thở, chỉ có Thầy bịa ra mà thôi”*. Khi biết được tâm niệm của Minh Tông như vậy, Thầy trao cho bộ Kinh Nguyên Thủy để đọc và nghiên cứu để thấy lời Phật dạy rõ ràng như thế này: **“Có ba hành:**

1- Khẩu hành

2- Thân hành

3- Ý hành

Tịnh chỉ khẩu hành nhập Nhị Thiên; tịnh chỉ thân hành nhập Tứ Thiên; tịnh chỉ Ý hành là nhập Diệt Tận Định.

- ***Khẩu hành là tâm tứ,***
- ***Thân hành là hơi thở,***
- ***Ý hành là tưởng và thọ”.***

Đó là kinh sách Nguyên Thủy, Phật dạy rất rõ ràng như vậy, khi nào có dịp nhắc đến Tứ Thiền, Thầy sẽ trích những bài kinh đó ra để Phật tử nghiên cứu và đặt trọn niềm tin hơn.

Xưa Tổ Khương Tăng Hội đã có nghiên cứu đến Tứ Thiền, Tổ thấy Phật dạy tịnh chỉ hơi thở, Tổ cũng nghĩ như Minh Tông hơi thở không thể tịnh chỉ được, nên Tổ tưởng ra hơi thở tịnh chỉ là ngưng sổ tức, còn Minh Tông không tưởng ra được như vậy và nghiên cứu Kinh sách Phật không kỹ nên cho rằng Thầy bịa ra.

Một vị đã nhận ra lời Phật dạy thì tưởng ra ngưng đếm hơi thở là nhập Tứ Thiền.

Còn một vị không nhận ra lời Phật dạy cho Thầy bịa đặt ra “Tịnh chỉ hơi thở”.

Đây là một bài kệ đức Phật dạy về Thiền Thứ Tư tịnh chỉ hơi thở:

“Không thở ra thở vào

Tâm trú vào chánh định

Không tham ái tịch tịnh

Với tâm an bất động

Như đèn sáng chọi tắt

Tâm giải thoát Niết Bàn

Khi người ta tu không được, tịnh chỉ hơi thở không xong, thì họ lại bảo Thầy đặt ra pháp tịnh chỉ hơi thở, nhưng không ngờ Thiền Thứ Tư tịnh chỉ hơi thở thật và đức Phật đã dạy rõ ràng.

Ở đây, để xác định lại Thiền Thứ Tư, trong Kinh Nguyên Thủy có nhiều bài Kinh nói về tịnh chỉ hơi thở mà đức Phật đã dạy chứ không phải Thầy bịa ra như các Tổ Đại Thừa và Thiền Đông Độ đã bịa ra nhiều pháp làm sai lệch ý Kinh và ý Phật.

Cho nên, những gì Thầy dạy là của Phật dạy, người ta bác Thầy tức là người ta bác Phật Thích Ca, đó là trường hợp của Minh Tông.

Có một nhà học giả bảo rằng bốn Thiền của Phật là Thiền của ngoại đạo, tu không giải thoát, đó là lời nói bài bác giáo pháp của đức Phật Thích Ca giống như lời của các Tổ Sư Đại Thừa.

Lời nói của Minh Tông và các vị học giả xưa và nay đã vô minh tu hành chưa đến đâu vội xác nhận một cách sai lệch làm cho người sau mờ mịt đối với Bốn loại Thánh Định của đạo Phật.

Thiền định ngưng hơi thở đâu phải là Thiền dành cho những kẻ phàm phu, tâm còn đầy dẫy uế trước, bất tịnh, tham ưu v.v..

Thiền định ngưng hơi thở là Thiền định dành cho những bậc giới đức thanh tịnh, tâm hoàn toàn ly dục ly ác pháp, thì mới tịnh chỉ hơi thở.

Một loại Thiền định dành cho những bậc Thánh, không thể dành cho những bậc phàm phu còn ăn uống phi thời, còn phạm giới, bẻ vụn giới, còn có chùa to tháp lớn, sống trong cảnh giàu sang như cung vàng điện ngọc thì làm sao nhập được những loại định này.

Một loại Thiền không thể dành cho những người còn ái kiết sử trói buộc, ngồi trong thất tu mà nhớ vợ, nhớ con, nhớ tiền tài vật chất, nhớ xe hơi nhà lầu v.v.. thì làm sao nhập được loại Thiền này.

Trong tu viện có một vị cư sĩ muốn nhập loại Thiền này mà vợ con không bỏ, nên cố nín

thở để tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên khiến cho phổi bị tổn thương sanh ra bệnh, đây là một kinh nghiệm rất lớn để cảnh giác cho những ai muốn tu về Tứ Thánh Định.

Chúng tôi cũng được nghe ở Qui Nhơn có một bác sĩ nghe tịnh chỉ hơi thở, ông ta không biết tu tập như thế nào mà đã chết luôn. Đây là những điều cảnh giác cho người ham tu mà tự tu là rất nguy hiểm, tu là phải có người hướng dẫn, Minh Tông không nghe lời dạy của Thầy, không chịu sống độc cư và không xa lìa bạn bè vợ con để xả tâm, bảo rằng Phật không có dạy độc cư nên còn xin Thầy cho phép tiếp bạn bè và vợ con nếu họ đến thăm. Và còn hứa hẹn với Thầy là sẽ thực hiện tu hành chứng đạo có thần thông cho Thầy xem.

Thầy chỉ cười và bảo: *“Nếu được vậy, Thầy sẽ tuyên bố với Phật tử là con đã tìm được một con đường khác hơn con đường của Thầy và đã chứng đạo”*. Sau đó, không đầy một tháng Minh Tông đã khạc ra máu đông, đông... và đi trị bệnh. Tu là phải nhờ thiện hữu đi trước hướng dẫn chứ đừng tự mình tu là chết, đó là những hình ảnh cảnh giác cho chúng ta sau này. Minh Tông trình độ học thức trên đại học, nên cho mình là người có học,

thông minh, hiểu biết, tự đọc kinh sách mà tu, cãi lời Thầy mới ra nông nổi như vậy. Bởi vậy, những kiến giải của những nhà học giả là một sự nguy hiểm cho người thực hành tu tập.

Vì thế, mới biết loại Thiên này là loại Thánh Định như đức Phật đã gọi **“Tứ Thánh Định”**.

Tâm còn phàm phu mà muốn nhập Thánh Định thì nhập làm sao được?

Tam Minh là Thánh Tuệ của đức Phật thì người phàm phu làm sao mà có Thánh Tuệ đó được. Cho nên, nói đến bốn Thiên và Tam Minh thì hiện giờ chưa có ai thực hiện được.

Tại sao vậy?

Tại vì, mọi người tâm còn phàm phu. Trước khi muốn nhập bốn Thiên và Tam Minh thì phải tu tập tâm Thánh, tức là tâm phải ly dục ly ác pháp, còn nếu chưa ly dục ly ác pháp thì đừng mong nhập bốn Thiên và Tam Minh.

Bởi, ngưng hơi thở là các hành trong thân lần lượt sẽ ngưng nghỉ, ngưng nghỉ mà thân không hoại diệt như vậy mới gọi là Thiên Định Thánh. Các hành trong thân ngưng nghỉ mà thân hoại diệt thì không phải nhập định mà là một thân người chết.

Chừng nào, các con đã xả tâm ly dục ly ác pháp, tâm thanh tịnh hoàn toàn, nghĩa là tâm không phóng dật, tâm thường quay vào định trên thân lúc bấy giờ Thầy sẽ chỉ cho các con tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiền. Còn bây giờ, các con nên cố gắng phải xả ly tâm **“*như cục đất*”**. Đừng hỏi lung tung về hơi thở mà mất thì giờ vô ích.



LÚC NÀO HƠI THỞ TỊNH CHỈ?

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Chỉ khi nào con buông xả sạch và không còn dính mắc, tâm con đã thanh tịnh, lúc bấy giờ hơi thở mới tịnh chỉ phải không thưa Thầy?*

Đáp: Đúng vậy, chỉ khi nào tâm con buông xả sạch và không còn phóng tâm theo các pháp, lúc bấy giờ hơi thở mới thật sự tịnh chỉ, không còn bị tướng thức che ngăn.

Hơi thở tịnh chỉ không phải khó, khó là ở chỗ tâm thanh tịnh, cho nên sự tu tập của đạo Phật là chỗ có giới luật, chỗ có giới luật là chỗ rất khó giữ. Vì thế, hiện giờ tu sĩ Phật giáo

đều rơi rớt ở giới luật, mọi tu sĩ hầu hết đều phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới v.v..

Giới luật giúp tâm chúng ta thanh tịnh tức là giới luật giúp chúng ta ly dục ly ác pháp.

Con người sanh ra ở chỗ dục nên sống trong dục, làm việc gì cũng dục mà ở đâu có dục là ở đó có ác pháp, ở đâu có ác pháp là ở đó có đau khổ.

Mục đích của đạo Phật không phải nhắm vào chỗ hơi thở tịnh chỉ mà nhắm vào chỗ tâm bất động, chỗ tâm bất động là chỗ ly dục ly ác pháp, chỗ ly dục ly ác pháp là chỗ giới luật của đức Phật; chỗ giới luật không phải là giới cấm mà là chỗ đức hạnh làm Người, không làm khổ mình, khổ người và chỗ đức hạnh làm Thánh Nhân, sống một đời sống không còn ràng buộc thất kiết sử và không bị ngăn che bởi ngũ triền cái.

Chỗ tâm bất động này, là chỗ để quý vị tịnh chỉ các hành trong thân, nếu tâm quý vị chưa bất động thì dù quý vị có muốn tịnh chỉ tâm tứ còn không được hay hướng là quý vị tịnh chỉ hơi thở.

Bởi vì, quý vị chưa tịnh chỉ lòng ham muốn và chướng ngại pháp trong tâm thì làm

sao quý vị tịnh chỉ được hơi thở, đó là một sự việc rất rõ ràng, nếu quý vị không lo tịnh chỉ các chương ngại pháp trong tâm, mà lo tịnh chỉ hơi thở thì đó là một việc làm hoài công vô ích.

Tịnh chỉ dục và ác pháp rất dễ, chỉ cần có nhiệt tâm, nhiệt huyết là quý vị tịnh chỉ ngay liền.

Như quý vị đã biết lòng ham muốn và ác pháp là những sự việc sẽ đem đến cho quý vị khổ đau. Khổ đau là quý vị không bao giờ ưa thích và khi gặp nó quý vị sợ hãi và chán chường. Thế biết như vậy, cứ sao quý vị không nhiệt tâm dứt bỏ nó. Quý vị ăn cơm để sống, chớ đâu phải hút thuốc lá, uống rượu, cà phê, thuốc phiện mà quý vị sống. Tại sao quý vị không tịnh chỉ được nó, để thọ chịu sự khổ vì nó.

Mục đích của đạo Phật, là ở chỗ tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, chứ không phải ở chỗ tịnh chỉ hơi thở hay thần thông phép tắc, biến hóa tàng hình, kêu mây gọi gió v.v..

Vì những thần thông phép tắc ngoại đạo đều tu tập có được, cũng như tịnh chỉ hơi thở như quý vị đều biết, có những tu sĩ Yoga họ

tịnh chỉ được hơi thở, nhưng không tịnh chỉ được lòng ham muốn và ác pháp, mặc dù đem chôn họ trong đất, chìm trong nước họ đều không chết, nhưng tâm họ vẫn còn động trong danh lợi.

Tại sao chúng ta biết được? Tại vì, họ đã biểu diễn những thần thông đó, cho mọi người xem, khiến cho con người trên thế giới mê mết vì những thần thông, do đó nên chúng ta biết tâm họ lòng tham và ác pháp còn.

Đạo Phật vốn ra đời là giúp cho con người thoát khổ, chứ không phải ra đời để biểu diễn những trò ảo thuật huyền hóa để lừa đảo những người khác.

Cho nên, sự tịnh chỉ lòng ham muốn và các ác pháp rất cần thiết để cho con người sống không làm khổ mình, khổ người, mà đã không làm khổ mình, khổ người thì không phải là tâm bất động sao? Thì không phải là sự lợi ích lớn cho cá nhân và xã hội sao? Còn thần thông có lợi ích gì, chỉ là một trò ảo thuật mua vui giải trí cho thiên hạ mà thôi. Người mới bắt đầu tu theo đạo Phật là phải tịnh chỉ thói hư tật xấu, không còn nữa. Chúng ta tiến lên một bước nữa là tịnh chỉ lòng ham muốn và các ác pháp.

Ví dụ: Ngày chúng ta ăn ba bữa, bây giờ chúng ta tu theo Phật giáo chúng ta tịnh chỉ hai bữa còn chỉ ăn có một bữa. Và sự tịnh chỉ như vậy chúng ta có làm được không?

Chắc chắn việc làm này ai cũng tịnh chỉ được.

Ví dụ, chúng ta nghiện thuốc lá, chúng ta tịnh chỉ không hút thuốc lá nữa có được không?

Chắc chắn, việc làm này ai cũng làm được trừ ra chúng ta không muốn tịnh chỉ hút thuốc lá thì chúng ta phải nghiện mà thôi.

Bởi thế, trong sự tịnh chỉ không phải khó khăn trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Bởi vì, chúng ta biết lòng ham muốn và các ác pháp là đau khổ, nên chúng ta có quyết tâm tịnh chỉ là chúng ta sẽ làm được ngay liền, chứ không phải chờ đợi một vài kiếp như kinh sách Đại Thừa dạy: *“Tu hành phải vô lượng kiếp”*.

Cũng như người nghiện rượu, biết rượu sẽ đem đến cho chúng ta nhiều sự đau khổ, do đó chỉ cần có sự quyết tâm là chúng ta tịnh chỉ không uống rượu nữa, chỉ có những người không biết rượu đem đến cho họ đau khổ, hoặc

có những người biết rượu sẽ đem đến tai hại cho họ, nhưng họ là những người không biết dừng, là những người chai lỳ chấp nhận, chịu đựng sự đau khổ, họ là những người không có ý chí thoát khổ, họ là những tên nô lệ cho dục vọng chịu mọi sự đau khổ, họ là những kẻ nô lệ cho rượu, cho thuốc lá, cho cà-phê, cho thuốc phiện v.v.. Họ là những kẻ ngu si, u tối suốt đời sống trong đêm tối của dục vọng, họ chỉ làm nô lệ cho vật chất, cho những thứ thuốc độc.

Bởi vậy, kẻ nào không tịnh chỉ lòng ham muốn, không ngăn và diệt các ác pháp, đó là những kẻ nô lệ cho ác pháp và lòng ham muốn của họ.

Vì lòng ham muốn và các ác pháp thường sai bảo, khiến cho đời sống của họ khổ sở, điêu đứng, có khi gần như chết, nhưng họ là những con trâu bị xỏ mũi bởi dục vọng nên không dám chống lại, chỉ an phận làm tôi tớ nô lệ cho nó. Vì thế, cuộc đời của họ phải chịu mọi sự khổ đau từ kiếp này sang kiếp khác.

Đạo Phật dạy chúng ta chiến đấu lại lòng ham muốn của mình, và ngăn diệt các ác pháp để chúng ta giải thoát khỏi kiếp đời nô lệ tội đời, chứ đâu phải dạy chúng ta những thần

thông phép tắc, những trò ảo thuật để lừa đảo người khác.

Vì thần thông là những trò lừa đảo này đã có từ xưa, mà các tôn giáo khác đã từng dạy thiên hạ để lừa đảo mọi người, chứ nó có lợi ích gì đâu, cho kiếp sống của loài người.

Cũng như ngòi Thiền tịnh chỉ hơi thở có ích lợi gì thiết thực cho cuộc sống chúng ta đâu, nó chỉ là một trò khiến cho người khác kính nể chơi chữ có nghĩa lý gì cho đời sống.

Cũng như các đạo sĩ Yoga đã biểu diễn thần thông làm cho người Tây phương mê mết, nhưng sự thật nó có ích gì đâu cho kiếp sống làm người của họ của người khác. Họ phải bỏ ra cả cuộc đời tu tập quá vất vả và khổ sở, cuối cùng chỉ là một trò giải trí cho người khác như một trò xiếc mà thôi (dìm trong nước, chôn trong đất mà không chết)

Vì thế, khi đức Phật còn sống Ngài không có chấp nhận thần thông. Ngài dạy: ***“Mục đích đạo Phật không phải ở chỗ Giới luật, Thiền định, Tam minh mà ở chỗ bất động tâm trước các pháp và các cảm thọ”***.

Cho nên, tịnh chỉ hơi thở là vấn đề phụ, chúng ta đừng nên quan tâm nó, mà hãy quan

tâm đến tịnh chỉ lòng ham muốn và các ác pháp tức là ly dục ly ác pháp.

Vậy, con không nên quan tâm điều này mà lo tu tập xả tâm, diệt ngã ly dục ly ác pháp để cứu mình ra khỏi nghiệp nhân quả thiện ác, đó mới chính là con đường tu theo đạo Phật và chính là con đường giải thoát của con.



THIẾU NGHỊ LỰC, NHIỆT TÂM VÀ ÁM THỊ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tại sao con buông xả quá chậm, nay được mai mất, con chưa làm chủ được gì? Con không biết tìm biện pháp nào mạnh hơn? Dùng Định Vô Lậu, tu pháp Hướng Tâm sao chưa được thấy kết quả hay con đã quán xét, tư duy chưa thấu triệt, tu tập pháp hướng chưa đúng mức?*

Đáp: Đúng vậy, tất cả sự tu tập của con chưa chuyên nhất.

1- Dùng pháp Hướng Tâm còn yếu, chưa nhạy bén.

2- Định Vô Lậu quán triệt chưa thông suốt lý các pháp, lý nhân quả.

3- Mức tỉnh thức chưa đủ sức.

4- Chánh niệm còn kém (thiện pháp).

5- Nghị lực và nhiệt tâm còn yếu kém, chưa vững mạnh.

6- Chưa quán triệt thấu suốt kiếp sống của con người: *“khổ như thật – thật khổ”*.

7- Không có sự quyết định dứt khoát mạnh mẽ.

8- Không có sự tích cực trong sự dứt khoát xả bỏ thói quen.

Nói xả bỏ hay nói ly dục ly ác pháp là nói chứ chưa phải xả, đến khi xả là chúng ta mới thấy khó vô cùng.

Buông xả là một danh từ suông, thật sự xả bỏ một điều gì không đơn giản như chúng ta nói, nếu một người không quyết tử thì khó mà xả bỏ được.

Ví dụ, như ăn ngày một bữa để xả bỏ hai bữa ăn kia, nếu một người không quyết tử thì cũng khó mà ăn một bữa được, đó là cái ăn nó dễ dàng như vậy mà nó còn khó xả huống là xả dục và các ác pháp.

Ví dụ, như một người ăn thịt cá quen, bây giờ bắt đầu ăn chay, nếu không quyết tử thì việc ăn chay cũng không dễ dàng.

Ví dụ, như một người nghiện thuốc lá nếu anh ta không quyết tử thì cũng không bao giờ bỏ được thuốc lá. Đó là những sự buông xả tâm thường mà còn phải quyết tử hướng là con quyết bỏ tâm tham, sân, si thì đâu phải là một việc dễ làm. Mỗi lần vấp ngã là mỗi lần đứng lên, dũng mãnh hơn, liều chết, cắn chặt răng, đưa lưỡi lên nóc họng quyết tử với tâm tham, sân, si của mình thì mới mong chiến thắng nó được. Đức Phật dạy: ***“Thắng trăm trận không bằng thắng mình, thắng mình mới là chiến công oanh liệt”***. Có nghĩa lời xác định này, xả tâm rất khó, khó vô cùng, khó chứ không phải dễ, nếu không xem mình là một tử thi, thì không thể nào xả bỏ được tham, sân, si. Nhất là tâm si, trạng thái tâm si là hôn trầm, thù miên, hôn tịch, vô ký, ngoan không, khi các hiện tượng này xảy ra nếu không có một nghị lực kiên cường, một ý chí dũng mãnh thì không bao giờ thắng chúng được. Hầu hết, các tu sĩ về đây tu tập, đều đầu hàng giấc si này, mọi người đều cuốn cờ rút chạy dài, đầu hàng vô điều kiện.

Người ta đọc câu Kinh Pháp Cú ai cũng thấy kinh này quá hay, nhưng cái hay của nó ở danh từ chứ việc làm của nó thì gần hết như con người trên hành tinh này, mấy ai là người đã làm được.

Con hãy quán xét thử khắp trong thế gian này, người ta có thể tu tập có thần thông, có sự linh thiêng huyền diệu, mầu nhiệm, có sự đình chỉ hơi thở thật sự, nhưng ít ai hoặc không có người đình chỉ tâm tham, sân, si.

Đình chỉ lòng tham, sân, si tức là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là một đạo đức tuyệt vời của con người. Đạo đức không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai.

Thế mà, một việc làm có lợi ích lớn như vậy, tại sao người ta không làm được?

Người ta nói tu, nhưng người ta không hiểu tu là làm gì? Phần đông người ta hiểu tu là tụng kinh, trì chú, ngồi Thiền, niệm Phật hoặc làm những việc lành từ thiện, bố thí cúng dường hoặc luyện bùa, niệm chú hoặc tập luyện Yoga hơi thở bằng cách này hoặc bằng cách khác để có thần thông, những việc làm như vậy họ gọi là tu.

Đối với đạo Phật sự tu không phải như vậy, mà là một cuộc sống, một hành động sống không làm khổ mình, khổ người.

Chúng ta sống như thế nào mà không làm khổ mình, khổ người, thì đó là một sự tu của đạo Phật. Sự tu ấy trong đạo Phật gọi là tịnh chỉ lòng tham, sân, si; còn gọi là xả bỏ ly tham đoạn diệt ác pháp.

Muốn đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp đang làm cho đời sống của chúng ta đau khổ, nay chuyện này mai xảy ra chuyện khác thì phải có đầy đủ nghị lực và nhiệt tâm.

Nếu chúng ta biết đời là khổ mà không quyết tâm buông bỏ những sự đau khổ đó. Cũng như người ăn trộm cắp, biết trộm cắp là sẽ bị tù tội và sẽ bị người ta bắt được đánh đập mình và có khi còn giết mình, thế mà người ăn trộm cắp không bỏ được, không ly được thì quý vị nghĩ sao?

Biết ác pháp và lòng ham muốn là khổ, mà không chịu bỏ thì có ai bỏ được mình được không?

Ví dụ: Biết nói chuyện là tâm không ly dục ly ác pháp, tâm không bao giờ hết phóng dật, thế mà không bỏ được sự nói chuyện thì

có ly dục ly ác pháp được không? Nếu không ly dục ly ác pháp thì làm sao hết tham, sân, si. Vậy mà, ngay bây giờ không chịu bỏ nói chuyện, thì tu làm gì, cho mất công và cũng chẳng có ích lợi gì.

Cho nên, tu là buông xả chứ không phải ngồi Thiền, niệm Phật, tụng kinh mà buông xả được. Chúng ta thử xem lại thời gian đã qua, các bậc Thầy Tổ của chúng ta từ xưa đến giờ, họ đã từng tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi Thiền, mà có người nào xả bỏ tham, sân, si được chưa? Ngoài hình thức bề vệ trong chiếc áo cà sa, Thầy Tổ của chúng ta vẫn còn tham danh đắm lợi. Không tham danh đắm lợi sao họ lại xây cất chùa to Phật lớn như vậy? Không tham danh đắm lợi sao họ lại ăn uống phi thời, sống một đời vật chất quá đầy đủ như một nhà giàu có.

Phật dạy: ***“Ba y, một bát, sống không nhà cửa, không gia đình”***. Thế mà, Thầy Tổ có sống được như vậy không?

Thưa các bậc tôn túc Tăng và Ni cũng như quý vị cư sĩ hãy thành thật với mình, với những tín đồ Phật Giáo, có phải chúng ta đã ly tham ly ác pháp? Có phải chúng ta sống đúng Phạm hạnh của những bậc Thánh Tăng,

Thánh Ni hay cuộc sống của chúng ta không khác gì với những người phàm phu, cũng danh, cũng lợi, cũng tham, cũng sân, cũng si mê dính mắc: sắc, danh, lợi, thực, thù?

Có nghị lực, có nhiệt tâm xả bỏ, có chấp nhận một cuộc sống buông xả giải thoát; có chấp nhận Phạm hạnh giới đức của Phật Giáo; có biết rõ đời sống thiếu dục tri túc là đời sống đạo của đạo Phật, là đời sống giải thoát không?

Hỡi các vị tôn túc! Xin quý vị hãy nhìn lại đời sống của mình có xứng đáng là người tu sĩ đạo Phật hay không; có đầy đủ nghị lực; có nhiệt tâm xả bỏ ly tham ly ác pháp chưa?

Phải thành thật với mình, với tín đồ Phật Giáo, để làm sáng tỏ lại Phật giáo. Đừng vì danh, vì lợi, vì cuộc sống thế tục mà dựa theo kinh sách Đại Thừa bưng bít những lỗi lầm đáng sợ, tai hại cho mình và cho Phật Giáo.

Trước khi làm những gì, chúng ta hãy suy nghĩ đến hậu quả của nó.

Hậu quả của những người tu, chúng ta trực tiếp đã thấy quá rõ ràng. Thầy Tổ của chúng ta trước khi chết phải thọ lấy sự đau khổ vô cùng, chỉ vì sống không đúng Phạm

hạnh của đạo Phật nên phải gánh chịu sự đau khổ vô vàn. Đó là vì, chúng ta không nhìn thấy sự tu hành giả dối của chúng ta, nhân giả dối lừa đảo thì quả phải khổ đau.

Thưa quý vị, quý vị nói chứ quý vị có xả đâu, quý vị đừng ôm thêm, ôm thêm để mà khổ quý vị ạ!

Hãy buông xả! Buông xả với một nhiệt tâm nồng cháy; với một nghị lực kiên cường; với một sự hiểu thông suốt: **“Dục và ác pháp là khổ”**, thì quý vị mới xả bỏ được, mới tìm thấy sự giải thoát chân thật của đạo Phật.

“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì

Thở ra chẳng lại còn chi nữa

Vạn pháp vô thường buông xuống đi

--o0o--

Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Tâm hồn thanh thản chẳng sầu bi

Cuộc đời ngắn ngủi trong chớp mắt

Còn có vui gì chẳng bỏ đi

--o0o--

Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Trò đời như mộng có còn chi

Tứ đại trả về cho tứ đại

Thanh nhàn an lạc lúc phân ly”

Muốn cho có một nội lực sung mãn, để khắc phục tâm tham ưu của mình; để có kết quả tâm bất động trước các pháp; để ly được dục ly được ác pháp; để tâm không phóng dật và cuối cùng tâm định trên thân, thì thường xuyên con nên dùng pháp Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý, ám thị tâm con khi con muốn tâm con phải làm một điều gì như con muốn.

Ví dụ, như con muốn tâm con không còn giận hờn, thương ghét, hay không cho nó nói chuyện, để sống trầm lặng một mình, thì con nên trạch pháp một câu: *“Tâm như cục đất, không nên nói chuyện với ai cả để sống đúng chánh hạnh, để được an vui, thanh thản và vô sự”*.

Câu hướng tâm này, con phải sống với nó như bóng với hình, lúc nào, giờ nào con cũng phải nhớ ám thị, đừng nên quên thì sẽ có hiệu quả xả tâm rất tốt. Nhớ kỹ, ám thị cho đến chừng nào có hiệu quả mới thôi.



TRẠNG THÁI HƠI THỞ TRONG BỐN THIÊN

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy giảng lại cho con hơi thở Sơ Thiên đến Tứ Thiên như thế nào?*

Đáp: Sơ Thiên, hơi thở bình thường như chúng ta thở sống hằng ngày.

Nhị Thiên, hơi thở chậm và nhẹ hơn hơi thở Sơ Thiên, do tâm tứ diệt, tạo nên một trạng thái an ổn thích tu (siêng năng), ưa ngồi.

Tam Thiên, hơi thở chậm và nhẹ hơn hơi thở Nhị Thiên do ly hỷ tưởng, người đang ở trong trạng thái này cảm giác như hơi thở gần như không, thở hơi thở nhẹ nhàng tự động ra vô.

Tứ Thiên, hơi thở tịnh chỉ, hoàn toàn không thấy hơi thở ra vô.

Hơi thở của Sơ Thiên là hơi thở của tâm ly dục ly ác pháp. Ai là người đã ly dục ly ác pháp thì mới nhận ra hơi thở này. Như chúng ta hiện giờ chưa có ai ly dục ly ác pháp, tâm còn đầy dẫy sự tham ưu, còn phiền não, đau khổ và còn lo sợ, giận hờn, thù oán thì làm sao nhận ra được hơi thở của Sơ Thiên.

Nói hơi thở của Sơ Thiền là hơi thở bình thường, là nói hơi thở giống như hơi thở bình thường chứ thực ra, nó không giống hơi thở bình thường, vì tâm chúng ta hiện giờ đâu có bình thường, lúc nào cũng lăng xăng loạn động, không nghĩ việc này thì lại nghĩ việc khác, cho nên trong kinh sách bảo tâm chúng ta, là tâm như con vượn, ý chúng ta là như con ngựa, như vậy chúng ta có hơi thở bình thường chăng? Tâm chưa bình thường thì làm sao hơi thở bình thường được.

Nhưng chúng ta phải lưu ý khi tâm chúng ta bình thường là lúc thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Lúc đó, là lúc hơi thở bình thường của tâm còn ham muốn và còn chướng ngại pháp (ác pháp) thì hơi thở có bình thường, nhưng bình thường của nó, mặc dù lúc đó tâm chúng ta chưa ly dục ly ác pháp hết, nhưng nó không có dục và ác pháp khởi lên nên được xem hơi thở lúc đó là bình thường.

Đến hơi thở của Nhị Thiền, thì không có một hơi thở nào so sánh, khó mà giúp cho con nhận ra, chỉ khi nào nhập vào Nhị Thiền thì mới nhận ra và biết rõ ràng. Ở đây, Thầy chỉ trả lời hơi thở chậm và nhẹ hơn hơi thở nhập Sơ Thiền. Hơi thở Sơ Thiền, đã không biết thì

làm sao biết được hơi thở Nhị Thiên, không khéo nghe Thầy nói hơi thở chậm và nhẹ, rồi các con tưởng ra hơi thở chậm nhẹ, do đó tưởng thức sẽ hiện tướng hơi thở đó thì các con đã lọt vào định tưởng, một loại định rất nguy hiểm. Khi đã rơi vào định này thì khó mà thoát khỏi tưởng pháp. Hầu hết các nhà Đại Thừa và Thiền Đông Độ đều đã chết trong loại định tưởng này, và kinh sách Đại Thừa để lại quá nhiều pháp hành về trạng thái tưởng pháp này.

Từ Nhị Thiên cho đến Tứ Thiên, khi nhận ra được hơi thở của nó, tức là nhận ra được trạng thái của Thiền định đó, cho nên ở đây, Thầy nói để cho chúng ta biết mức độ của hơi thở các loại Thiền định của Tứ Thánh Định, nhưng chúng ta đừng quan tâm đến nó, quan tâm đến, nó tức là chúng ta sẽ rơi vào tưởng thức.

Hiện giờ, con nên nương vào hơi thở để tập tĩnh thức mà cố gắng xả tâm ly tham đoạn diệt khổ ưu, chừng nào tu tập đến đó thì chúng ta sẽ biết, còn hiện giờ muốn biết nó thì là một tai hại xảy đến không tốt cho đường tu tập của con.

Tu tập về hơi thở thì nên tu tập 18 đề mục Định Niệm Hơi Thở của Phật dạy, chứ đừng tu hơi thở theo pháp môn Lục Diệu của Ngài Trí Khải, nó không phải của Phật giáo. Lục Diệu Pháp Môn là một loại Thiền tưởng của Trung Hoa và cũng đừng tu số tức quán, vì nó cũng là một loại Thiền ức chế tâm do các Tổ Đại Thừa chế ra.

Hơi thở rất khó tu, nếu tu không có người hướng dẫn sẽ sinh ra rối loạn hô hấp, rối loạn thần kinh. Cho nên, tu tập hơi thở phải dè dặt cẩn thận.

Tóm lại, hơi thở chỉ là một thân hành như các thân hành khác trong thân, tu hơi thở ra vô, cũng giống như tu cánh tay đưa ra vô vậy, chứ không có gì quan trọng lắm.



TU NHƯ THẾ NÀO ĐỂ TÂM KHÔNG PHI PHẠM HẠNH?

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con xin sám hối về cái tội ăn thêm, đã ăn rồi mà còn ăn thêm nữa. Như vậy con phải tu Định Vô Lậu đặt*

niệm trước mặt quán xét tư duy như thế nào? Dùng pháp hướng như thế nào? Để quét sạch tội phi Phạm hạnh này?

Đáp: Muốn sống đúng Phạm hạnh, không ăn uống phi thời, con nên đặt niệm thực phẩm rồi quán xét sự bất tịnh của thực phẩm.

Quán xét thực phẩm bất tịnh trong lúc đi cầu.

Dùng pháp hướng tâm: *“Thực phẩm là một thứ thuốc trị bệnh đói của cơ thể, ta không nên ưa thích”; “Thực phẩm là những thứ bất tịnh uế trước, để lâu mùi hôi khó chịu ta nên chừa bỏ tánh ưa thích ham ăn”.*

Xét ra, từ cái ăn mà người ta nhận thấy và đánh giá trị được con Người, Thánh Nhân hay loài thú vật.

Một con thú vật, lúc nào gặp món ăn là nó ăn ngay, không phân biệt giờ ăn, giờ nghỉ là tại vì con thú vật không trí tuệ, chỉ biết sống ăn và tranh đấu cho miếng ăn.

Con người thì có trí tuệ, có đạo lý hơn, ăn uống biết chia ra giờ giấc, không ăn uống phi thời, ngược lại con người mà ăn uống lặt vặt phi thời không giờ, không bữa là con người đó còn mang bản chất của loài cầm thú thích ăn,

chúng ta là con người phải có trí tuệ, nhất định ăn uống phải có giờ giấc.

Còn bậc Thánh Nhân thì khác, biết rằng ăn uống là sự sống của các loài động vật, nhưng bậc Thánh Nhân không xem ăn uống là một thứ dục lạc, gây sự ưa thích ham mê như người thế gian và loài thú vật, mà khi sống thì phải ăn để sống, cho nên ăn để sống, chứ không phải sống để ăn. Người thế gian và loài thú vật sống để ăn chứ không phải ăn để sống. Vì thế, trong sự ăn uống của họ, chỉ cần ngon và bổ dưỡng nên họ sát hại sanh linh để họ ăn thịt chúng sinh như loài cạp beo, ăn bằng thích, ăn bằng ưa, đó là sống để ăn, nhưng họ không biết đó là họ đã đem sự đau khổ vào thân tâm của họ.

Bậc Thánh Nhân đã hiểu điều này, nên họ ăn để sống, vì thế họ không ăn thịt chúng sanh và ăn ngày một bữa, không ăn uống phi thời, là vì những bậc Thánh muốn thoát ra khỏi bản chất của loài cầm thú sống để ăn uống; để nô lệ cho sự ăn uống.

Người ta không muốn mình làm con người, mà muốn sống như loài cầm thú, chỉ biết có ăn, ăn để ngon, để mập, để béo, nên ăn

uống của họ không còn có đạo lý làm người gì cả.

Người ta sống để ăn, cho nên con người trở thành một con thú vật, đó là cách sống để ăn, nên người ta mới giầy đạp lên sự sống của nhau, giết nhau. Bằng chứng, về chủ nghĩa cá nhân thì họ cướp giựt, giết người không gớm tay; về tập thể thì nước này đánh chiếm nước kia, lịch sử loài người đã chứng minh điều này, đến ngày nay, không lúc nào thế giới chấm dứt chiến tranh, không nước này đánh nhau thì nước kia đánh nhau, giết nhau bằng những vũ khí tối tân và hiện đại.

Đó là, bản chất của loài cầm thú còn tồn động trong loài người. Họ chỉ là một con thú vật sống chỉ biết tranh giành để ăn, chứ không phải sống có đạo lý làm người, làm Thánh.

Bởi, con người là phải khác với con thú vật, vì con người phải sống có đạo lý, có đức hạnh, phải sống không vì ăn uống, không vì vật chất của cải tài sản. Sống, phải biết thương mình thương người, thương mọi sự sống trên hành tinh này, tức là sống không làm khổ mình, khổ người, khổ mọi loài, đó mới chính là con người, còn làm khổ cho nhau là những loài

thú vật chỉ biết có ăn là trên hết, chứ không biết đạo lý.

Chúng ta muốn làm Người, muốn làm Thánh chứ không ai muốn làm loài thú vật. Phải không các bạn? Muốn vậy, thì chúng ta ăn để sống, ăn không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh thì phải ăn có giờ bữa, không được ăn uống lặt vặt phi thời và không được ăn thịt chúng sanh. Bởi muốn làm Thánh thì ăn ngày một bữa, như đức Phật ngày xưa và chúng Thánh Tăng.

Cho nên, sự ăn uống trong đạo Phật là sự ăn uống trong thiện pháp để không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh. Vì thế, đức Phật đã dạy: ***“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”***. Do thế, coi chừng trong ăn uống sẽ rơi vào ác pháp, ăn uống theo phàm phu thì sự ăn uống ấy không đúng Thánh Hạnh. Ăn uống lặt vặt, ăn uống phi thời, cơ thể dễ sanh ra nhiều bệnh tật, đó là ác pháp là khổ đau cho mình, khi mình đau khổ, còn làm khổ cho người khác nữa.

Vì thế, ăn uống rất quan trọng cho đời sống của con người. Càng ăn uống đơn giản thì đời sống càng thanh thoi, an lạc, cơ thể nhẹ nhàng ít bệnh tật, ít tai nạn.

Trong cuộc đời làm người, chúng ta cũng nhận thấy những pháp môn của đức Phật dạy đạo đức về ăn uống rất thực tế và cụ thể để con người sống trong đạo đức về ăn uống:

- Thứ nhất, là không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh.

- Thứ hai, là sống đúng đạo đức làm Người, làm Thánh không còn phạm ăn uống như loài thú vật.

- Thứ ba, là ăn uống đúng Phạm hạnh, không ăn uống phi thời, không ăn uống lật vật.

- Thứ tư, là ăn uống trong sự biết tôn kính và quý trọng của mồ hôi nước mắt làm ra bằng sức lao động của mình, của người khác.

- Thứ năm, là ăn uống để sách tấn trên đường tu tập, để được giải thoát sanh tử luân hồi, để được chấm dứt mọi sự khổ đau, chứ không phải ăn uống vì tham ăn, thích ăn v.v..

- Thứ sáu, là ăn uống phải thực hiện lòng từ bi, thương xót tất cả loài chúng sanh và thương xót người làm ra thực phẩm cực nhọc.

Khi chúng ta tu hành theo đạo Phật, mà còn thích ăn uống phi thời, thì đó là, chúng ta

chạy theo tâm dục lạc thế gian, còn tâm dục lạc thế gian đó là huân ác pháp vào thân, vì thế chúng ta phải hiểu cho thấu suốt lý của đạo đức làm người, làm Thánh là không nên vì ăn mà làm khổ mình, khổ người. Luôn luôn nhớ đến bốn trọng ân, thì bấy giờ chúng ta sẽ nhiệt tâm dứt khoát, dù có chết nhất định không còn phạm phải lỗi ăn uống phi thời, chừng đó chúng ta mới thấy có sự an vui của người sống đúng Phạm hạnh.

Các con phải cố gắng đừng để vi phạm những lỗi lầm này, những lỗi lầm này sẽ đưa con trở về đời sống loài thú vật. Các con nên nhớ kỹ đừng quên lời Thầy dạy con nhé! Dù cho thân con có tan nát, nhưng đừng phạm phải lỗi ăn uống phi thời. Đó là con đường tiến đạo.



PHẠM HẠNH

Hỏi: *Kính thưa Thầy! “Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không, không có gì trói buộc, không có một đối tượng, vật chất,*

hoàn cảnh nào cảm dỗ họ được”. Con phải hướng tâm như thế nào đây mới chứng được điều này?

Đáp: Chỉ cần siêng năng tu tập các loại pháp môn ly dục ly ác pháp và sống đúng giới hạnh, nhập được Sơ Thiên thì đời sống xuất gia sẽ phóng khoáng như hư không.

Tuy nói như vậy, nhưng không phải dễ, nếu chỉ có cạo bỏ râu tóc, mặc y áo cà sa, tụng kinh, niệm Phật, ngồi Thiền v.v.. thì đâu có gì là khó, còn ngược lại phải sống đúng giới hạnh, phải tập tu ly dục ly ác pháp thì khó vô cùng. Cho nên, điều cần thiết là con phải hiểu rõ đời sống tại gia của người cư sĩ khổ như thế nào?

- Thứ nhất, phải làm ra tiền bạc, thực phẩm, áo quần, nhà cửa, tài sản, sự nghiệp. Những sự sống này, khiến cho con người phải lo toan rất nhiều, nhiều khi thiếu trước hụt sau, sợ đói, sợ bệnh đau, không tiền, không thực phẩm là rất khổ, nói chung chỉ có những nghề nghiệp làm ra để sống, nhưng nghề nghiệp làm ăn lại thất bại, khi thất bại là khổ, còn nếu làm ăn được thì phải trăm muôn vạn kế tính toán lo toan nhiều, khi còn phải sử dụng mưu kế gian xảo, lừa đảo bằng mọi thủ

đoạn, tạo ra biết bao nhiêu điều ác, nên trong lòng lúc nào cũng bất an, lo sợ nơm nớp tù tội bị phạt vạ, và còn lo sợ trộm cướp nữa.

- Thứ hai, là khổ sở khi mình nghèo sợ người ta khi dễ.

- Thứ ba, khi mình có của cải, cuộc sống thoải mái hơn, thì lo sợ người khác ganh tỵ tìm mọi cách nói xấu hoặc thù ghét và hãm hại.

- Thứ tư, lo sợ tai nạn, bệnh tật, mà tiền mất nhưng tật phải mang.

- Thứ năm, con cái hư phá tán tài sản.

- Thứ sáu, vợ hoặc chồng sống không chung thủy, làm tiêu tan sản nghiệp, đó là nỗi khổ đau của mọi người, mà người nào cũng không tránh khỏi.

- Thứ bảy, những người thân có tai nạn hoặc bệnh tật.

- Thứ tám, trong nhà anh em tranh giành của cải tài sản, kiện thưa.

- Thứ chín, khổ vì người khác nói trái ý, nghịch lòng.

- Thứ mười, khổ vì không đạt được ước nguyện.

Thường thường, người cư sĩ sống tại gia có nhiều duyên sự xảy đến, khiến cho họ phải chịu nhiều sự khổ đau như vậy.

Cho nên, đời sống tại gia rất là phức tạp và khổ sở. Có một nhà thơ đã nói đến sự khổ đau của con người, từ khi bắt đầu sinh ra:

“Lúc sanh ra miệng đã khóc chóc

Trần có vui sao chẳng cười khi”.

Nếu là một người có nhiều suy tư về đời sống thì chúng ta thấy rất rõ ràng cuộc sống con người là biển khổ, khổ từ lúc sinh ra cho đến khi chết.

Do thấy đời sống tại gia khổ như vậy, nên chúng ta chịu chấp nhận một cuộc sống đi ngược lại với sự sống tại gia, đó là đời sống xuất gia. Đối với đời sống tại gia thì đời sống xuất gia hoàn toàn khác hẳn, vì buông xả sạch vật chất chỉ còn sống với tinh thần phóng khoáng như hư không, vì thế tự tại thung dung, không lo đói, lo no, không còn kêu réo, làm bận tâm bận trí, bất toại nguyện. Với đôi mắt của người xuất gia, nhìn mọi vật đều vô thường. Cho nên:

***“Các pháp vô thường
là pháp sinh diệt***

Sinh diệt, diệt rồi

Tịch diệt là vui”

Vì thấu hiểu như vậy, nên đời sống xuất gia là một đời sống buông xả sạch, chỉ còn ba y, một bát đi xin ăn của những người hảo tâm. Đời sống như vậy rất khổ về vật chất, vì không có gì cả, nếu chúng ta không ý thức và thấu rõ chỗ không có gì cả là chỗ phóng khoáng như hư không, thì chúng ta sẽ khổ sở vô cùng. Nhưng nếu, chúng ta ý thức được điều này thì đời sống xuất gia thật là phóng khoáng như hư không, không có vật gì trói buộc; không có một đối tượng, một vật chất, một hoàn cảnh nào cảm dỗ được.

Đó là đời sống giải thoát, đời sống Phạm hạnh, đời sống Thánh Thiện, còn ngược lại đời sống xuất gia mà có chùa to, Phật lớn là đời sống vật chất nhiều, không giải thoát, đó là đời sống như người tại gia, những vị tu sĩ này bị trói buộc như cá mắc rọ, lưới, lờ, câu không thể phóng khoáng như hư không được. Họ thường là những người phục dịch cho những Phật tử mê tín.

Đời sống xuất gia là đời sống trống rỗng cho nên mới gọi là như hư không.

Nếu hư không mà có, thì làm sao gọi là hư không. Vì thế, những tu sĩ có chùa to Phật lớn sang đẹp và vật chất nhiều thì làm sao giống như hư không được. Do thế, không thể giải thoát. Phải không các bạn?

Bởi vậy, các vị Tỳ-Kheo trong thời đức Phật, các Ngài đã nói: ***“Vì giải thoát sanh tử luân hồi, chúng con mới chấp nhận sống đời sống Phạm hạnh của Gotama”***.

Vì sanh tử luân hồi là đời sống tại gia, mà sanh tử luân hồi là sự đau khổ của loài người, không chỉ khổ có một kiếp mà khổ nhiều kiếp.

Đời sống xuất gia là đời sống Phạm hạnh, đời sống buông xả, đời sống phóng khoáng như hư không, cho nên còn có gì mà tái sanh luân hồi.

Một hôm đức Phật đi khát thực, đi ngang qua một ngôi nhà giàu có, một con chó từ trong nhà chạy ra sủa to, đức Phật dừng lại mới bảo rằng: ***“Nhà người vì vô minh lầm chấp của cải tài sản là của nhà người, do đó nhà người phải tái sanh làm thân chó để giữ của cải đó, nhưng của cải đó không phải là của nhà người nữa đâu. Tội cho người***

không thấy mọi vật chất thế gian là pháp vô thường, nên phải chịu làm thân chúng sanh khổ sở muôn vàn từ kiếp này sang kiếp khác”.

Con chó nghe được lời này, dường như nó ngộ được lý này, nên từ đó, nó buồn rầu và bỏ ăn, ít hôm sau con chó chết.

Loài chúng sanh còn nhận được lời đức Phật dạy, mà xả tâm dính mắc thế gian để chuyển hóa thân chó.

Chúng ta là những con người khi nghe đức Phật dạy: ***“Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không, trắng bạch như vỏ ốc, không có gì trói buộc, không có một đối tượng, một vật chất, một hoàn cảnh, một sự việc nào cảm dỗ họ được và làm cho họ động tâm được”.***

Đời sống Phạm hạnh, đời sống như vậy còn gì mà khiến cho họ tái sanh luân hồi.

Bởi, xét cho cùng đạo Phật chỉ lấy cuộc sống Phạm hạnh, làm một chứng cứ cụ thể để mọi người thấy đó là sự giải thoát thật sự, không còn sanh tử luân hồi, như câu chuyện con chó lúc nãy, vì dính mắc của cái tài sản

của nhà ấy, phải sanh làm con chó để giữ của cái đó.

Còn chúng ta, muốn tu theo đạo Phật để cầu giải thoát thì tại sao lại không chấp nhận đời sống Phạm hạnh.

Đời sống Phạm hạnh là Niết Bàn, nếu chúng ta chấp nhận đời sống Phạm hạnh thì chúng ta phải đoạn dứt lòng tham dục, có đoạn dứt lòng tham dục thì chúng ta mới sống đời sống Phạm hạnh trọn vẹn. Nếu không đoạn dứt lòng tham dục thì đời sống Phạm hạnh không trọn vẹn, giống như các tu sĩ của Phật giáo Đại Thừa hiện giờ; đời sống Phạm hạnh chưa trọn vẹn thì kiếp sau phải làm thân chó để giữ gìn những ngôi chùa sang đẹp. Đó là, sự dính mắc của các tu sĩ hiện giờ, họ đâu biết rằng, khi tâm tham dục còn một chút xíu dính mắc pháp thế gian là họ phải tiếp tục tái sanh trong vòng luân hồi khổ đau.

Họ đâu biết rằng đời sống Phạm hạnh là Niết Bàn của chư Phật, là chấm dứt tái sanh luân hồi. Đức Phật dạy: ***“Này Bà La Môn, cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn; cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn; cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn. Như vậy, này Bà La Môn,***

Niết Bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí giác hiểu”.
(*Kinh Tăng Chi Tập 1, trang 285*).

Đời sống thế gian là ngục tối âm u đầy đau khổ.

Đời sống xuất gia Phạm hạnh hoàn toàn giải thoát như hư không, Cực Lạc, Niết Bàn.

Rõ thấy được như vậy, thì con nên chọn đời sống nào? Đời sống thế gian hay đời sống Phạm hạnh?

Chọn nó thì phải có nhiệt tâm xả bỏ, tâm như cục đất, chỉ có nhiệt tâm và hướng tâm mình như cục đất.

Đời sống Phạm hạnh là đời sống từ bỏ tất cả sanh y. Nếu muốn từ bỏ tất cả những sanh y thì chúng ta phải dùng pháp Như Lý Tác Ý: ***“Sanh y là đau khổ, là dính mắc, là tái sanh luân hồi ta phải từ bỏ, xa lìa vĩnh viễn những thứ đau khổ này”.***

Đức Phật sách tấn chúng ta sống đúng đời sống phạm hạnh. Ngài dạy: ***“Này các Tỳ Kheo, tối thắng là tinh cần với mục đích từ bỏ tất cả sanh y. Do vậy, này các Thầy Tỳ Kheo, các Thầy cần phải học tập như***

sau: “Ta sẽ cố gắng tinh cần để từ bỏ tất cả sanh y”. Như vậy, này các Thầy Tỷ Kheo, các Thầy cần phải học tập”.

Đây là, lời dạy chí tình của đức Phật qua những danh từ **“tối thắng”, “tinh cần”, “từ bỏ”, “sanh y”**. Những danh từ này, đã xác định đời sống Phạm hạnh là giải thoát hoàn toàn, là Niết Bàn tại thế, là chấm dứt tái sanh luân hồi.

Bởi thế, cuộc đời tu hành theo đạo Phật quan trọng nhất là đời sống Phạm hạnh. Đời sống Phạm hạnh không phải ở chiếc áo cà-sa và chiếc đầu cạo trọc mà là tâm Phạm hạnh. Bởi vì, chiếc áo cà-sa và chiếc đầu cạo trọc chỉ là một hình thức lừa đảo người, nó đã làm ô ố cho Phật giáo từ bao nhiêu thế kỷ nay.

Xưa, khi đức Phật nhập Niết Bàn đã nói lên lời nói di chúc: ***“Giới luật Ta còn là đạo Ta còn, giới luật Ta mất là đạo Ta mất”.***

Giới luật là gì? Giới luật là Phạm hạnh. Nếu một tu sĩ còn có Phạm hạnh là đạo Phật còn, nếu một tu sĩ Phạm hạnh không có thì đạo Phật mất.

Lời di chúc này chúng ta cũng xác định đạo Phật còn hay là mất, không thể che dấu ai được.

Phạm hạnh là gì? Là tâm ly dục ly ác pháp. Chỉ khi nào con ly dục ly ác pháp thì đời sống Phạm hạnh con trọn vẹn.

Con có nhìn thấy bạn của con không? Cũng cạo đầu, cũng mặc áo tu sĩ rồi một thời gian để tóc lại, mặc đồ đời, có chồng rồi đây sắp có con. Họ có thật sự thấy đời sống thế gian là khổ không? Hay chỉ muốn tu để có thần thông phép tắc và ngồi mát ăn bát vàng. Hay muốn tìm đường giải thoát mà không muốn buông xả bỏ sanh y thì làm sao tìm đường giải thoát cho được. Sanh y là gì?

Là chồng con hay vợ con, là của cải tài sản v.v..

Này các con, sanh y trong lòng con chứ không phải sanh y là những vật chất bên ngoài.

Xả sanh y vật chất bên ngoài như Minh Tông, còn sanh y bên trong thì tâm không chịu xả, ngồi trong thất mà nhớ vợ, nhớ con, như vậy xả sanh y bên ngoài để làm gì? Có lợi ích gì? Phải không các con? Cuối cùng cũng chỉ

trôi lặn trong lục đạo. Cô Diệu Quang đã trải nghiệm tâm sân của Minh Tông đã hiện ra, như người chưa bao giờ tu, chắc các con đã trực tiếp thấy và nghe rõ ràng.

Năm năm trời, mài miệt trong thất chỉ có một phút giây tan tành như gió bụi, uống công phu tu tập vô cùng.

Tới hôm nay, tâm con đã sống Phạm hạnh được chưa? Nếu chưa được, thì hãy cố gắng con ạ! Đừng bỏ cuộc, đừng nản lòng, đừng bắt chước các bạn con thối tâm.

Hãy đứng lên chiến đấu tận cùng, để đạt được đời sống Phạm hạnh, để làm chủ đời sống sanh, già, bệnh, chết, đời sống cao thượng của một bậc chân tu với một tâm hồn phóng khoáng như hư không.

Nếu trên đường tu tập theo Phật giáo mà con không có chí lớn như Bà Triệu Ẩu ***“Cưỡi cá kình, vượt sóng to, sống một đời không chịu luôn cúi làm thuê thiếp cho thiên hạ”***. Ý chí này, với tư tưởng này thì mới có thể sống một đời sống cao thượng, phóng khoáng như hư không và trắng bạch như vỏ ốc của các bậc Thánh Ni, những đệ tử Ni của đức Phật ngày xưa. Còn nếu sống không được đời sống Phạm hạnh thì con chẳng khác gì như các bạn con,

chỉ một đời luôn cúi làm thê thiếp cho kẻ khác và còn bị đánh đập chửi mắng và hành hạ nữa, con có thấy bạn con không???

Rắc tiếc là bộ giới đức, giới hạnh và giới hành Thầy đã viết chưa xong. Giới đức, giới hạnh, giới hành tức là Phạm hạnh, hay gọi là Sa Môn hạnh hoặc gọi là Sa Môn Quả. Đó là những giới luật của Phật giáo chứ không phải giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề. Giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề là giới luật của các Tổ biên soạn viết ra dựa vào kinh giới rút ra một số lập thành giới cấm.

Như chúng ta ai cũng biết, đạo Phật là đạo tự lực không cầu tha lực, vì thế, giới là sự sống của Tăng Ni và các cư sĩ, cho nên người nào đến với đạo Phật là phải tự nguyện sống Phạm hạnh chứ không có sự bắt buộc như giới cấm của các Tổ. Vì cầu giải thoát, nên chúng tôi mới tự nguyện sống đời Phạm hạnh dưới sự chỉ đạo của đức Gotama. Cho nên, giới cấm của các Tổ là sai, không đúng tinh thần tự nguyện, tự giác của Phật giáo.

Đạo Phật là một tôn giáo tự do tín ngưỡng, không cấm dỗ, mà cũng không bắt buộc ai. Ai tự nguyện, đến giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh thì dạy bảo và giúp đỡ cho tu

hành, còn sống giới luật không nổi, xin ra, thì cũng vui vẻ chấp nhận ngay liền, không bắt buộc người theo Phật giáo phải thề thốt “*Trời tru đất diệt*”.

Cho nên, giới cấm của các Tổ là sai, vì giới cấm là có sự bắt buộc. Đạo Phật không có cấm ai cả, chỉ người tu phải tự nguyện, tự lực, tự giác, tự ngộ mà đến với đạo Phật. Còn giới luật đúng của đạo Phật là giới đức, giới hạnh, giới hành. Những giới luật này, đức Phật dạy cho đệ tử mình, sống một đời sống Phạm hạnh và tu tập để được giải thoát, nên giới luật này còn gọi là Giới Vô Lậu. Vì thế, giới là đức hạnh sống của người tu sĩ, giới là pháp môn tu tập để dứt trừ các lậu hoặc. Các bạn đừng nhầm lẫn giới cấm và giới hành. Vì giới hành là thể hiện đời sống Thánh Tăng, Thánh Ni, Thánh cư sĩ.



HƯỚNG TÂM CÁC HÀNH NGỪNG NGHỈ

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Khi hơi thở con gần như mất hẳn thì con thấy rõ cái bụng hoạt*

động (ra vô) càng mạnh, lúc đó, tác ý “các hành ngưng nghỉ” con không biết đúng hay sai?

Đáp: Khi hơi thở gần như mất hoặc mất hẳn, sức tỉnh thức sẽ tập trung vào các hành trong thân con phải hướng tâm nhắc: “*Các hành phải ngưng hoạt động! Ngưng hoàn toàn!*”.

Cách thức hướng tâm như vậy là đúng pháp và đúng lúc, không sai, nhưng có một điều con nên lưu ý: khi một người tu hành mà tâm chưa ly dục ly ác pháp hoàn toàn, hoặc chỉ ly một ít nào đó, hoặc chưa ly chút nào hết, lúc bấy giờ tâm dục và các ác pháp đang ẩn núp trong thân tâm hay nói một cách khác là tâm tham, sân, si đang nằm ngủ hay nói rõ hơn là tâm tham, sân, si đang bị ức chế nên lúc bấy giờ ý thức ngưng hoạt động thay thế bằng tưởng thức hoạt động. Do tưởng thức hoạt động con mới có cảm giác hơi thở gần như ngừng hẳn, đôi khi mất hẳn, mà chỉ có cơ bụng hoạt động rất mạnh (phình xẹp) giống như Thiền “Minh Sát Tuệ” do Mahasi dạy. Ngài cũng do tu tập ức chế nên lọt vào tưởng thức, thấy cơ bụng phình xẹp rõ ràng. Từ đó, Ngài rơi vào tưởng pháp, nên Ngài thường dạy đồ chúng

Minh Sát để khắc phục tham ưu, nhưng khắc phục tham ưu bằng tướng thì làm sao ly dục ly ác pháp được.

Nếu không ly dục ly ác pháp bằng ý thức để khắc phục tham ưu mà bằng tướng thức, thì giống như một loài vật ngu, tha một miếng thịt đi ngang qua một chiếc cầu, thấy miếng thịt dưới dòng sông lớn hơn, nên vội bỏ miếng thịt thật, nhảy xuống đớp ngay cái bóng của miếng thịt, thì ôi thôi! Đã mất miếng mồi mà còn thiệt thân.

Thầy Thiện Thuận do tu sai nên lạc vào định tướng dùng pháp hướng tâm để tịnh chỉ hơi thở nên cơ thể rối loạn, khiến Thầy rối loạn thần kinh, mất tự chủ mà người đời gọi là “*Tẩu hỏa nhập ma*”. Nhờ Thầy kịp lúc ở gần mới xả được.

Cháu Ngọc, do tu sai ức chế lòng ham muốn, dồn nén đến tận cùng để đạt được cứu cánh, lúc bấy giờ có người gọi đúng lòng ham muốn của cháu, nên thần kinh hưng phấn quá mạnh mất thăng bằng, nên cháu nói lung tung với những điều bị quá nén, tức bực trong tâm, cũng giống như người đang sân họ nói tất cả những sự bực tức, khi đổ ra hết những sự bực tức thì họ cảm thấy như mình không còn sân,

đó là sự tuôn trào của tâm sân, tức là trong lúc sân thì thần kinh hưng phấn, nên người sân giống như người điên, nói ào ào dữ dằn như cộp beo, trâu rống.

Khi muốn tịnh chỉ các hành trong thân, nhất là hơi thở, thì phải thấu rõ tâm mình, phải ly dục ly ác pháp tức là tâm như cục đất hoặc nói khác hơn là tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ, tâm bất động tức là không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa; tâm không phóng dật là tâm thường quay vô định trên thân. Nếu được vậy, tức là tâm nhập Bất động Định, chỉ khi nào tâm nhập Bất động Định thì con mới dùng pháp hướng tâm tịnh chỉ các hành trong thân thì mới có hiệu quả, còn không khéo bị tưởng thì rất nguy hiểm cho sinh mạng con.

Minh Tông ước chế tâm không vọng tưởng, dùng pháp hướng tâm chỉ hơi thở dứt mao phế quản khạc ra máu, đó là một kinh nghiệm xấu để chúng lấy đó mà cố tránh, đừng giẫm lại lối sai này con ạ!

Tu hành phải cẩn thận, những gì Thầy dạy phải làm đúng, đừng làm sai theo sự hiểu biết của mình, đừng làm sai, làm theo kiến

giải tướng giải của mình mà tự giết chết đời mình con ạ!

Cho nên, tu theo đạo Phật điều quan trọng nhất là xả tâm, ly tham đoạn diệt lòng ưu não, để đạt được tâm bất động chứ không phải chỗ tịnh chỉ hơi thở.

Hiện giờ, lòng ham muốn tu hành của con người để đạt được sự giải thoát thì đã bị lệch lạc quá nhiều, do các Tổ tướng giải ra pháp môn tu tập ức chế tâm.

Người ta cứ nghĩ tưởng rằng, có thần thông thì sẽ không còn giận hờn, phiền não, đau khổ nữa và có thể chấm dứt tái sinh luân hồi. Sự nghĩ tưởng như vậy là sai.

Người ta cứ nghĩ rằng, khi tịnh chỉ hơi thở làm chủ sự sống chết là không còn tham, sân, si, phiền não, đau khổ nữa và chấm dứt tái sinh luân hồi. Sự nghĩ tưởng như vậy cũng là sai, không đúng.

Người ta cứ nghĩ tưởng rằng, khi Kiến Tánh là không còn tham, sân, si, phiền não nữa là thành Phật, là chấm dứt tái sinh luân hồi. Sự thực là không phải vậy, tất cả những sự nghĩ tưởng trên đây đều là sai cả. Vì những người có thần thông vẫn còn tham, sân, si như

thường và còn tham, sân, si nhiều hơn. Đó là, những vị giáo chủ có thần thông mà chúng ta đã từng nghe báo chí trên thế giới loan tin.

Người ta cũng cho rằng, những nhà Yoga tịnh chỉ hơi thở, chôn trong đất, chìm trong nước mà không chết, các ông này có thể không còn tham, sân, si nữa, sự thật là không phải vậy.

Báo chí thế giới, đã loan tin có các đạo sĩ Yoga ở Ấn Độ đã biểu diễn bên Liên Xô khiến cho mọi người đều kính phục. Tưởng việc làm như vậy của họ là giải thoát, nhưng kỳ thực đó là những điều tu luyện cầu danh, mà còn cầu danh thì tham, sân, si còn đủ. Tham, sân, si còn đủ thì làm sao gọi là giải thoát được. Vì sự biểu diễn của họ, họ còn tâm háo danh.

Hiện giờ, đường lối Thiền Đông Độ đã hướng dẫn con người Kiến Tánh rất đông đảo, từ người trí thức làm việc văn phòng cho đến những người buôn bán và những lao công đều có thể Kiến Tánh dễ dàng, nhưng chứng minh chưa có ai hết tham, sân, si, phiền não cả và cũng không làm chủ bệnh đau và sự chết.

Vì thế, con người trên hành tinh này, chúng ta đang sống trong nỗi khắc khoải của sự đau khổ của kiếp làm người, nhìn chung

không có một tôn giáo và giáo phái nào đáp ứng được sự khắc khoải của nhu cầu này.

Thần thông để mà làm gì? Để lừa bịp thiên hạ ư?

Yoga luyện tập quá gian khổ để làm gì? Để ngừa bệnh, trị bệnh ư? Để biểu diễn đình chỉ hơi thở cho mọi người kính phục chơi thì có nghĩa lý gì?

Còn Kiến Tánh để mà Kiến Tánh thì có nghĩa gì? Khi tham, sân, si vẫn còn nguyên.

Chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Này Bà La Môn, có ba loại thần thông.***

Thế nào là ba?

1- Thần thông biến hóa.

2- Thần thông ký thuyết.

3- Thần thông giáo hóa.

Và này Bà La Môn, thế nào là thần thông biến hóa?

Ở đây, này Bà La Môn, có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không, độn thổ, trôi lên

ngang qua đất liền, như ở trong nước, đi trên nước, không nứt nẻ ra như trên đất liền, ngồi kiết già, đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên.

Và này Bà La Môn thế nào là thần thông ký thuyết?

Ở đây, này Bà La Môn, có người nói lên nhờ tưởng “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông”. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà La Môn, có người nói lên không nhờ tưởng, nhưng nghe tiếng của loài Người, hay của phi nhân, hay của chư Thiên, liền nói lên: “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông”. Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà La Môn có người nói lên không nhờ tưởng, cũng không nhờ nghe tiếng loài Người, hay loài phi nhân,

hay chư Thiên mà nói lên, nhưng sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư; sau khi suy tâm và suy tư liền nói lên: “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông”. Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà La Môn có người không nói lên nhờ tưởng, không nói lên nhờ nghe tiếng loài Người hay phi nhân, hay chư Thiên, không nói lên sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tâm và suy tư. Nhưng, thành tựu định không tâm không tứ, với tâm (của mình) rõ biết tâm của người khác tùy theo hành ý của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tâm đến chỗ ấy. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Này Bà La Môn, đây gọi là thần thông ký thuyết.

Và như thế nào, này Bà La Môn, là thần thông giáo hóa?

Ở đây, này Bà La Môn, có người giáo giới như sau: “Hãy suy nghĩ như thế này,

chớ suy nghĩ như vậy! Hãy tác ý như vậy, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này! Hãy đạt đến cái này và an trú!”. Đây Bà La Môn, đây gọi là thần thông giáo hóa”.

Trên đây, đức Phật đã trình bày ba loại thần thông và đức Phật đã chấp nhận loại thần thông nào?

Qua bài Kinh trên đây, chúng ta nhận xét thấy ba loại thần thông này ở những pháp môn nào của đức Phật đã thực hiện ra được.

1- Thần thông thứ nhất, là thần thông biến hóa, nó nằm ở pháp môn nào?

Thần thông này nó nằm ở từ pháp Tứ Thiên đến Tam Minh.

2- Thần thông thứ hai, là thần thông ký thuyết, nó bắt đầu từ pháp môn Nhị Thiên đến Tam Thiên, biết tư niệm của người khác. Thường thần thông này trong nhà thiền người ta gọi là trực giác.

3- Thần thông thứ ba, là loại thần thông giáo hóa, tức là đức hạnh làm Thánh, làm Người.

Người dạy thần thông loại nào thì phải thể hiện loại thần thông đó.

Ví dụ: Người dạy về thần thông biến hóa thì phải thể hiện sự biến hóa để dạy cho người ta tu tập biến hóa.

Người dạy thần thông về trực giác thì phải thể hiện biết chuyện quá khứ vị lai và tư niệm của họ.

Người dạy thần thông giáo hóa thì phải thể hiện đức hạnh làm Người, làm Thánh.

Bây giờ, chúng ta tiếp nghe lời của đức Phật, Ngài đã chấp nhận loại thần thông nào?

“Này Bà La Môn, trong ba loại thần thông này, Ông có thể chấp nhận loại thần thông nào là hy hữu hơn, thù diệu hơn?”

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, loại thần thông này: Ở đây, có người chứng được nhiều loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân... Có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với con, được xem tánh chất như là huyền hóa.

Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây có người nhờ tưởng nói lên... sau khi nghe tiếng chư Thiên... sau khi nghe tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư... Với tâm của mình, rõ biết tâm của người khác. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm thần thông ấy người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với con, được xem tánh chất như là huyền hóa.

Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây, có người giáo giới như sau: “Hãy suy nghĩ như thế này... hãy đạt đến cái này và an trú”. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, con có thể chấp nhận là hy hữu hơn, và thù diệu hơn trong ba loại thần thông” (Tăng Chi Kinh Tập1, trang 304).

Xét qua những lời đức Phật đã dạy trên đây, chúng ta biết con đường tu theo đạo Phật là tu những gì có ích cho mình, cho người, còn những gì không ích lợi thì đó chỉ là những trò huyền hóa mà thôi.

Thế mà, hầu hết mọi người đến với tôn giáo không riêng gì Phật giáo, họ đều nhắm vào mục đích thần thông, họ quý trọng mục đích thần thông như những gì siêu việt, người thực hiện được thần thông họ đều xem như Thánh, Thần, Tiên, Phật.

Trong lịch sử tôn giáo không có một tôn giáo nào mà không ca ngợi và tôn sùng thần thông, ngoại trừ có Phật giáo không bài bác thần thông, nhưng xem thần thông như một trò ảo thuật huyền hóa. Đạo Phật không chấp nhận nó, vì nó không ích lợi gì cho mình, cho con người, chỉ là một trò ảo thuật giải trí của thiên hạ, nói như vậy không có nghĩa là đạo Phật không thực hiện được thần thông. Chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Thật vậy, này Bà La Môn, lời nói của Ông trước như là chống ta, sau xích lại gần ta. Và Ta sẽ trả lời cho Ông. Này Bà La Môn, Ta chứng được nhiều loại thần thông...”*** (Tăng Chi Kinh Tập 1, trang 308).

Hướng tới tịnh chỉ hơi thở cũng là một loại thần thông, nó thuộc về loại thần thông biến hóa, thần thông biến hóa nó nằm trọn trong hệ thống Tam Minh. Hệ thống Tam Minh gồm có Tứ Thiên và Tam Minh; và Tứ

Thiền là tịnh chỉ hơi thở, cho nên con tu tập cho các hành trong thân ngưng nghỉ, thì đó là một sự tập luyện về thần thông.

Ở đây, sự tập luyện về thần thông cũng không cần thiết. Đối với đạo Phật sự tu tập cần thiết là phải ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là một đạo đức làm Người, làm Thánh, là giới luật của đức Phật, là giáo pháp của Ngài, là Phạm hạnh của người tu.

Muốn được như vậy, thì hằng ngày con nên tu tập pháp hướng tâm, ***“Tâm như cục đất”***. Tâm như cục đất thật sự, thì tịnh chỉ các hành trong thân của con không còn khó khăn nữa. Cho nên, đức Phật dạy: ***“Tâm như nhuyễn, dễ sử dụng”***.

Chỉ khi nào tâm con như cục đất thì lúc bấy giờ con muốn sử dụng nó như thế nào, nó sẽ làm theo ý muốn của con.

Tâm chưa như cục đất, mà lo tu tập tịnh chỉ các hành trong thân thì cũng giống như Minh Tông, Thiện Thuận và một ông bác sĩ ở Quy Nhơn đều là đem đến tai hại nguy hiểm khó lường.

Muốn tịnh chỉ các hành trong thân thì con nên xem tham, sân, si của con đã quét

sạch chưa? Nếu chưa thì con nên hướng tâm như cục đất, còn nếu tham, sân, si đã vắng bóng thì con hướng tâm tịnh chỉ các hành và sẽ có kết quả ngay liền, con không còn thấy khó khăn một chút nào cả. Vì khi tâm tham, sân, si vắng bóng thì bảy năng lực Giác Chi phải xuất hiện, nó xuất hiện để giúp con làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Sau khi đọc những đoạn Kinh trên đây mà Đức Phật đã dạy, nếu ai còn ham mê thân thông, tịnh chỉ các hành, tịnh chỉ hơi thở, khi mà tâm chưa thanh tịnh thì thật là điên rồ và ngu si như con vật ngu, bỏ mũi bắt bóng mà còn phải thiệt thân.

Điều lo lắng nhất của con người tu hành, là làm sao ly dục ly ác pháp cho được. Điều đó, đức Phật đã xác định cho chúng ta một pháp môn Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý để chúng ta thành tựu, con nên nhớ kỹ mà ghi nhớ trong lòng mãi mãi ***“Tâm như cục đất”***. Tâm như cục đất thì sự tu hành của con đã hoàn tất, không còn phải tu tập gì nữa cả, lúc nào muốn sống chết là quyền ở con, chứ không còn ở luật nhân quả nữa.

Đến đây, Thầy chúc con tu tập sớm thành công, trước tiên tâm con được an ổn, khi đứng trước các ác pháp như: sanh, già, bệnh, chết, con không còn bận tâm và lo lắng nó nữa, trước khi chết con biết chỗ con về. Còn đối về mặt ân nghĩa thì con đã đền đáp ơn Phật, ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục và không phụ ơn Thầy và Đàn na thí chủ. Như vậy, con đã xứng đáng là một người Phật tử. Phải ráng lên con ạ!



NĂNG KHIẾU

Hỏi: *Kính thưa Thầy, qua gương hạnh đáng kính của cô Út Diệu Quang, theo con nhận xét sự tu tập rèn luyện thân tâm không phải tầm thường. Một người tu đạt kết quả như vậy, họ có sẵn một cái tài hay một năng khiếu, một trí thông minh... nên con đường tu mau kết quả, có phải vậy không thưa Thầy?*

Đáp: Sự tu tập nào có được nhanh chóng, đều phải nhờ nhiều đời huân tu chớ không phải có sẵn tài, trí và năng khiếu. Tài trí và

năng khiếu là do sự huân tập nhiều đời mà có. Nếu đời này con không trau dồi, tu tập rèn luyện tài trí và năng khiếu thì đời sau con cũng chẳng có.

Tu tập và xả tâm càng gặp khó khăn, đừng nên chán nản, mà phải quyết tâm khắc phục cho được, xả bỏ cho được, quyết thực hiện cho bằng được thì người đó, sẽ trong một đời này thành tựu viên mãn, chỉ có **“quyết tâm”** là làm nên việc lớn, Đời cũng như Đạo.

Trí thông minh và năng khiếu không phải người có, người không, mà tất cả mọi người ai cũng có, nhưng chỉ vì chúng ta không huân tập nên không có mà thôi.

Ví dụ: trong một lớp học có 60 học sinh, nhưng học sinh giỏi thì có năm ba đứa, chúng học rất nhanh và mau thuộc bài, môn học nào chúng cũng xuất sắc. Thật sự số học sinh này rất ít, nghĩa là học sinh giỏi tất cả các bộ môn.

Còn số học sinh giỏi từng môn thì nhiều, kẻ giỏi toán, người giỏi văn, người giỏi sinh ngữ v.v..

Đó là vì chúng ta đã có học tập trong đời trước, nên đời này chúng học lại môn đó, tức là ôn lại, nên học rất nhanh làm bài rất giỏi. Còn

những người đời trước không học, đời nay học, nên học lâu thuộc bài, nhiều khi học mãi mà không thuộc.

Lịch sử Việt Nam, có nhắc lại ông Lê Quý Đôn, khi ông bố sai mua một cuốn lịch xem ngày, ông đem tiền ra mua giấy và đến cửa hàng bán lịch ông xin cho mượn xem, xem xong ông trả lại cho hàng sách, về nhà ông chép lại cho bố một cuốn lịch mà không sai một chữ nào.

Bên Trung Hoa, đời Tam Quốc, bên Tây Thục sai một người đi sứ qua Bắc Ngụy, tức là Tào Tháo. Tào Tháo viết một cuốn sách lấy tên là Tào Mạnh Đức Kinh, đem khoe với vị sứ giả. Vị sứ giả bảo bên nước tôi trẻ con đều thuộc lâu kinh sách này. Tào Tháo không tin mới bảo Ông hãy đọc cho Tào Tháo nghe một đoạn, Ông bảo Tào Tháo xin Ngài đưa cho tôi xem có đúng không? Rồi tôi sẽ đọc cho Ngài nghe. Tào Tháo đưa cho Ông đọc, Ông đọc xong trả lại cho Tào Tháo, Ông cả cười nói: *“Tôi nói đâu có sai, đúng là trẻ con của nước tôi từng đã đọc sách này”*, Ông bắt đầu đọc cho Tào Tháo nghe không sai sót một chữ nào. Tào Tháo tán thán và không bắt tội Ông được.

Trí thông minh như vậy quá tuyệt vời, đọc qua là thuộc lòng, thế mà trí thông minh đó dùng vào việc gì, chỉ đi ra làm quan mà không giải quyết sự khổ đau của dân tộc. Trong thời làm quan, các vị này cũng chẳng làm được những gì lợi ích cho dân, cho nước nhiều, mà chính sự thông minh đó cũng chẳng giải quyết được gì, cho đời sống của các Ông cả, các Ông ấy cũng chỉ khổ đau vì danh, vì lợi như bao nhiêu người khác.

Làm được như Thầy (tức là làm chủ tham, sân, si) không để tâm mình phiền não khổ đau, giận hờn, thương ghét, ấy là tài năng và trí tuệ. Thông minh cũng như năng khiếu đó mới chính là tài năng, trí tuệ, thông minh của đạo Phật, còn ngược lại tài năng, trí tuệ, thông minh và năng khiếu mà tự làm khổ mình, khổ người. Đó là tài năng trí tuệ của phàm phu, của người thường trong thế gian.

Bởi vậy, người có tài năng, trí tuệ, thông minh của đạo Phật là sống thanh thản, an lạc không làm khổ mình, khổ người (chỉ có những bậc Thánh Alahán mà thôi). Người có được trí tuệ như vậy, không phải từ trên trời rơi xuống, mà do công huân tu tập của chúng ta nhiều ngày và nhiều đời, cũng như bây giờ con thấy

Cô Út Diệu Quang có được tri kiến như vậy, cũng chính là đời trước cũng phải huân tu rất nhiều, huân tu mà còn phải có ước nguyện, khi mình cố gắng xả tâm được, thì mình làm nghịch hạnh, để vừa xả tâm mình, vừa hướng dẫn mọi người đồng được giải thoát khỏi kiếp đời trầm luân khổ đau.

Như các con đã biết, Cô Diệu Quang chẳng học Kinh sách Phật, chẳng chịu ảnh hưởng của một tôn giáo nào, Cô chỉ có công giúp Thầy tu trong thất bằng cách làm kinh tế, mua gạo và thực phẩm để mẹ Thầy nấu cơm cúng dường Thầy ăn và tu hành.

Mục đích của Thầy tu là tìm sự giải thoát, khi nào giải thoát được thì mới dạy người tu, còn đang tu thì nhất định không dạy ai hết, cho nên Cô Diệu Quang chỉ biết trợ giúp cho Thầy tu, chứ không có tu hành gì cả.

Đến khi Thầy tu xong, về trình sự tu hành của mình cho Hòa Thượng Thanh Từ, thì cũng năm đó Phật tử tìm về kiếm Thầy hỏi pháp, do Hòa Thượng Thanh Từ báo cho Phật tử biết chính là Thầy đã tu chứng quả “A-La-Hán”. Đó là vị cư sĩ tìm về đây đầu tiên là Ông Chánh Giải ở Châu Đốc. Khi gặp Thầy ông xin

Thầy cho phép đánh lễ vì Hòa Thượng đã cho Ông biết Thầy đã chứng quả A-La-Hán.

Từ đó, Cô Út Diệu Quang trở thành một người phục vụ cho tu sĩ cũng như Phật tử thì còn đâu có thì giờ mà tu tập.

Lúc nào rảnh rỗi hoặc nửa đêm, Cô mới có thì giờ ngồi tập dừng cái ý, thời gian ấy không lâu chỉ độ 30 phút là cao.

Hoàn cảnh tu sĩ và Phật tử là một trở ngại rất lớn cho sự sống yên tĩnh tu hành của Cô. Cô bị mọi người khen thì ít, mà chê thì nhiều, nhất là tâm phàm phu của thiên hạ. Nhất là dựa theo tâm lý phàm phu của thế tục mà suy diễn về cô Diệu Quang, thì những sự suy nghĩ đó, sẽ đem lại ác pháp cho người, chứ cô Diệu Quang như thế nào thì cô tự biết, đó là nhân quả của Cô, chứ Thầy không ý kiến gì hết. Thầy chỉ thấy đó là duyên phước chúng sanh chưa đủ phước, và là luật nhân quả đời trước. Từ những sự việc đó xảy ra, tự Cô phải đương đầu với nội tâm của mình, tâm như biển sóng dồn dập, Cô như chiếc thuyền nan trên mặt biển.

Cô vừa chiến đấu với nội tâm để xả những u hoài khổ đau của mình vừa phản công những đối tượng bên ngoài (Phật tử và tu sĩ).

Phiền não tức Bồ Đề, nhờ các đối tượng ấy, Cô đã tìm ra phương pháp xả tâm để cứu mình thoát khổ. Đối với những người, đã làm Cô khổ, nhưng có điều là Cô không oán hận những người đó, Cô xem đó như bình thường, không có gì cả, và khi những người đó hữu sự, có tai nạn, thì Cô sẵn sàng khuyên lơn và giúp đỡ. Cô nói nặng nhẹ người khác. Bởi vì, Cô đang còn trên đường tu tập xả tâm, nhưng lòng yêu thương đối với con người không xa lìa, lúc nào cũng thương yêu mọi người, sẵn sàng giúp đỡ, nhưng sẵn sàng nói nặng, vì hạt giống tham, sân, si vẫn còn, để người ấy xả tâm thật sự hay không. Nếu xả tâm thật sự, thì người ấy sẽ chiến thắng được mình. Vả lại, Cô cũng đang còn trên đường tu tập xả tâm, vẫn còn tham, sân, si, mạn, nghi... nên các con hãy lấy Cô làm đối tượng nghịch cảnh để buông xả tâm mình, đừng oán giận Cô.

Khi Cô cố gắng để xả được tâm mình không còn khổ đau, thù hận, xem mọi việc như không, nghĩa là mọi việc không làm Cô bận tâm. Cũng từ đó, tri kiến của Cô phát triển, như các con hiện giờ đã thấy. Cô đối đáp giải quyết theo bản năng tự nhiên của đời trước đã

huân tu, chứ không phải trong đời nay và trong kinh sách.

Các con đừng hiểu rằng, đời trước là một đời kế đây, đời trước ở đây là một đời mà nhiều đời và cũng có thể đồng thời với đức Phật, Cô là người đã học và tu trong những thời đó, kiếp này Cô được làm người, nó đã sống lại trong quá khứ xa xưa kia. Vì thế, các con nên nhớ những gì mà các con tu đúng pháp, dù muôn đời nó vẫn không mất, nó sẽ làm sống lại nơi tâm hồn của các con mà các con sẽ gọi nó là tài năng, năng khiếu hay là trí thông minh. Nhưng nếu các con tu sai, nó vẫn sống lại và đưa các con vào biển khổ bằng ảo tưởng như đồng cốt, những người này họ đâu có tu hành trong đời này, nhưng đời trước họ đã tu theo tà đạo, đời này năng khiếu đó, nó sống lại, cho nên họ trở thành là những loại đồng cốt, ông lên, bà xuống, bóng chàng v.v..

Những người ở đời này, tu Thiền Đông Độ, Thiền xuất hồn, Thiền Yoga và tất cả các loại Thiền tưởng, kiếp sau họ trở thành những thầy cúng, phù thủy, đồng, cốt, thầy bói, thầy bùa, thầy ngải v.v.. Nói chung kiếp này tu sai chánh pháp, kiếp sau làm những điều mê tín, tiếp tục lừa đảo người khác, đó là năng khiếu

tà giáo ngoại đạo. Khi chúng ta huân tu thì nó không bao giờ mất, nó sẽ sống lại trong khi chúng ta sanh lên làm người. Còn chúng ta tu đúng theo chánh pháp của Phật thì luôn luôn lúc nào cũng xả tâm ly dục ly ác pháp. Tuy rằng, cuộc sống có nhiều sóng gió ba đào, nhưng chúng ta không bị lạc vào hoang đảo, cũng vì nhờ đức hạnh và giới luật, nó là ngọn hải đăng đưa tàu vào bến an toàn.

Cuộc đời tu hành của Thầy cũng vậy, khi mất cả hy vọng trên đường tu tập, chơi với giữa biển pháp của Đại Thừa, bước đường cùng, chỉ còn chết mà thôi.

Trong khi mất hết cả niềm hy vọng, thì năng khiếu trời dậy để cứu mình, nên trong tiềm thức của Thầy nhớ đến lời của Hòa Thượng Minh Châu. Trong khi sắp chết đuối, một chiếc phao đã hiện ra và đã cứu Thầy.

Thầy đã tìm được lối thoát mà xưa kia Thầy đã từng tu học giáo pháp này, nên đọc tới đâu Thầy nhận ra pháp hành tới đó và thực hành có kết quả ngay liền, nghĩa là Thầy tu lại theo lời dạy của đức Phật đã dạy trong Kinh Nguyên Thủy pháp “Như Lý Tác Ý” mà hơn nửa đời người theo đạo Phật tu hành chẳng có một vị Thầy nào dạy tu tập điểm này

với pháp môn này, Thầy đã nhận ra bí quyết thành công của pháp môn này là **“Độc cư”**.

Pháp Như Lý Tác Ý và Độc Cư là năng khiếu của Thầy trời dậy. Xưa, đức Phật cũng vậy, khi con đường tu tập tận cùng, Ngài như sắp chết, thì năng khiếu Ngài trời dậy. Ngài nhớ lại đạo lộ Tứ Thánh Định, Ngài liền bỏ sạch các pháp môn của ngoại đạo, Ngài không tu khổ hạnh nữa, tiếp tục sống đúng đời sống Phạm hạnh, khi cơ thể Ngài bình phục, 49 ngày dưới cội Bồ Đề do đạo lộ Tứ Thánh Định, Ngài đã viên mãn con đường tu giải thoát, thỏa mãn được ước vọng của Ngài làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Bởi vậy, muốn có năng khiếu và trí thông minh thì phải tu tập pháp **“Hướng Tâm”** và **“Độc Cư”** con ạ!

Quyết định phải tu cho bằng được phải không con? Dù cho xương có tan, thịt có nát nhất định chúng ta phải thành công, thì đó là con đã huân tập một tài năng, một tri kiến, một năng khiếu.

Hiện giờ, Cô Diệu Quang có trắc nghiệm bằng một phương pháp nào, mà có tận cùng sự khổ đau thì nhất định tâm con cũng như cục đất phải không con? Có như vậy, mới thấy tâm

được giải thoát thanh thản, an lạc và vô sự, đó là kết quả của tâm bất động.



TRÍ TUỆ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi tu Định Vô Lậu tri kiến giải thoát phóng ra đó có phải là trí tuệ không?*

Đáp: Tu tập Định Vô Lậu giúp cho sự hiểu biết thông suốt bản chất thực của các pháp thế gian và xuất thế gian, để không hiểu sai lệch, không đúng lý, không bị lầm chấp. Do sự hiểu biết các pháp không lệch lạc thấy đúng, biết đúng như thật, để tâm không bị lầm chấp dính mắc nên gọi là trí tuệ tri kiến giải thoát. Hiểu biết đúng các pháp như thật, tâm không dính mắc, lầm chấp nên không còn phiền não đau khổ, giận hờn, bất toại nguyện gọi là giải thoát.

Người chưa tu Định Vô Lậu là chưa có trí tuệ giải thoát, trí tuệ giải thoát gọi đúng nghĩa của nó là tri kiến giải thoát.

Vô lậu là không còn đau khổ, trí tuệ hiểu biết không còn đau khổ là trí tuệ vô lậu, trí tuệ vô lậu mới bắt đầu tu tập là tri kiến giải thoát, gọi trí tuệ ở đây không đúng nghĩa lắm. Vì theo đạo Phật xác định Giới sanh Định; Định sanh Tuệ nhưng chúng ta mới tu tập giới chưa thanh tịnh thì làm sao có định mà định chưa có thì làm sao có tuệ mà gọi là tuệ được. Phải không con?

Người tu hành muốn có được tri kiến giải thoát này, thì không phải tự trên trời rơi xuống mà chính mình phải biết ngăn ác diệt ác pháp, phải biết lìa lòng ham muốn.

Biết ngăn ác diệt ác pháp chia ra làm tám phần:

1- Phòng ngừa các ác pháp bên ngoài tức là tránh duyên cảnh bên ngoài (độc cư).

2- Phòng hộ sáu căn tức là giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không cho dính mắc sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (độc cư).

3- Ngăn ngừa không cho việc ác sanh khởi trong tâm như thường tu các định thực hiện về thân hành niệm.

4- Dùng pháp Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý để tạo thành nội lực tỉnh thức, buông xả.

5- Diệt các pháp ác đã sanh bằng Định Vô Lậu.

6- Diệt các pháp ác bằng quán xét nhân quả.

7- Diệt các ác pháp bằng tâm từ, bi, hỷ, xả.

8- Diệt các ác pháp bằng nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng hoặc trầm lặng, từ khước.

Trong tám pháp tu tập này, thì bốn pháp ngăn ngừa là trên hết. Người ta bảo: *“Ngừa bệnh hơn trị bệnh”*.

Cho nên, tri kiến giải thoát là tri kiến phòng hộ, tri kiến phòng hộ là đệ nhất, tri kiến phòng hộ tức là giới luật. Phật dạy: ***“Tri kiến ở đâu là giới luật ở đó. Giới luật ở đâu thì tri kiến ở đó. Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”***. Đoạn kinh này, tức là đức Phật nói pháp ngăn ác, nói pháp ngăn ác tức là nói pháp độc cư, pháp độc cư là bí quyết thành công thiển định của đạo Phật vì nó là pháp ngăn ác tuyệt vời.

Tóm lại, muốn có tri kiến giải thoát thì phải tu tập “**Bát Chánh Đạo**”: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Đó là con đường dẫn đến tri kiến và trí tuệ giải thoát.



MỤC ĐÍCH CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC LÀ GÌ?

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác theo hành động làm việc liên tục từ sáng đến chiều chỉ biết hành động “làm việc tôi biết tôi đang làm việc” không có nghĩ ngợi gì khác hơn, tức là không có tạp niệm xen vào, như vậy có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác như vậy là một sức tỉnh thức kinh hồn, đủ để xả tâm và nhập các định khác một cách dễ dàng.

Chánh Niệm Tỉnh Giác Định tức là tu tập trong Thân Hành Niệm. Nhờ có tu tập Thân Hành Niệm ta mới có tỉnh giác chánh niệm, có

tỉnh giác mới ở trong chánh niệm, có chánh niệm thì tâm mới không làm khổ mình, khổ người, mới có lợi lớn, an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

Mục đích chánh niệm tỉnh giác là gồm tất cả các thiện pháp và trí tuệ Tam Minh. Phật dạy: ***“Này các Thầy Tỳ Kheo, ai tu tập làm cho sung mãn Thân Hành Niệm, cũng bao gồm tất cả thiện pháp gồm những pháp thuộc về Minh phân”.*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập 1, trang 88).

Chúng tôi xin xác định cho quý vị được rõ, vì ở trên chỉ nói lướt qua ***“Chánh niệm Tỉnh Giác và Thân Hành Niệm”*** còn ở đây là hai danh từ để chỉ cho một hành động tu tập Thân Hành Niệm. Tu tập Thân Hành Niệm là chỉ cho sự tỉnh giác trong hành động của thân phải biết hành động đó rõ ràng cụ thể không được bỏ sót một hành động nào của thân, còn Chánh Niệm Tỉnh Giác thì cũng nghĩa như vậy nhưng nó có từ Chánh Niệm để chỉ rõ hơn, chúng ta thử đặt lại vấn đề, tỉnh giác để làm gì? Để Chánh Niệm, còn Thân Hành Niệm tức

là tỉnh giác, vậy tỉnh giác để làm gì? Tỉnh giác để xả tâm tức là khắc phục tham ưu như trong Tứ Niệm Xứ đức Phật đã dạy: ***“Trên thân quán thân tu về hành tướng nội ngoại để khắc phục tham ưu”***. Hành tướng nội ngoại của thân không phải là Thân Hành Niệm sao? Còn khắc phục tham ưu không phải là Chánh Niệm sao? cho nên, Thân Hành Niệm tức là Chánh Niệm Tỉnh Giác.

Ở đây đức Phật đã xác định Chánh Niệm Tỉnh Giác có nhiều kết quả rất lớn cho sự tu tập để đi đến giải thoát: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tâm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về mình phần đi đến tu tập, làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập 1, trang 89).

Như trong đoạn Kinh này, mục đích chánh Niệm Tỉnh Giác giúp chúng ta tịnh chỉ tâm tứ, tức là nhập Nhị Thiên.

Chánh Niệm Tỉnh Giác còn đưa chúng ta đến chứng bốn quả Thánh: Tu Đà Hoàn, Tư Đà

Hàm, A Na Hàm, A La Hán: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự Lưu, đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả Bất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả A La Hán. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 90).

Chánh Niệm Tỉnh Giác còn đưa chúng ta đạt đến những trí tuệ vô hạn và siêu việt: ***“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ, đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ, đưa đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ, đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”*** (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 91).

Khi con tu tập tỉnh giác trong hành động suốt ngày đêm như vậy, là con sẽ chứng quả A La Hán, tức là làm chủ sanh, già, bệnh, chết hoàn toàn. Vì sức tỉnh thức khiến tâm con thanh tịnh, không còn một pháp nào làm động tâm con được. Và nội lực thanh tịnh của tâm con tức là lực ly dục ly ác pháp sẽ giúp con thành tựu Thiền định và Tam Minh một cách dễ dàng không mấy khó khăn. Lúc bấy giờ, con chỉ cần hướng tâm là có hiệu quả ngay, con muốn gì được nấy, vì tâm con hiện giờ thuần thực, nhu nhuyến dễ sử dụng.

Sức tỉnh giác như con đã nói ở trên, là mục đích của đạo Phật, con đã hoàn tất được mục đích đó khi sức tỉnh thức của con được như vậy.

Trên đây, con đã hỏi về pháp Chánh Niệm Tỉnh Giác và con được giảng dạy như vậy con có hiểu chưa? Con có biết những câu hỏi mà con hỏi có một giá trị vô giá không? Vô giá là ở chỗ học được pháp vô giá của đạo Phật, thế mà mọi người đọc tới đây, có người vẫn xem thường pháp vô giá. Ôi, thật đáng thương! Nếu từ ngày Thầy giảng trạch pháp này, mà mọi người biết nó là vô giá thì bây giờ

biết bao nhiêu người đã chứng quả vô lậu A La Hán. Con có nhớ không, bài giảng này khởi sự giảng dạy các con vào năm 1979 đến nay là 2004 tức là 25 năm. Phải không con? Bây giờ, nhuận lại đoạn kinh này, nhìn lại sự tu hành của các con, thì Thầy rất đau lòng vì pháp bảo cứu người biển khổ mà mọi người không đủ phước để thọ hưởng, vì thế pháp bảo 25 năm nay, trở thành một vật vô dụng. Ôi, thật là phí uổng. Vật vô giá, mà trao cho người không có mất, thì cũng như trao đất cát đồ vô dụng cho họ.



TRÍ TUỆ THẾ GIAN CÓ PHẢI LÀ TRI KIẾN GIẢI THOÁT HAY KHÔNG?

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Sự suy tư trong việc làm, để làm việc không thất bại, đó có phải là trí tuệ hay không? Trí tuệ đó có bằng tri kiến giải thoát trong đạo Phật không? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Sự suy tư trong hành động để làm việc không gặp thất bại, đó là tri kiến thế gian, nó thường mang theo những hành động thiện và ác, nên khi biến ra hành động việc làm thường mang theo quả khổ vui của tri kiến đó, nó không phải là tri kiến giải thoát của đạo Phật, nó là tri kiến dính mắc khổ đau, còn tri kiến dùng để quán xét xả tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp, đó là tri kiến dùng để tu tập Định Vô Lậu trong từng tâm niệm, từng hành động việc làm để xả tâm tham ưu, phiền não, do sự quán xét tư duy này nên tâm được giải thoát an vui, thanh thản và vô sự, đó là tri kiến giải thoát.

Tu tập trong tâm niệm và việc làm, tức là tu tập Thân Hành Niệm, đó là một pháp môn đệ nhất của đạo Phật về việc chánh niệm tỉnh thức, nhưng đây là giai đoạn đầu của pháp Thân Hành Niệm.

Tu tập Định Vô Lậu giúp chúng ta sống trong chánh niệm diệt trừ tà niệm.

Tu tập Định Chánh Niệm Tỉnh Giác là giúp chúng ta tỉnh thức phá trừ si mê hôn ám và thường sống trong thiện pháp. Để xác định một lần nữa về trí tuệ thế gian và trí tuệ giải thoát. Trí tuệ là sự hiểu biết và tư duy đều

giống nhau cả. Nhưng sự tư duy suy nghĩ một điều gì mà do lòng ham muốn và nghiệp tham, sân, si thúc đẩy thì đó gọi là trí tuệ thế gian; còn sự tư duy, suy nghĩ đó mà đi ngược lại với lòng ham muốn và nghiệp tham, sân, si thì đó là trí tuệ giải thoát, còn gọi là tri kiến giải thoát.

Do sự phân tích và xác định này thì tri kiến giải thoát không phải ngoài trí tuệ thế gian mà có, không phải do tu tập Thiền định mà sanh ra theo kiểu Thiền Đông Độ đã nghĩ tưởng. Ngồi yên lặng không niệm thiện niệm ác, tức là không có vọng tưởng thì trí tuệ phát sanh. Trí tuệ đó không phải là trí tuệ giải thoát mà là tưởng tuệ.

Có một câu chuyện xảy ra trong thế kỷ này, người ta ca ngợi về Thiền Đông Độ một cách huyền thoại:

Họ nói rằng trong thời chiến tranh Việt Nam có một vị Đại Sứ Mỹ C.B.L. khi được Tổng Thống Mỹ đưa sang Việt Nam để giải quyết vấn đề Phật giáo năm 1962-1963, thì Ông phải đi sang Nhật Bản học Thiền một khoá rồi mới đến Việt Nam giải quyết. Người ta bảo rằng mỗi khi có gặp một vấn đề khó khăn không giải quyết được, thì Ông tọa Thiền

khoảng 30 phút là trí tuệ Ông phát ra và hôm sau Ông giải quyết sự việc một cách tốt đẹp, đó cũng là một trò lừa bịp.

Khi nghe trong Kinh điển đức Phật dạy: **“Giới sanh định, định sanh tuệ”**. Do định sanh tuệ, rồi người ta lại tưởng ra và hiểu một cách sai lệch về định, cho rằng: ngồi Thiền giữ tâm không vọng tưởng là định và khi ngồi im lặng được không vọng niệm xen vào thì trí tuệ phát sanh, trí tuệ này do định sanh rất thông minh. Người ta chưa biết định là gì, nên đã hiểu lầm chữ định sanh tuệ trong nhà Phật.

Chữ định trong nhà Phật, là chỉ cho tâm ly dục ly ác pháp, nếu tâm chưa ly dục ly ác pháp thì tri kiến đó là tri kiến thế gian, còn tâm đã ly dục ly ác thì tri kiến ly dục ly ác pháp đó là tri kiến giải thoát, tri kiến giải thoát tức là định, tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức là tâm bất động, tâm bất động tức là định, định tức là tri kiến giải thoát. Như vậy, đức Phật gọi định sanh tuệ, chứ không phải ngồi như con cóc không niệm thiện niệm ác rồi mới phát sanh trí tuệ. Đó là, một sự hiểu sai lệch, hiểu theo tưởng tri của các nhà học giả xưa và nay.

Hằng ngày, con tu tập diệt ngã xả tâm, ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp là con đã tu tập trí kiến giải thoát. Nhờ tu tập trí tuệ tri kiến giải thoát này tâm con nhuần nhuyễn, bén nhạy, phản ứng tự nhiên, khi gặp các ác pháp khiến tâm con thanh thản và an lạc thì đó gọi là tri kiến giải thoát. Cho nên, một sự tư duy suy nghĩ nào, mà khiến cho tâm ly dục ly ác pháp là trí tuệ tri kiến giải thoát của con chứ không phải ngồi Thiền mà phóng ra trí tuệ đó được.

Muốn có trí tuệ tri kiến giải thoát, thì ngày nào con cũng tu tập quán xét, suy tư để đẩy lùi các chướng ngại pháp trong thân tâm đó là con tu tập rèn luyện trí tuệ tri kiến giải thoát, nó lớn mạnh dần theo sự tu tập của con là con đã khắc phục được tâm tham ưu khổ não của mình, tức là con khắc phục được sanh tử luân hồi.

Những việc tu tập này đức Phật gọi là Thiền định: ***“Này các Thầy Tỳ Kheo, đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... Đối với các pháp ác, bất thiện đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, quyết***

tâm, cố gắng... Đối với các pháp thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... Đối với pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng...". Trên đây, là một bài Kinh trong 37 phẩm trợ đạo mà đức Phật đã dạy chúng ta tu Thiền định thuộc Tăng Chi Bộ Kinh Tập 1, trang 82, bài 14-17, tựa là Thiền Định.

Tóm lại, từ định sanh ra trí tuệ tri kiến giải thoát thì phải ở trong thân hành niệm mà tu tập. Nhờ có tu tập pháp Thân Hành Niệm, thì mới đủ năng lực đẩy lùi các ác pháp và nội lực tham dục, sân dục và si dục. Những dục tham, sân, si này rất mạnh, nếu một người tu hành mà không hành pháp Thân hành Niệm thì chẳng bao giờ có nội lực để đương đầu với nội lực ác pháp tham, sân, si, chúng có một sức mạnh kinh khủng là vì chúng ta đã tập tham, sân, si nhiều đời nhiều kiếp chứ không phải có một đời này.

Thân Hành Niệm, là một tên pháp môn chỉ gồm chung nhiều pháp môn tu tập, rèn

luyện về trí tuệ tri kiến giải thoát, về nội lực bảy Giác Chi, về lệnh Tứ Như ý Túc.

Do sự suy tư tu tập này, chúng ta suy ra mới thấy rõ đường lối tu tập của đạo Phật là chuyển từ tri kiến thế gian để trở thành tri kiến giải thoát, từ tri kiến giải thoát chuyển thành tâm ly dục ly ác pháp, từ tâm ly dục ly ác pháp chuyển thành tuệ Tam Minh, chứ không phải từ sự yên lặng nào mà sanh ra được.

Đạo Phật là đạo trí tuệ, là đạo chuyển hóa tâm phàm phu trở thành tâm Thánh.

Vậy các con có muốn mình có trí tuệ tri kiến giải thoát hay không?

Muốn được như vậy không phải dễ đâu!

Phải bằng nước mắt, xương và máu của chúng ta, có nghĩa là chúng ta phải chết đi một lần và sống lại.

Nếu không có sự quyết tử ấy thì cuộc đời tu hành của chúng ta hoài công vô ích mà thôi.

Bởi tâm Thánh không thể dành cho những kẻ còn ham sống sợ chết, đang nào rồi các con cũng phải chết, nhưng chết trong đau khổ và mãi mãi khổ đau. Ngược lại, người sống

mà như đã chết thì sẽ sống mãi, sống mãi muôn đời và không còn khổ đau nữa.



BUỒN CHÁN KHI XẢ TÂM KHÔNG ĐƯỢC

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Con đã học, đã biết nhất là khép mình trong giới luật sao con vẫn phạm, lương tâm con cắn rứt, khổ sở vô cùng. Ngày nào, giữ đúng con thấy tâm con được yên ổn, thanh thản, an vui.*

Sự tu hành cũng có nhiều khó khăn, tâm còn yếu con không thể vượt qua được, đôi lúc con cũng chán nản. Thưa Thầy, những lúc này con phải tu như thế nào? Trạch pháp ra sao để tiến bước trên đường tu tập?

Đáp: Còn phạm tức là tỉnh thức chưa đủ, chánh niệm còn yếu, nên cố gắng tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác Định và Định Vô Lậu, siêng năng cần mẫn tập nhiều hơn, thì sẽ khắc phục được không còn phạm (còn phạm tức là còn tu, hết phạm tức là hết tu). Đường lối tu tập của đạo Phật rất cụ thể, tu tới đâu biết tới đó, có kết quả hay không có kết quả. Bởi vì, pháp tu

xả tâm, xả ít kết quả ít, xả nhiều kết quả nhiều.

Con nên quan sát lại tâm mình, con sẽ thấy có những kết quả rất lớn, đời sống của con bây giờ so với lúc chưa tu thì có khác xa nhiều, tâm con cũng vậy nhưng chưa rõ ràng.

Gặp lúc tâm chán nản, con nên quán sát lại kiếp sống của con người “*Con người sanh ra vốn để mà khổ*”. Khổ thật, rồi con hướng tâm ám thị “*Ta phải thoát ra cảnh khổ này, dù cho xương tan thịt nát, máu trong thân này có khô cạn, ta cũng quyết chiến thắng tận cùng để giành sự giải thoát cho mình*”.

Đọc đến câu hỏi này, Thầy cảm thông nỗi lòng đau khổ của con: **“Đạo cảm ứng giao nan tư nghĩ”**. Xưa, đọc đến câu kinh này, Thầy rơi nước mắt. Đạo quá khó khăn không thể nghĩ lường, nên chư Phật đã cảm thông nỗi khắc khoải tu hành của những người đệ tử của mình.

Bây giờ Thầy cũng vậy, khi nỗi lòng con trút lên trang giấy, để cầu Thầy cứu con thoát ra kiếp trầm luân đau khổ. “*Tâm còn yếu ớt, con không thể vượt qua được*”, lời nói này khiến Thầy cảm thông, con như người đang chới với giữa dòng sông sắp chết đuối tới nơi.

Tiếng kêu cứu của con thét lên: *“Thưa Thầy những lúc này, con phải tu như thế nào? Trách pháp ra sao để tiến bước trên đường tu tập?”*. Nghe tiếng kêu cứu này Thầy quá bồi hồi, cảm ứng như Thầy đang chơi với giữa dòng sông như con vảy. Thầy là một con người không phải là một cây đá. Tu hành không có nghĩa là trở thành cây đá, tu hành là dẹp bỏ những tâm ích kỷ, nhỏ mọn để không làm khổ mình, khổ người, không thương ghét trong sự đối đãi, chứ không thể nào làm mất tâm từ bi của một tu sĩ Phật giáo. Do đó, sự cảm thông của Thầy không phải đây là lần đầu tiên, mà là của bao nhiêu lần, khi mỗi người đệ tử của Thầy bỏ cuộc ra đi, Thầy biết họ đang chìm dưới dòng sông khổ đau. Lòng Thầy tê tái. Bởi vì, luật nhân quả công bằng và công lý nên quá khắt khe không ai cứu cho ai được cả, chỉ có mỗi người phải tự cứu lấy mình. Xưa, đức Phật cũng đã từng cảm thông, Ngài xót thương nói lên: **“Các con hãy tự thắp đuốc lên mà đi, Ta chỉ là người hướng đạo”**.

Cách đây ba, bốn năm Thầy đã trả lời con câu hỏi này ngắn gọn để con có một chiếc phao mà vượt qua, lòng Thầy cũng giao cảm, se thắt và thương xót, đến giờ này con còn bám theo

Thầy, nên khi nhuận lại tập sách này, một lần nữa Thầy đã xót xa, thương cảm và nhớ đến những người đệ tử của mình quá đại dột, nhẹ dạ, mềm lòng chạy theo những tà pháp cảm dỗ bằng những dục lạc, ăn uống, ngủ nghỉ phi thời, chùa to Phật lớn, đời sống vật chất đầy đủ, tu hành sung sướng như một nhà giàu, sống thì được nuông chiều nâng niu, còn ở đây, thì quá khát khe trong giới luật ăn, ngủ, độc cư mà còn bị nhiều thử thách nghịch duyên. Khiến cho tâm các con tan nát. Nếu không tu tập rèn luyện như vậy thì làm sao thấy tâm mình giải thoát. Hoa sen nở trong lò lửa, chứ hoa sen nở nơi bùn lầy nước hôi thúi thì ra gì. Người tu sĩ Phật giáo Nguyên Thủy như hoa sen nở trong lò lửa: ***“Thắng trăm trận không bằng thắng tâm mình, thắng tâm mình mới là chiến công oanh liệt”***.

Thắng tâm mình tức là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp không đơn giản, nó là một cuộc tranh đấu cam go giữa ánh sáng và bóng tối, giữa thiện và ác, giữa tội lỗi và không tội lỗi, giữa đau khổ và không đau khổ, giữa sống và chết, giữa thiên đàng và địa ngục.

Trong cuộc đời này, ai là người đã vượt qua dòng sông nhân quả, dòng sông đau khổ.

Tiếng kêu cứu từ tự thâm tâm của con, muốn vượt qua dòng sông đau khổ để đến bờ giải thoát, nhưng sóng gió bão bùng quá mạnh, sức con đã kiệt, hơi thở con đã tàn, con không thể vượt qua nổi, như các bạn con họ đã chìm tận đáy sông rồi còn mong gì Thầy cứu được. Hiện giờ, con còn đang lặn hụp chơi với, sắp sửa chết đuối dưới dòng sông này nữa. Thầy cũng sẽ mất đi một người học trò, Thầy biết làm sao hơn để cứu con bây giờ, nếu không phải bằng sức lực của chính con thì còn ai hơn nữa. Thầy chỉ còn có chiếc phao cuối cùng, đó là pháp môn “Như Lý Tác Ý”: *“Dòng đời là khổ đau, tâm ta hãy như cục đất, buông xuống! Buông xuống hết!”*.

Suốt ngày đêm trong 24 tiếng đồng hồ, con thường nhắc tâm như cục đất thì may ra con sẽ đến bờ bên kia.

Con hãy nỗ lực và dùng hơi thở cuối cùng để chiến đấu với nội tâm mình.

Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì

Thở ra chẳng lại còn chi nữa

Vạn sự vô thường buông xuống đi!”

Trước kia, hằng tuần Thầy thường gặp các con, là niềm an ủi trong khi bước chân của các con còn tập tễnh. Bây giờ, các con cứng cáp vững vàng hơn, Thầy không thể đưa tay dìu dắt cho các con từng bước nữa mà phải buông tay ra để các con tự bước vì sức Thầy đã già yếu, cứ một ngày qua là sức khỏe tàn tạ thêm theo năm tháng không thể dìu dắt như trước nữa, vì cơ thể là một phần vật chất vô thường. Thầy đã dùng nó tu tập khổ hạnh một đời để tìm ra ánh sáng của đạo Phật đã bị chìm mất từ xưa, khi tìm ra được thì sức lực đã yếu lắm rồi, nhờ nội lực tu tập Thầy đã phục hồi và duy trì cho đến ngày nay, Thầy gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người.

“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, sống không gia đình, không nhà cửa”.

Trời! Lời nói thì đơn giản, sao mà chẳng ai sống được?

Bởi vì, người ta còn muốn sống, người ta chưa dám chết, nếu không dám chết một lần thì làm sao sống lại.

Tại vì con chưa dám chết, nên con phải sống, sống trong đau khổ, đau khổ muôn đời.

Con thử nghĩ hiện giờ, con đang sống mà như người đã chết thì ai chửi mắng con, con có giận không?

Lửa cháy, nước ngập con có sợ hãi không?

Nếu tâm con như cục đất tức là con đã chết, cái chết đó là cái sống muôn đời con ạ! Sanh tử luân hồi không còn nữa.

Hãy thử chết đi một lần con ạ! Thì con sẽ thấy được vũ trụ này không gì mà con không thông suốt.

Thầy lúc nào cũng bên các con, mỗi sự đau khổ của các con, Thầy đều cảm thông và chia sẻ, những nỗi nhẹn ngào, khi nước mắt của các con tuôn trào, các con có biết chăng? Lúc bây giờ, Thầy đều cảm thông những nỗi thống khổ này, lòng Thầy se thắt, nước mắt Thầy cũng tuôn trào như các con.

Hãy ráng vượt qua các con ạ!

Đường đi không còn xa nữa, chỉ có phút giây tận lực cuối cùng này mà thôi. Phút giây tử thân: ***“Sống mà như chết”***.



NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Ngọc Hạnh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con có một số điều trăn trở, mong Thầy tháo gỡ giải tỏa cho con.*

Đạo Phật dựa trên cơ sở nhân quả và luân hồi. Mặc dù con đã đọc các cuốn sách của Thầy viết, như cái niềm tin trong con nó chưa được lớn, vì vậy sự buông xả còn kém cỏi, sự tu tập còn lười biếng. Con từ nhỏ tới nay, vẫn cứ cho rằng: “Con người chỉ sống có một lần, sau khi chết tất cả đều tan hoại”, đó là vì con đã tiếp thu những tư tưởng duy vật biện chứng. Con đã đọc: “Kinh Nhân Quả Ba Đời” nhưng con vẫn thấy nó mơ hồ trừu tượng nên con không tin.

Đáp: Kinh sách Nhân Quả Ba Đời là kinh sách phát triển của Đại Thừa, kinh sách này luận về nhân quả thiếu tính khoa học nên lý luận mơ hồ, không thực tế, có vẻ hoang đường, làm mất tính chất đạo đức nhân bản - nhân quả của luật nhân quả. Người có sự hiểu biết về khoa học và chuộng sự thật thì không thể nào tin nhân quả theo kiểu lý luận mơ hồ, trừu

tượng, đầy sự hoang đường mê tín lạc hậu này được. Đọc kinh sách Đại Thừa phần nhiều là những lý luận mơ hồ trừu tượng mê tín đầy đây không có cuốn kinh nào mà không có. Cho nên, kinh sách phát triển Đại Thừa làm mất lòng tin của mọi người với Phật giáo. Con cũng bị ảnh hưởng đó, chính vì con đã học về triết học duy vật biện chứng, nên con không thể tin những điều mơ hồ trừu tượng được, Phải không con?

Muốn biết rõ nhân quả như thật thì chúng ta phải tự hỏi: *“Khi người chết cái gì còn lại?”*.

Đức Phật đã xác định điều này rất rõ ràng: *“Khi người chết toàn bộ thân ngũ uẩn đều tan rã không còn một vật gì tồn tại”*. Vậy, không còn một vật gì tồn tại, sao đạo Phật còn chủ trương thuyết tái sinh luân hồi và như vậy có mâu thuẫn nhau không?

Thưa các bạn! Đạo Phật không mâu thuẫn. Khi con người còn sống hằng ngày luôn luôn hoạt động theo tâm tham, sân, si của mình, do mỗi hành động thân, miệng, ý phóng xuất ra những từ trường thiện hay ác (từ trường là một danh từ vật lý tạm dùng để mọi người dễ hiểu, chứ nghĩa của danh từ “từ trường” chưa đúng hẳn) khắp nơi trong bầu khí

quyển. Theo luật nhân quả thì từ trường ấy được gọi là nghiệp. Cho nên, con người chết là mất hết chỉ còn nghiệp (từ trường) thiện ác, nghiệp thiện ác không phải là linh hồn, thần thức hay Phật tánh.

Hầu hết mọi người, có tôn giáo hay không tôn giáo luôn cả các nhà Đại Thừa hiện đang có mặt trên hành tinh này, đều không hiểu lý duyên hợp duyên sinh, do đó tưởng khi người chết còn có linh hồn, thần thức, Phật tánh, tiểu ngã, bản thể v.v.. là một vật thường hằng mang theo nghiệp đi tái sinh luân hồi, điều hiểu biết này là ảo tưởng, mê tín, không đúng sự thật, không có tính khoa học, là sai. Sự hiểu biết này, đức Phật gọi “Chấp thường”. Còn có một số người dựa vào duy vật biện chứng, cho con người mất là mất cả, chỉ có một đời này mà thôi. Sự hiểu biết như vậy, đức Phật gọi là “chấp đoạn”.

Những triết thuyết chấp thường, chấp đoạn là những triết thuyết còn mơ hồ chưa hiểu biết rõ về môi trường sống trên hành tinh này. Môi trường sống trên hành tinh này có nhiều chất liệu, có chất liệu có hình sắc, có chất liệu không hình sắc mà đức Phật gọi chung là “các duyên”. Cho nên, giáo lý nhà

Phật gọi môi trường sống trên hành tinh này là “thế giới duyên hợp”. Có duyên hợp mới sinh ra muôn loài, muôn vật, có duyên hợp mới tạo thành thế giới, không duyên hợp thì không có thế giới. Do thuyết nhân duyên mà đạo Phật đã xác định được con người từ đâu sinh ra và chết đi về đâu rất khoa học mà không có một khoa học hay một triết học nào bắt bẻ được, vì đó là một sự thật, một sự thật do sự tu chứng đã thấy rõ như thấy những chỉ trong lòng bàn tay.

Đạo Phật chấp nhận thuyết tái sinh luân hồi, vì khi con người chết thì mất hết nhưng những nghiệp (tử trường) này không mất, do nghiệp này không mất nên tương ưng với tâm tham, sân, si của người khác hợp đủ duyên tạo thành thai nhi. Cho nên, đạo Phật gọi là “*ngiệp tái sinh luân hồi*”, chứ không gọi “*ngiệp đi tái sinh luân hồi*”. Kinh sách Đại Thừa gọi nghiệp đi tái sinh luân hồi là sai, vì nghiệp là tử trường nên bất cứ nơi đâu trong bầu khí quyển đều có nó, do đó tử trường không đến không đi, chỉ có hợp đúng thời, đúng duyên là tái sinh luân hồi tức khắc.



TÂM SẮC DỤC

Câu hỏi của Quang Tụ

Hỏi: *Pháp “Như Lý Tác Ý” con áp dụng vào cuộc sống thì có kết quả, tuy nhiên vẫn chưa mạnh. Con còn nhiễm sắc dục thể gian, nhất là đối với phụ nữ. Con dù quán bất tịnh nhưng lúc được lúc không. Xin Thầy cho con một lời khuyên!*

Đáp: Muốn đối trị tâm sắc dục, con nên đến nghĩa địa, nơi mọi người đang cải táng hài cốt để nhìn xem thi thể người chết, nhất là mùi hôi thối bốc lên, còn nếu không có dịp xem sự cải táng bốc mộ thì con nên đến bệnh viện xin được xem xác người phụ nữ đã chết đang ướp trong phòng lạnh. Chỉ một lần thấy thi thể người chết là về quán thân bất tịnh thì tâm sắc dục của con sẽ bị triệt tiêu.

Thăm và chúc con tu tập xả tâm tốt, sống đúng đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

Kính thư

Thầy của con



CHÁNH KIẾN

Câu hỏi của Thu Phương

Hỏi: Kính thưa Thầy! Sau khi con đọc bài ĐẠO ĐẾ trong Đặc San Kỷ Niệm Ngày Sinh Nhật Thầy, con có một vài điều thắc mắc về những bài học trong lớp Chánh kiến như: Tứ Bất Hoại Tịnh và nhĩ căn, nhĩ căn, tử căn.. Tại sao lại niệm Phật, niệm Pháp, Niệm Tăng và Niệm Giới trên lớp Chánh kiến? Tu học như vậy có giống như Đại Thừa không? Khi người mới vào tu thì Đại Thừa dạy: niệm Phật là niệm danh hiệu đức Phật, niệm pháp là tụng kinh, niệm Tăng là cúng dường trai tăng và niệm giới là tụng giới vào ngày rằm và ngày 30 mỗi tháng. Thưa Thầy lớp chánh kiến tu học mà Thầy đã giảng dạy như vậy thì cũng giống như bên Đại Thừa, xin Thầy chỉ dạy cho con được rõ. Còn Nhĩ căn, Nhĩ căn và Tử căn phải tu học như thế nào trong lớp chánh kiến?

Đáp: Nguyên nhân có bài giảng về “Đạo Đế” trong Đặc San Mừng Ngày Sinh Nhật Thầy, do Phật tử Bảo Châu - Thanh Trí xin Thầy chỉnh lại bài Tứ Diệu Đế, nhưng Thầy thấy trong bài kinh Tứ Diệu Đế quý sư thầy đã

giảng sai quá nhiều, nhất là Đạo Đế. Từ xưa các nhà học giả tu hành chưa chứng đạo nên đã giảng dạy Tứ Diệu Đế sai nghĩa, lệch ý không đúng chánh pháp của Phật.

Đạo Đế là một mô hình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả của đức Phật (Kinh Sa Môn Quả) nhằm để hướng dẫn bốn giới đệ tử của mình tu học trở thành những bậc Thánh A La Hán. Vì thế, nó đã phân ra ba cấp và tám lớp tu học rất rõ ràng giống như chương trình giáo dục văn hóa của các quốc gia trên thế giới.

Thầy đã dự định chương trình soạn thảo giáo trình tu học cho ba cấp và tám lớp học này, nhưng phải lần lượt không thể ngay bây giờ được, vì hiện giờ Thầy còn đang soạn thảo bộ Giới Đức Thánh Tăng, Thánh Ni trên một ngàn trang giấy và còn tiếp đến bộ sách Đạo Đức Nhân Bản - Nhân Quả trên 10 tập mỗi tập trên 300 trang giấy. Với việc làm quá nhiều, ngoài sức tưởng tượng của con người. Cho nên, khi Bảo Châu – Thanh Trí nhờ Thầy chỉnh lại Tứ Diệu Đế thì Thầy viết bài Đại Cương Về Đạo Đế để mọi người nhận xét và thấy rõ chương trình giáo dục đào tạo bậc A La Hán của Phật giáo rất rõ ràng cụ thể, chứ

không như kinh sách Đại Thừa của các Tổ biên soạn một cách mù mờ. Với lộ trình tu hành mơ hồ, ảo tưởng đầy hoang đường và mê tín.

Bài Đạo Đế này, khi đến tay quý Phật tử cũng như các bậc tôn túc Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni cùng với các cư sĩ bốn phương sẽ làm đảo lộn sự hiểu biết xưa nay của các vị, nhưng đây là một sự thật, là một chân lý. Không lẽ, một chân lý của Phật giáo, mà hiểu một cách lầm lạc như các nhà Đại Thừa vậy sao?

Bài giảng ấy tuy ngắn, nhưng nó là một cú “sốc” mạnh làm đảo lộn và đau đầu cho các nhà học giả và cảnh cáo cho các vị ấy, phải tu tập cho đến nơi đến chốn, chứ đừng trên chữ nghĩa kinh sách mà thuyết giảng, không có một chút kinh nghiệm bản thân tu hành nào, thành ra, các vị ấy trở thành người vọng ngữ, tội lỗi rất lớn, chẳng ích lợi gì cho ai, mà còn tai hại cho Phật giáo và cho các thế hệ tuổi trẻ sau này.

Cho nên, khi đọc bài Đạo Đế, không riêng Thu Phương lấy làm lạ, mà còn có nhiều người lại hỏi chúng tôi: Vậy kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: “Tứ Bất Hoại Tịnh”. Tứ Bất Hoại

Tịnh không phải là pháp môn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới sao?

Kính thưa quý Phật tử! Đức Phật dạy:

1/ Niệm Phật là sống như Phật, chứ không phải niệm danh hiệu Phật (Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật).

2/ Niệm Pháp là sống đúng như pháp, tu tập đúng như pháp, chứ không phải tụng kinh.

3/ Niệm Tăng là sống hòa hợp như chúng Tăng, không chống trái nhau, chứ không phải, trai tăng cúng dàng, lạy lễ các vị Tăng để cầu phước báu.

4/ Niệm Giới là sống đúng Phạm hạnh, không hề vi phạm giới luật, và không phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, chứ không phải hằng tháng vào ngày 30 và ngày rằm cùng nhau tụng giới.

Nghe dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới thì các nhà học giả kiến giải theo chữ nghĩa mà giải thích ra, niệm là đọc lầm thâm trong ý như câu: *“Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni hay Nam Mô Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”*.

Hay niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Niệm như vậy là niệm theo kiểu Đại Thừa không có nghĩa gì cả, không có sự giải thoát gì cả. Ở đây, đức Phật dạy niệm tức là sự tư duy Phật, Pháp, Tăng và Giới để chúng ta thấu triệt Phật, Pháp, Tăng và Giới hàm nghĩa giải thoát như thế nào, để chúng ta noi theo đó, mà thực hiện sống và tu tập đúng như Phật, như Pháp, như chúng Thánh Tăng và như Giới luật đã dạy.

Bài pháp Tứ Bất Hối Tịnh này, được tu học và rèn luyện trên lớp Chánh Kiến. Do tu học trên lớp Chánh Kiến, nên phải dùng nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn mà tu tập.

Có hiểu biết và tu tập như vậy, thì mới có giải thoát thật sự, còn niệm danh hiệu Phật, tụng kinh, cúng dàng trai tăng, đánh lễ chư Tăng và tụng Giới, dù có niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới như vậy cho đến muôn kiếp ngàn đời, thì cũng chẳng có giải thoát được chút nào. Người ta đã lầm, niệm như vậy, là để nhất tâm bất loạn, tức là niệm không có vọng niệm xen vào, chỉ duy nhất có câu niệm Phật mà thôi, thì sẽ được vắng sanh Tịnh Độ, đó là hiểu theo kiến giải lầm lạc của Tịnh Độ Tông (Thất nhứt nhất

tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền...). Còn hiểu theo Thiền Tông, thì nhất tâm bất loạn tức là chẳng niệm thiện niệm ác, chẳng niệm thiện niệm ác, thì bản lai diện mục hiện tiền. Bản lai diện mục hiện tiền, là Thiền định, là Phật tánh, nhưng tất cả những sự tu tập như vậy đều sai hết quý vị ạ! Chỗ nhất tâm bất loạn của quý vị, sẽ rơi vào thế giới tưởng của tướng uẩn, nơi đây là mê hồn trận của tà giáo ngoại đạo. Quý vị tu hành cần nên cảnh giác nơi hang hùm nguy hiểm này. Nếu tu tập đến đây, quý vị coi chừng rối loạn thần kinh mà nguy hiểm tánh mạng, biến quý vị trở thành người điên khùng, mất trí v.v..

Đến đây, quý vị đã hiểu sơ sơ về bài học “TỨ BẤT HOẠI TỊNH” của lớp Chánh kiến. Sau này, có dịp các bạn sẽ gặp lại chúng tôi trên những giáo trình tu học của tám lớp học này, còn thú vị hơn nhiều.

Thân ái chào các bạn, chúc các bạn dồi dào sức khỏe.



ĐẠO VÀ ĐỜI

Câu hỏi của Từ Chơn

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Có phải đường đời và đường đạo là hai ngã cách ngăn không sao dung hòa được phải không thưa Thầy?*

Con thường nghe người ta nói: Khi một người thành công trên đường đời thì không thành công trên đường đạo. Có phải vậy không?

Đáp: Lời nói này không đúng con ạ! Người ta đứng trên góc độ những tôn giáo mê tín mà nói thì đời đạo là hai ngã, còn đứng trên góc độ những tôn giáo đạo đức, không mê tín thì đời đạo là một ngã.

Tại sao vậy?

Bởi tôn giáo mê tín là tôn giáo lừa đảo mọi người nên đời đạo cách xa như hai ngã đường, còn tôn giáo không mê tín là tôn giáo đạo đức, tôn giáo đạo đức là đời sống của con người, nên đời đạo không hai. Nếu đời sống con người không đạo đức là đời sống của loài thú vật, đời sống đau khổ, đời sống u tối như bóng đêm. Còn đời sống có đạo đức là đời sống

tôn giáo như đạo Phật Nguyên Thủy, đạo Ông Bà, đạo Nho Giáo.

Cho nên, tôn giáo nào không chứng minh được rõ ràng mục đích, thường chứng minh không cụ thể, không thực tế, mơ hồ, ảo tưởng là tôn giáo mê tín, còn tôn giáo nào chứng minh được rõ ràng mục đích cụ thể, không mơ hồ, ảo tưởng thì tôn giáo đó là tôn giáo đạo đức của con người. Vì thế, đạo đức của con người thì làm sao gọi là đời đạo hai ngả? Nếu đời sống không đạo đức là đời sống của loài thú vật. Có đúng như vậy không các con? Còn đời sống có đạo đức là đời sống có tôn giáo, chứ không phải theo tôn giáo mới gọi là có tôn giáo. Các con có hiểu ý này không?

Thành công trên đường đời mà không thành công trên đường đạo là thành công trên đường ác. Thành công trên đường đời mà thành công trên đường đạo là thành công trên đường thiện, cho nên đời có đạo là đời thêm tươi, thêm hạnh phúc cho mình và cho muôn người, muôn vật, còn đạo không đời là không phải đạo...

Ví dụ: Một người giàu có mà không đạo đức là người bóc lột mồ hôi công sức của những người khác. Đây là thành công trên đường đời

mà không thành công trên đường đạo. Cho nên, đời thì phải có đạo mà đạo thì phải có đời, đời mà không có đạo là đời sống của loài thú vật như trên đã nói, còn đạo mà không có đời thì làm đạo cho ai. Đến đây các con đã hiểu đời như thế nào là đời đúng, là đời sai. Và đạo như thế nào là đạo đúng, là đạo sai.



CHÁNH TRỊ

Hỏi: *Người ta nói chánh trị không có tôn giáo trong đó, nên con rất phân vân mong Thầy mở rộng lòng từ bi chỉ dạy cho con.*

Đáp: Người ta nói chánh trị không có tôn giáo trong đó, vì người ta hiểu về tôn giáo không chính xác, thường cho rằng tất cả tôn giáo đều là thần quyền, mê tín, chứ người ta đâu biết rằng có những tôn giáo không có thần quyền, không mê tín, như Đạo Thờ Ông Bà, Đạo Nho Giáo, đạo Phật giáo Nguyên Thủy. Những tôn giáo ấy là đạo đức của loài người. Vậy chánh trị rất cần những tôn giáo đạo đức ấy.

Chánh trị không tôn giáo đạo đức là chánh trị độc tài. Chánh trị không tôn giáo mê tín là chánh trị sáng suốt. Tôn Giáo mê tín là chánh trị độc tài. Tôn giáo không mê tín là chánh trị đạo đức đem lại hạnh phúc cho muôn người.

Chánh trị không tôn giáo đạo đức nhân bản là chánh trị què. Tôn giáo không đạo đức nhân bản là tôn giáo mù, tôn giáo mê tín, tôn giáo thần quyền.



THÔNG MINH

Hỏi: *Ấn* mận có nhiều prôtít để thông minh học giỏi, học bài mau thuộc, còn những người ăn chay trí tuệ không phát triển, học hành càng ngày càng sa sút có đúng như vậy không thưa Thầy?

Đáp: Theo luật nhân quả thì người học giỏi là người đã huân học nhiều đời nhiều kiếp, đến đời này họ chỉ đọc sơ qua là đã thuộc lòng, còn những người không thông minh là những người nhiều đời nhiều kiếp trước không huân

học nên đời nay học lâu thuộc bài, cho nên học giỏi hay học dở không phải chỗ ăn mặn hay ăn chay.

Có người ăn mặn học giỏi nhưng cũng có người ăn chay học giỏi. Thầy ăn chay từ lúc tám tuổi thế mà học hành thì không thua ai, còn tu hành thì ai hơn được. Cho nên, vấn đề thông minh không phải ăn chay, ăn mặn mà chỗ do siêng năng học tập nhiều đời nhiều kiếp.



TRIẾT HỌC CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Hỏi: Học môn triết học Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng và Chủ Nghĩa Duy Vật Lịch Sử. Thầy cô đều dạy phải có một lập trường tư tưởng vững vàng, phải đứng trên lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân... nên làm con rất dao động tư tưởng.

Đáp: Về môn triết học thì loài người từ xưa cho đến nay đã để lại cho chúng ta rất nhiều triết học, nhưng không có một triết học

nào đứng vững, nó chỉ đáp ứng theo xu thế của thời đại mà thôi. Triết học không phải là chân lý của loài người, cho nên nó thường không theo kịp từng thời đại thường bị lỗi thời, nên không được con người áp dụng vào cuộc sống triệt để.

Chúng ta ai cũng biết con người có hai phần:

1- Phần vật chất

2- Phần tinh thần

□ Phần vật chất gồm có một duyên (sắc uẩn là thân tứ đại).

□ Phần tinh thần gồm có bốn duyên (thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn).

Như vậy triết học Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng chỉ luận về phần vật chất, còn phần tinh thần hoàn toàn không hiểu. Và như vậy triết học Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng không đủ những điều kiện giải quyết nhân sinh quan và vũ trụ quan để cho chúng ta có một lập trường tư tưởng vững vàng. Có đúng như vậy không các con?



LUẬT NHÂN QUẢ

Hỏi: *Luật nhân quả rất công bằng, ai làm thì người đó chịu. Vậy sao trên đời này chẳng thấy có cái gì là công bằng cả.*

Ví dụ: như người siêng năng học tập không chơi bời mà khi kết quả thi thì cứ thấp hơn những người chơi nhiều học ít. Tại sao vậy?

Đáp: Luật nhân quả rất công bằng, ai làm thì người đó chịu, nhưng chúng ta phải có đủ trí tuệ quán xét, chứ không nhìn một cách thông thường mà thấy được sự công bằng ấy.

Ví dụ: như người siêng năng học tập không chơi bời mà khi kết quả thi thì cứ thấp hơn những người chơi nhiều học ít. Nếu nhìn thông thường thì chúng ta thấy luật nhân quả không công bằng, còn chúng ta nhìn suốt lý nhân quả thì mới thấy luật nhân quả không bỏ sót một hành động thiện ác nào mà ta đã tạo nhân trong hiện tại cũng như trong quá khứ. Cho nên, luật nhân quả gồm có nhiều góc độ nhìn:

- Thứ nhất nhân hiện tại quả hiện tại.

- Thứ hai nhân quá khứ quả hiện tại.
- Thứ ba nhân hiện tại quả tương lai.
- Thứ tư nhân người này quả người khác chịu do chùm nhân quả.

Ví dụ trên về người sinh viên thì phải nhìn nhân quá khứ, quả hiện tại, thì mới thấy luật nhân quả công bằng, còn nhìn nhân hiện tại, quả hiện tại thì luật nhân quả không công bằng, đó là nhìn sai. Thường mọi người chỉ nhìn thấy nhân hiện tại, quả hiện tại, chứ không chịu thấy những nhân quả ở các góc độ khác nhau, vì vậy đôi khi thấy nhân quả không công bằng. Ví dụ: Như một người ăn cắp mà không bị bắt quả tang tại trận, không bị đánh đập, không bị tù tội thì cho đó là nhân quả không công bằng. Như vậy là cái nhìn nhân quả không đúng, chứ không phải nhân quả không công bằng. Luật nhân quả có sự chuyển biến thay đổi theo từng sát na, từng giây, từng phút không để một kẻ nhỏ của thời gian thiếu công bằng. Nếu một hành động thiện vừa làm là có sự thay đổi nghiệp quả ngay liền chuyển biến sự đau khổ của người làm thiện. Thiện ở đây có ba nơi xuất phát:

1- Thân hành thiện

2- Khẩu hành thiện

3- Ý hành thiện

Chỉ một ý hành thiện vừa khởi là chúng ta cũng cảm thấy quả khổ tiêu tan ngay liền.

Ví dụ 1: Một người đang tức giận bị người khác mắng chửi, họ chỉ cần khởi niệm: *“Đời trước ta đã gieo nhân này nên ngày nay ta phải trả hoặc người này là người đáng thương họ đang tạo nhân quả ác”*. Khi nghĩ như vậy ngay liền là họ hết khổ. Phải biết, đang tức giận là đang trả quả ác (khổ), đang chửi mắng là đang tạo nhân ác.

Ví dụ 2: Khi ta vừa khởi niệm người ấy xấu ác là nhân thì ngay đó liền có quả ta phiền não và đau khổ.

Cho nên, phải quán xét trong nhiều góc độ khác nhau thì ta mới thấy luật nhân quả công bằng, và công bằng tuyệt đối, do công bằng tuyệt đối nên không sai một hào ly, vì không sai một hào ly, nên người nào không đủ trí tuệ quán xét tế nhị thì không thấu rõ, vì vậy cho rằng luật nhân quả không công bằng.

Ví dụ: như người siêng năng học tập không chơi bời mà khi kết quả thi thì cứ thấp hơn những người chơi nhiều học ít. Là vì người

học sinh ấy học hành không có phương pháp nên học nhiều mà không nhớ (nhân), do đó kết quả thi thì cứ điểm thấp (quả hiện tại). Còn người học ít nhưng lại học có phương pháp nên nhớ không quên (nhân hiện tại), do đó kết quả thi thì điểm cao (quả hiện tại). Vì công bằng cho nên luật nhân quả không phải chỉ có ở góc độ nhân quả hiện tại mà còn ở nhiều góc độ khác nữa, khi nào các con học đạo đức nhân bản – nhân quả thì các bạn sẽ hiểu rõ hơn nhiều về sự công bằng của luật nhân quả.

Các con cứ thử nghĩ xem: luật nhân quả chi phối điều hành khắp vũ trụ này, nếu chỉ một sát na không công bằng thì vũ trụ này sẽ đổ nhào và không còn trật tự, tất cả vạn vật đều bị rối loạn và bị tiêu diệt.

Với đôi mắt và trí óc phàm phu người ta không thể nào nhìn thấu suốt quy luật hoạt động của nhân quả, vì thế người này thấy góc độ này, người kia thấy góc độ khác, chứ chẳng bao giờ thấy toàn diện.



NGẪU NHIÊN

Hỏi: Trên đời này có những điều may mắn ngoài quy luật nhân quả không thưa Thầy?

Đáp: Trên đời này không có sự ngẫu nhiên, mọi sự kiện, mọi sự vật xảy ra đều phải theo quy luật nhân quả điều khiển hoạt động. Cho nên sự may mắn cũng như sự rủi ro đều do sự định đoạt của luật nhân quả cả. Bởi vì luật nhân quả không ai tạo ra nó mà chính mình tạo ra, nên nó xử phạt lại mình rất công bằng.

Con người mê mờ không đủ trí tuệ nhìn xuyên suốt đường đi của nhân quả nên cho rằng sự may mắn và sự rủi ro ngoài quy luật nhân quả.

Nếu các con cho rằng: mọi sự xảy ra đều là sự ngẫu nhiên thì các con cứ làm ác đi! Hay làm thiện đi! Thì các con sẽ thấy rõ... Nhân quả thiện ác sẽ đến thăm các con, nó không tha một người nào đâu, các con ạ!



SỐ MỆNH

Hỏi: *Có số phận không thưa Thầy?*

Đáp: Có luật nhân quả, chứ không có số phận. Do tinh thần tiêu cực, mất hết ý chí tự lực, nên có một số người đặt ra thuyết định mệnh để an ủi lại mình khi đứng trước những nhân quả quá khắc nghiệt, quá khó khăn. Do bi quan họ nghĩ tưởng rằng: con người không thể nào vượt qua số phận.

Phần đông ngày nay người ta chịu ảnh hưởng thuyết định mạng nhân quả của văn hóa Trung Hoa. Khi đứng trước những việc khó khăn, những sự thử thách gian nan, khổ sở, họ đều co đầu, rút cổ và bảo rằng: Đó là Định mệnh do Trời đã quyết định, chúng ta là con người không thể làm nên và cũng không thể nào vượt qua được. Do sự tư duy như vậy nên nghị lực mất hết, tinh thần yếu kém, mất sức tự chủ v.v..

Nếu có số phận của con người thì trên đời này không có luật nhân quả. Không có luật nhân quả thì xã hội loài người không bao giờ có sự công bằng.

Nếu không có luật nhân quả thì không bao giờ có câu tục ngữ: *“Không ai giàu ba họ và cũng không ai khó ba đời”*. Vì đời sống con người đều nằm trong luật vô thường chung của các pháp, đó là quy luật của nhân quả, của bánh xe tiến hóa luân hồi. Do đó không thể nào nói có số phận được, phải không các con?

Nếu không có luật nhân quả thì bốn chân lý của đạo Phật không ra đời, vì mọi sự đau khổ của con người là số mệnh, là số phận cố định. Vì mọi sự đau khổ của con người là số phận, là số mệnh cố định không thay đổi được, vì thế không thể nào chuyển khổ thành vui được. Do đó, chân lý của đạo Phật không còn là chân lý của loài người nữa.

Mục đích đạo Phật ra đời là dạy con người chuyển khổ thành vui, lấy nhân thiện chuyển quả ác đem lại sự an vui hạnh phúc cho mọi người, cho nên chân lý của Phật giáo sẽ đập tan tành thuyết định mệnh, vì thế con người không còn gọi là số phận mà là chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt.

Ví dụ: Một người chửi mắng mình, mình không chửi mắng lại, vui vẻ không giận hờn, đó là chuyển nhân ác thành quả vui. Như vậy

đâu phải là số phận mà là nhân quả, phải không các con?



SÁCH ĐẠO ĐỨC

Hỏi: *Có nên đưa sách của Thầy cho người khác xem không thưa Thầy?*

Đáp: Khi đưa sách của Thầy cho người khác xem thì con nên chọn những người bạn thân, người bạn tốt, người bạn đối xử có tình, có nghĩa. Còn những người bạn nào có tính cố chấp thì không nên đưa.

Kinh là lời dạy của Phật, là lời vàng, lời dạy đạo đức làm Người, làm Thánh khiến cho chúng ta có cái nhìn rộng rãi hơn, thấu suốt những lý lẽ mà ta chưa từng hiểu biết, những lời dạy ấy khiến cho ta có được một tấm lòng cởi mở, một tâm hồn phóng khoáng, thoải mái dễ chịu. Những lời dạy ấy giúp cho ta mở rộng lòng thương yêu đến với sự sống của muôn loài vạn vật trên hành tinh này. Những lời dạy ấy còn giúp cho chúng ta mở rộng lòng tha thứ những tội lỗi của những người khác khiến cho

thân tâm của chúng ta thanh thản, an lạc và vô sự.

Nhờ những lời dạy ấy chúng ta mới xây dựng cho mình một nền đạo đức nhân bản - nhân quả, sống cao thượng không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh.

Những lời dạy quý báu như vậy khi ta cần cho một người nào thì phải xét họ có đủ duyên hay chưa? Nếu họ là người có đủ duyên thì họ phải là người thành thật, không nói láo, không nói thêm bớt, không nói xấu người khác, không vu khống, không nịnh bợ, a dua, không nói lời hung dữ v.v..

Nếu xét thấy những người như vậy thì nên cho và giúp họ đọc những lời dạy đạo đức của Phật, của Thầy.

Ngược lại con không cho những người mà con chưa hiểu, thì sự không cho ấy là không có tội và không phải là ích kỷ. Cho người khác đọc mà người ta xem thường những lời dạy của Phật là không lợi ích cho họ mà còn tạo thêm tội lỗi phỉ báng Phật giáo nữa.

Cho sách đạo đức làm người mà người nhận sách không xứng đáng, thì người cho không được phước, còn người nhận thì càng

thêm tội lỗi. Cũng ví như người biết luật mà vi phạm luật thì tội nặng, còn người chưa biết pháp luật mà vi phạm luật thì tội nhẹ hơn nhiều.



PHÁ HÔN TRÂM, THÙY MIÊN

Câu hỏi của Bảo Ngọc

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Làm thế nào để phá hôn trầm, thùy miên sạch?*

Đáp: Muốn quét sạch hôn trầm, thùy miên, vô ký thì trước tiên con phải tập đi kinh hành Chánh Niệm Tỉnh Giác cho nhuần nhuyễn, kế đó phải tu tập pháp Thân Hành Niệm, nếu hai pháp này không thắng nổi hôn trầm, thùy miên thì con nên quan sát lại xem về giới luật. Chỉ có một pháp duy nhất phá được hôn trầm, thùy miên, hôn tịch, vô ký, ngoan không tuyệt gốc. Đó là “GIỚI LUẬT”.

Theo sự nhận xét của Thầy thì người tu hành thời nay bị hôn trầm, thùy miên nặng, vì giới luật sống không nghiêm chỉnh, thường vi phạm vào những lỗi nhỏ nhặt, những giới

trọng thì bẻ vụn nát tan để vi phạm không ai biết, sống như đời thường thế tục, nhất là ăn ngủ phi thời, phạm vào giới ăn uống phi thời. Thường thuyết giảng kinh sách mà mình chưa tu chứng, đó là phạm vào giới vọng ngữ. Tứ thời tụng niệm thường tụng kinh ê, a giọng cao giọng thấp theo tiếng chuông, tiếng mõ như ca hát, đó là phạm vào giới ca hát. Hiện giờ các Thầy đều còn cất giữ tiền bạc, đó là phạm giới cất tiền. Y áo toàn của quý Thầy thường mặc những thứ vải đắt tiền, chứ không mặc y phẩn tảo như đức Phật ngày xưa, vì thế các thầy phạm vào giới không trang sức. Thường thấy người khác phái còn sinh tâm sắc dục, đó là phạm vào giới dâm. Còn thấy ưa thích những vật dụng thế gian, vật này tốt vật kia xấu, đó là phạm vào giới tham. Thấy muỗi, kiến cắn còn nở tâm giết hại chúng chưa có lòng từ bi, thì đó là phạm vào giới sát sanh. Những sự sống phạm giới, phá giới như vậy là những tu sĩ hiện giờ chịu ảnh hưởng của giáo pháp Đại Thừa cho rằng giới luật Phật thời nay không phù hợp, lỗi thời, chứ Đại Thừa không ngờ giới luật là một pháp phá hôn trầm, thù miên, vô ký tuyệt vờ, chỉ có giới luật mới phá nổi tâm si của con người mà thôi. Tâm si tức là hôn trầm, thù miên, vô ký, hôn tịch, ngoan không.

Nếu không sống đúng giới luật thì không bao giờ phá nổi tâm si (hôn trầm, thù miên, vô ký. Vậy chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ Kheo, đưa đến hôn trầm thù miên chưa sanh không sanh khởi, hay hôn trầm thù miên đã sanh đã sanh được đoạn tận, này các Tỳ Kheo, như tinh cần giới, tinh tấn giới, dũng mãnh giới. Người tinh cần, tinh tấn, dũng mãnh, này các Tỳ Kheo, hôn trầm thù miên chưa sanh không sanh khởi, hôn trầm thù miên đã sanh được đoạn tận”***. (Kinh Tăng Chi Bộ tập 1 trang 13 bài 8 tạng kinh Việt Nam).

Đọc qua đoạn kinh này nhất là câu: ***“Ta không thấy một pháp nào khác”***, chỉ có Giới luật là pháp duy nhất mới quét sạch hôn trầm, thù miên, vô ký. Đây là lời xác quyết của đức Phật. Vậy khi bị hôn trầm thù miên nặng thì nên trở về giới luật, sống đúng Phạm hạnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào thì đúng như lời Phật dạy hôn trầm, thù miên sẽ được quét sạch.

Thưa các bạn! Lời dạy trên đây các bạn có tin không? Chứ riêng bản thân chúng tôi đã có kinh nghiệm trên sự tu tập này. Do chúng tôi

sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi lầm nhỏ nhặt nào, nên chúng tôi không bị hôn trầm, thù miên đến thăm như các bạn.

Hôn trầm, thù miên là một loại bệnh lười biếng rất khó trị và dai dẳng, nếu không giới luật thì không có pháp nào trị dứt được. Cho nên, chấp nhận cuộc sống tu hành theo Phật giáo thì giới luật là pháp môn ly dục ly ác pháp đệ nhất.



ĐỨC PHẬT KHÔNG LÀM CHỦ NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Thiện Ngộ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong tập hai Đường Về Xứ Phật, bìa xanh, mục nhân quả trang 160 Thầy viết khi đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài bị đau lưng nên bảo ông Anan trải tọa cụ để nằm nghỉ.

Đạo Phật là đạo làm chủ sanh, già, bệnh, chết, có sao đức Phật lại bị đau lưng như vậy?

Khi nhập diệt đức Phật phải nhập định ba lần xuôi ngược rồi mới nhập diệt, như vậy là ý nghĩa gì?

Nếu kinh sách Đại Thừa nói đức Phật đau lưng thì không thể nào được ghi vào sách của Thầy, mong Thầy chỉ cho con hiểu.

Đáp: Trong câu này gồm có ba câu hỏi:

1- Làm chủ bệnh sao đức Phật lại bệnh đau lưng?

2- Làm chủ chết sao đức Phật không tự tại nhập diệt mà phải nhập định ba lần?

3- Tạo sao đoạn kinh này lại được ghi vào sách của Thầy?

□ Như con đã biết trong kinh sách Nguyên Thủy, đức Phật dạy phương cách làm chủ bệnh là pháp môn Tứ Niệm Xứ. Pháp môn Tứ Niệm Xứ là pháp môn khắc phục những sự đau khổ của thân và tâm (Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu...) tức là làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Người cha sinh ra pháp môn ấy là đức Phật. Thế sao đức Phật lại còn bị bệnh đau lưng? Một điều vô lý hết sức. Giáo lý đạo Phật có mâu thuẫn nhau không? có lường gạt người ta không? Mà lại viết những điều này.

Ai đã viết điều này trong kinh sách Nguyên Thủy? (Đức Phật đau lưng) Ai đã phỉ báng đức Phật như thế này? (Nói láo). Nếu không có Thầy thực hiện và không có các đệ tử của Thầy tu tập pháp Tứ Niệm Xứ đẩy lui các

bệnh khổ thì ai là người minh oan cho đức Phật và xác định Tứ Niệm Xứ là pháp môn làm chủ sanh, già, bệnh chết thật sự. Trong khi đó, kinh sách Nguyên Thủy ghi chép đức Phật đau lưng rõ ràng bằng giấy trắng mực đen.

Chúng tôi chứng nghiệm được pháp môn Tứ Niệm Xứ đẩy lui các chương ngại pháp trên thân tâm nên mạnh dạn tuyên bố với các bạn: *“đoạn kinh kết tập này là sai do người sau thêm vào để che đậy pháp môn Đại Thừa tu hành không làm chủ bệnh”*.

Hơn 25 thế kỷ trôi qua ai cũng nghĩ rằng đức Phật chưa có làm chủ bệnh khổ. Người tu xong đọc đến đoạn kinh này rất đau lòng và thương cho Phật Giáo. Vì thương mình, thương người, đức Phật phải bỏ hết sự giàu sang, quyền thế, dục lạc thế gian, phải hy sinh cả thân mạng để mưu cầu hạnh phúc an vui cho mọi người. Ngài là người cha sinh ra Phật Giáo, vậy ai nỡ nhẫn tâm viết những đoạn kinh ghép vào trong kinh sách nguyên Thủy để đánh lừa mọi người khác, để phỉ báng đức Phật thật là đau lòng, những kẻ ấy sẽ bị đọa xứ ác, chịu khổ đau vô lượng.

□ Đức Phật nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền, nhập xuôi, nhập ngược ba lần rồi nhập vào Tứ Thiền xả bỏ báo

thân. Đó là *“thân hành di chúc”* lần cuối cùng để nhắc người đời sau: *“Tứ Thánh Định mới là chánh định, mới là thiên của Phật Giáo”*.

Nhập Tứ Thánh Định, xả bỏ báo thân cũng là xác định cho người đời sau biết: Chỉ có bốn thiên này mới làm chủ sanh, già, bệnh, chết, ngoài bốn thiên này không có thiên nào làm chủ trọn vẹn bốn sự đau khổ của kiếp người được. Các bạn nên lưu ý: những thiên của ngoại đạo, làm chủ được cái này thì không làm chủ được cái kia.

□ Đoạn kinh này rút ra từ trong kinh tạng Nguyên Thủy, được ghi vào sách Đường Về Xứ Phật, để xác định cho mọi người thấy cái sai của những người kết tập kinh sách thường thêm vào và bớt ra làm kinh sách nguyên gốc của Phật giáo mất giá trị như đoạn kinh trên đây. Trong bộ sách Văn Hóa Đường Về Xứ Phật do Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Thông Tin nhóm người biên tập đã cắt bỏ đoạn kết luận của bài Nhân Quả làm mất ý nghĩa. Xin cáo lỗi cùng các bạn.



HẾT TẬP I

MỤC LỤC

THƯ NGỎ	5
THAY LỜI TỰA	11
LỜI BẠT	29
CHƯƠNG I: NGƯỜI CƯ SĨ ĐẾN VỚI PHẬT PHÁP CẦN THÔNG HIỂU	39
DUYÊN PHẬT PHÁP	40
NGƯỜI TÍN ĐỒ CHÂN CHÁNH CỦA PHẬT GIÁO	44
VỊ MINH SƯ PHẬT GIÁO	47
ĐẠO PHẬT LÀ MỘT TÔN GIÁO TỰ LỰC	53
CHƯƠNG II: NGƯỜI CƯ SĨ CÓ SÁU NGHỀ KHÔNG NÊN LÀM	61
CÓ SÁU NGHỀ ÁC	61
THỌ DỤNG THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT KHÔNG THẤY, KHÔNG NGHE, VÀ KHÔNG NGHỊ	67
CHÁNH NGHIỆP VÀ CHÁNH MẠNG	81
NIỀM TIN	88
ĐẠO VÀ ĐỜI	98
DỨT BỎ NHỮNG GÌ CẦN DỨT BỎ VƯỢT THOÁT CUỘC SỐNG THỂ GIAN	108
PHÁP HÀNH	123
THOÁT KHỎI TRẦN LAO VIỆC CHẴNG THƯỜNG	125
TỨ NIỆM XÚ VÔ LẬU THÁNH ĐỊNH VÀ TỨ THÁNH HIỆN TẠI AN LẠC TRÚ ĐỊNH	137
DỨT BỎ DANH LỢI TRONG ĐẠO	143
SỐNG TRẦM LẶNG	149
SANH ĐÃ TẬN PHẠM HẠNH MỚI XONG	158

BỒN THÁNH ĐỊNH	164
CHƯƠNG III: HỒI ĐẠO	169
NHIỆT TÂM	177
PHÁP MÔN DẪN TÂM	177
ĐẮM NHIỄM, KHÓ TIÊU, TÁN LOẠN	181
ĐỊNH SÁNG SUỐT	189
TỈNH THỨC LỢI ÍCH GÌ?	194
TÂM BẤT AN	202
HƠI THỞ NGỪNG CÁC HÀNH TRONG THÂN CÓ NGỪNG KHÔNG?	208
LÚC NÀO HƠI THỞ TỊNH CHỈ?	215
THIỆU NGHỊ LỰC, NHIỆT TÂM VÀ ÁM THỊ	222
TRẠNG THÁI HƠI THỞ TRONG BỐN THIỀN	231
TU NHƯ THỂ NÀO ĐỂ TÂM KHÔNG PHI PHẠM HẠNH?	234
PHẠM HẠNH	240
HƯỚNG TÂM CÁC HÀNH NGỪNG NGHỈ	253
NĂNG KHIẾU	268
TRÍ TUỆ	278
MỤC ĐÍCH CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC LÀ GÌ?	281
TRÍ TUỆ THỂ GIAN CÓ PHẢI LÀ TRI KIẾN GIẢI THOÁT HAY KHÔNG?	286
BUỒN CHÁN KHI XẢ TÂM KHÔNG ĐƯỢC	293
NHÂN QUẢ	300
TÂM SẮC DỤC	304
CHÁNH KIẾN	305
ĐẠO VÀ ĐỜI	311
CHÁNH TRỊ	313
THÔNG MINH	314

TRIẾT HỌC CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	315
LUẬT NHÂN QUẢ	317
NGẪU NHIÊN	321
SỐ MỆNH	322
SÁCH ĐẠO ĐỨC	324
PHÁ HÔN TRÀM, THUY MIÊN	326
ĐỨC PHẬT KHÔNG LÀM CHỦ NHÂN QUẢ	329

GIỚI THIỆU SÁCH

1. Đường về xứ Phật (Mười tập, bộ mới - 2011)
2. Những lời gốc Phật dạy (4 tập, bộ mới - 2011)
3. Văn hóa Phật giáo truyền thống (2 tập, bộ mới - 2011)
4. Đạo đức làm người (Tập I, II...)
5. Cẩm nang tu Phật (Hai tập)
6. Thiền căn bản
7. Hành thập thiện & Tứ vô lượng tâm
8. Những chặng đường tu học của người cư sĩ
9. Thời khóa tu tập trong thời đức Phật
10. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Hiếu Sinh (Tập I, II, III)
11. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Ly Tham (Tập I...)
12. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đạo Đức Gia Đình (Tập I...)
13. Mười Đức Thánh Sa Di (Tập I, II)
14. Giới đức Thánh Tăng, Thánh Ni
15. Định niệm hơi thở
16. Phật giáo có đường lối riêng biệt
17. Pháp môn niệm Phật tứ bất hoại tịnh
18. Nghi thức thọ trai

- 19.Những lời tâm huyết...
- 20.Mười hai cửa vào đạo (2009)
- 21.Tạo duyên giáo hóa chúng sinh (mới 2009)
- 22.Lòng yêu thương (2009)
- 23.Linh hồn không có (2010 quý I)
- 24.Muốn chứng đạo phải tu pháp môn nào? (2010)
- 25.Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (2010)
- 26.Giới đức làm người – 2 tập (bộ mới - 2010)
- 27.Lịch sử chùa Am (bộ mới - 2010)
- 28.Linh hồn không có – tái bản lần I (2010 quý IV)
- 29.Sống một mình như con Tê Ngưu (2010)
- 30.Thanh qui Tu viện Chơn Như (2010)
- 31.Lòng yêu thương – tập 2 (2011 quý I)
- 32.Sống mười điều lành (2011)

Các trang web hiện hành có đăng tải sách của Trưởng lão Thích Thông Lạc:

<http://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.chonlac.org>

<http://www.chonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

...

Ước mong mọi người sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sinh.

PHẬT TỬ ẨM TỔNG KINH

“ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP I”

- Gia đình Thích Nữ Liễu Nghĩa
- Gia đình Thích Nữ Liễu Châu
- Gia đình Thích Nữ Liên Phước
- Gia đình Thích Nữ Diệu Minh
- Gia đình Thích Nữ Diệu Tâm
- Gia đình Thích Nữ Liễu Thắm
- Phật tử Hà nội
- Phật tử Tp. Hồ Chí Minh
- Nhóm thọ bát quan trai sư P.N

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP I

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa – Q.Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: **Nguyễn Hà**

Bìa & Trình bày: **Thanh Tuệ**

Sửa bản in: **Thanh Tuệ**

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: 066.3892911

Email: chonnhu.info@gmail.com

Số lượng in: 1.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm

In tại **CTY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

(Tp.HCM. ĐT: 38164415)

Số xuất bản: ...

In xong và nộp lưu chiểu ...